



ISSN: 1859 - 042X  
Số 2  
2017

TẠP CHÍ

# Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

## ĐẤT NGẬP NƯỚC GIÚP GIẢM NHẸ THIÊN TAI



**Nhìn lại chặng đường  
20 năm hợp tác  
giữa Việt Nam và ASEAN  
trong lĩnh vực  
môi trường**

**Kiểm tra, giám sát  
việc thực thi các quy định  
pháp luật về quản lý các  
loài ngoại lai xâm hại và  
có nguy cơ xâm hại**

**Tiềm năng và  
triển vọng du lịch  
sinh thái  
tại Việt Nam**



SINCE

1890

# San Miguel®

BREWING EXCELLENCE SINCE 1890





# **Green World Corp.**

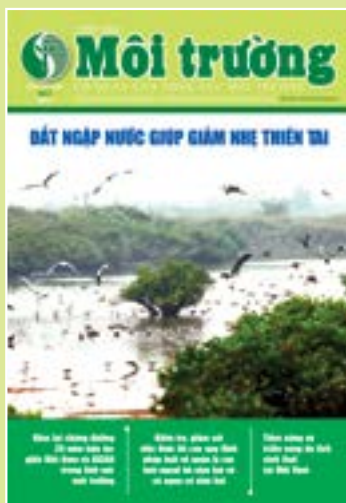
---

Thế giới xanh - Sống an lành

XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CÂY XANH CẢNH QUAN  
**SOFTSCAPE & HARDSCAPE CONTRACTOR**

Web: <http://grw.vn> - [www.caycongtrinh.vn](http://www.caycongtrinh.vn)

Tel: 04.6651.6666



#### HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài  
(Chủ tịch)  
GS. TS. Đặng Kim Chi  
TS. Mai Thanh Dung  
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng  
TS. Nguyễn Thế Đồng  
GS. TS. Nguyễn Văn Phước  
TS. Nguyễn Ngọc Sinh  
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn  
PGS. TS. Lê Kế Sơn  
PGS. TS. Lê Văn Thắng  
GS. TS. Trần Thục  
TS. Hoàng Văn Thúc  
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến  
GS. TS. Lê Văn Trình  
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn  
TS. Hoàng Dương Tùng  
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

#### TỔNG BIÊN TẬP

**Đỗ Thanh Thủy**  
Tel: (04) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2,  
phố Dương Đình Nghệ,  
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Phòng Trị sự: (04) 66569135  
Phòng Biên tập: (04) 61281446  
Fax: (04) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**  
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan  
Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9,  
quận 3, TP.HCM  
Tel: 08.66814471 - Fax: 08.62676875  
Email: tcmtphianam@gmail.com

#### GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: **Nguyễn Việt Hưng**

Bìa: Vườn Quốc gia Xuân Thủy,  
Nam Định

Ảnh: TTXVN

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

**Số 2/2017**

Giá: 15.000đ



#### SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [4] • Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ
- [5] • Bộ TN&MT gặp mặt các đối tác quốc tế đầu Xuân Đinh Dậu
- [6] • Hưởng ứng Ngày Đất ngập nước thế giới 2017: Thúc đẩy việc xây dựng và triển khai các mô hình về bảo tồn, phát triển bền vững đất ngập nước
- [7] • Bộ TN&MT - Bộ Công Thương: Đẩy mạnh hợp tác trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu
- [8] • Những nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch công tác năm 2017 của Tổng cục Môi trường



#### LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [10] NGUYỄN HẰNG: Kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định pháp luật về quản lý các loài ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại
- [12] NGUYỄN THỊ THANH TRÂM - TRƯƠNG THỊ TUYẾT NHUNG: Nhìn lại chặng đường 20 năm hợp tác giữa Việt Nam và ASEAN trong lĩnh vực môi trường
- [14] TRẦN ÁNH DƯƠNG: Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2016 - 2020
- [16] HOÀNG NHẤT THỐNG: Chính sách của Việt Nam về quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong thời kỳ hội nhập quốc tế
- [18] LƯU TRỌNG QUANG: Thanh Hóa xử lý hiệu quả các điểm nóng về môi trường trong năm 2016
- [19] NGUYỄN THỊ TÂM: Hậu Giang: nỗ lực thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới
- [20] ĐỖ BÌNH: Bình Dương: Đẩy mạnh công tác triển khai Kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020



#### TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [23] THẮNG TRUNG: Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Sơn La
- [24] NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH - LÊ THỊ NHUNG: Kiểm toán môi trường và quản lý sinh thái: Một số thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp Việt Nam trong triển khai thực hiện
- [26] ĐÀO VĂN HIỂN: Kết quả hợp tác giữa Việt Nam, Campuchia và Thái Lan trong ứng phó với sự cố tràn dầu vùng vịnh Thái Lan
- [28] NGUYỄN THỊ NGỌC THỤY: Tăng cường giải pháp quản lý và thu thuế tài nguyên trong khai thác khoáng sản

# TRONG SỐ NÀY



## GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [30] ĐÌNH LÂN: Đề xuất giải pháp phát triển cây keo lá liềm trên vùng cát ven biển tỉnh Quảng Trị
- [31] LÊ MAI: Giải pháp bảo tồn, phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hấu, Yên Bái
- [33] LÊ THƯƠNG: Phát triển vật liệu xây dựng không nung ở Lạng Sơn



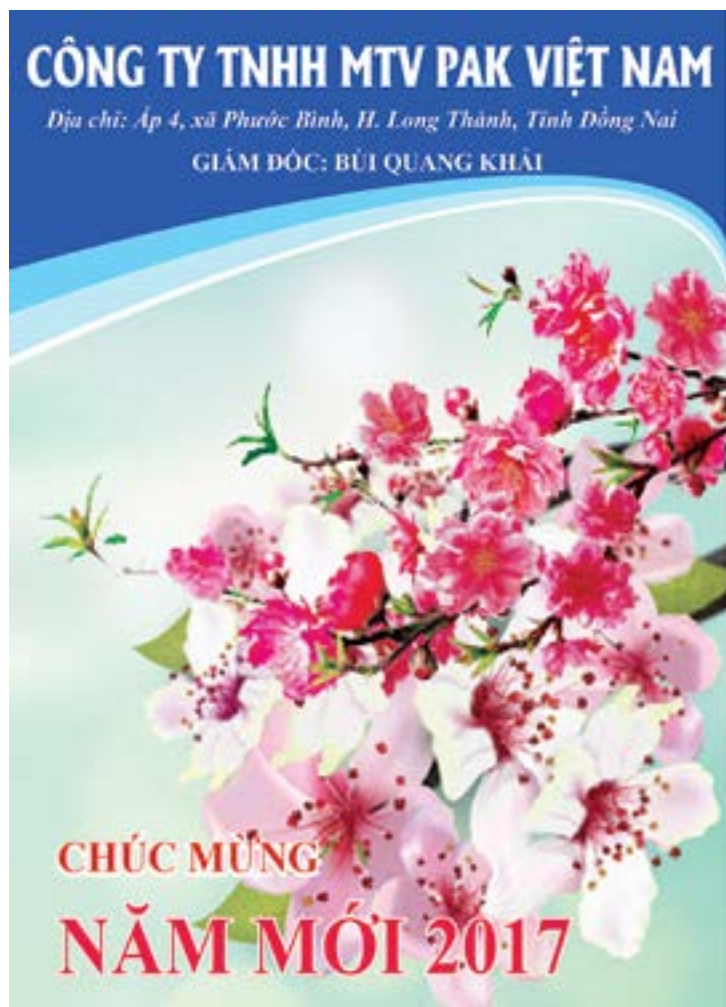
## MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [34] TRẦN GẮM: Công ty vận chuyển khí Đông Nam Bộ: Tăng cường tính kỷ luật, đảm bảo an toàn lao động
- [35] TẠ DUYỆT: Công ty TNHH Số 10 Lai Châu: Nỗ lực đầu tư phát triển bền vững
- [36] ANH TUẤN: Vietsovpetro thực hiện hiệu quả công tác an toàn, sức khỏe và môi trường



## TĂNG TRƯỞNG XANH

- [37] NGUYỄN THANH GIANG: Hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích phát triển năng lượng mặt trời tại Việt Nam
- [39] LÊ XUÂN SINH: Một số mô hình kinh tế xanh ở các quốc đảo trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam
- [42] PHẠM TRUNG LƯƠNG: Tiềm năng và triển vọng du lịch sinh thái tại Việt Nam



## MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [44] PHAN THỊ ANH ĐÀO- LÊ TRỌNG CÚC...: Sinh thái nhân văn và phát triển bền vững
- [47] NGUYỄN THỊ THỦY: Hội Phụ nữ Quảng Bình: Phát huy hiệu quả các phong trào BVMT
- [48] LÊ ANH TỬ: Trải nghiệm du lịch sinh thái tại quê hương xứ dừa
- [49] LÊ TRẦN CHẤN: Điều kỳ diệu trên cao nguyên đá
- [50] DƯƠNG LIỄU - XUÂN THẮNG: Bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ



## NHÌN RA THẾ GIỚI

- [52] HƯƠNG TRẦN: Áp dụng phương pháp dựa vào hệ sinh thái để giảm thiểu rủi ro thiên tai
- [53] TRỊNH LÊ ANH - NHÂM HIỂN: Kenya duy trì chính sách bảo vệ động vật hoang dã để phát triển du lịch
- [55] HOÀNG DƯƠNG: Anh: Xử phạt nặng đối với hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của doanh nghiệp



# Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ



▲ Chủ tịch nước Trần Đại Quang tham gia trồng cây tại khu vực phục hồi môi trường của Công ty than Đèo Nai

Ngày 2/2/2017, Bộ NN&PTNT phối hợp UBND tỉnh Quảng Ninh tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” Xuân Đinh Dậu tại mỏ than Đèo Nai (Quảng Ninh). Chủ tịch nước Trần Đại Quang tới dự và phát động Tết trồng cây.

Phát biểu tại buổi Lễ, Chủ tịch nước Trần Đại Quang nhấn mạnh, hơn 57 năm trước (ngày 28/11/1959), với tầm nhìn chiến lược, Bác Hồ đã viết bài Tết trồng cây đăng trên Báo Nhân Dân, phân tích sâu sắc ý nghĩa của việc trồng cây đối với đất nước, với mỗi gia đình, người dân và kêu gọi toàn dân tham gia Tết trồng cây. Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác, từ đó đến nay, phong trào trồng cây xanh được tất cả mọi tầng lớp nhân dân, mọi lứa tuổi, mọi địa phương tham gia tích cực. Tết trồng cây dịp đầu xuân của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, trong bối cảnh Trái đất có xu hướng nóng lên, biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu và nước biển dâng đang đe dọa cuộc sống của con người nên việc trồng cây ngày càng có ý nghĩa quan trọng. Trên tinh

thần đó, Chủ tịch nước kêu gọi đồng bào cả nước, hăng hái tham gia trồng cây, trồng rừng; mọi người, mọi nhà trồng cây; trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ, cây chắn gió, bảo vệ đê, chống xói mòn đất, chống cát bay; trồng cây trong thôn xóm, dọc đường giao thông nông thôn, vùng ven biển, biên giới, trên các hải đảo, vùng đất trống, đồi trọc... phù hợp với điều kiện của từng nơi, từng vùng. Đồng thời, cần nâng cao ý thức trách nhiệm và có nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực để bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng chặt phá, đốt rừng, khai thác rừng trái pháp luật.

Năm 2016, cả nước đã trồng được gần 222 nghìn ha rừng tập trung và hơn 58 triệu cây phân tán; khoán quản lý bảo vệ 6,2 triệu ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng 360 nghìn ha; giá trị xuất khẩu lâm sản đạt 7,3 tỷ USD; chính sách chi trả

dịch vụ môi trường rừng tạo nguồn thu gần 1.300 tỷ đồng để thanh toán cho chủ rừng, hộ nhận khoán bảo vệ rừng.

Để hoàn thành mục tiêu nâng độ che phủ rừng lên 41,45% và đạt độ tăng trưởng 6-6,5%, năm 2017, các cấp, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về mục đích, ý nghĩa của “Tết trồng cây” để toàn dân tích cực tham gia bảo vệ rừng, trồng cây, trồng rừng gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội. Các địa phương, đơn vị cần xây dựng kế hoạch, chủ động triển khai ngay từ đầu năm, công tác trồng cây, trồng rừng, hoàn thành nhiệm vụ trồng rừng thay thế, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ven biển bảo đảm chất lượng và hiệu quả...

Hòa chung vào phong trào Tết trồng cây trong cả nước, ngày 12/2/2017, tại Nam Định, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với UBND tỉnh Nam Định ra quân tổ chức trồng cây. Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình; Bí thư Tỉnh ủy Nam Định Đoàn Hồng Phong; Bí thư thứ nhất Ban chấp hành (BCH) Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Lê Quốc Phong và hơn 1.500 đoàn viên thanh niên tham dự buổi Lễ... Đây là hoạt động thiết thực nhằm kêu gọi đoàn viên, thanh thiếu nhi tích cực tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh ngay tại cơ quan, trường học và địa bàn sinh sống, góp phần BVMT, hướng đến sự phát triển bền



vững. Sau Lễ phát động, Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình đã cùng các đại biểu và nhân dân huyện Giao Thủy tham gia trồng gần 3.500 cây phi lao chắn sóng tại khu vực bờ biển xã Giao Long.

### CÁC ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG ỨNG TẾT TRỒNG CÂY

Hưởng ứng Lễ phát động “Tết trồng cây”, các địa phương của tỉnh Thái Bình đã ra quân tổ chức trồng cây, cụ thể: huyện Quỳnh Phụ đề ra mục tiêu mỗi người dân trồng một cây xanh; mỗi cơ quan, đơn vị trồng từ 30 - 50 cây xanh; huyện Kiến Xương trồng 15 nghìn cây bóng mát, cây ăn quả tại các cơ quan, đơn vị, trường học và 37 xã, thị trấn; huyện ven biển Tiền Hải trồng khoảng 2 nghìn cây phi lao chắn sóng tại khu vực đê biển xã Nam Thịnh...

Ngay trong ngày đầu ra quân, các địa phương của tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức trồng 84 vạn cây xanh, trong đó huyện Kỳ Anh là địa phương có số lượng cây trồng nhiều nhất với 300.000 cây; huyện Can Lộc 126.000 cây; huyện Thạch Hà 120.000 cây...

Với chủ trương thực hiện hiệu quả công tác trồng cây, gây rừng, năm 2016, tỉnh Yên Bái tổ chức giao khoán bảo vệ và khoanh nuôi 202.627 ha rừng phòng hộ, đặc dụng và rừng tự nhiên sản xuất; khai thác 450.000 m<sup>3</sup> gỗ, khai thác tiêu thụ gần 6.200 tấn vỏ quế tươi và 251 tấn tinh dầu quế cùng 5.000 tấn lâm sản các loại. Nhờ làm tốt công tác trồng rừng đi đôi với phòng chống cháy rừng, đến nay, độ che phủ rừng Yên Bái đạt 62,5%. Dự kiến, năm 2017, tỉnh Yên Bái đề ra mục tiêu sẽ trồng mới 15.000 ha rừng trở lên.

Phong trào trồng cây, trồng rừng và bảo vệ rừng đã được các địa phương trên cả nước triển khai sâu rộng và hiệu quả, góp phần tích cực trong BVMT và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**CHÂU LOAN**

## BỘ TN&MT GẶP MẶT CÁC ĐỐI TÁC QUỐC TẾ ĐẦU XUÂN ĐÌNH DẬU



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà cảm ơn các tổ chức quốc tế đã có những đóng góp, hỗ trợ đối với ngành TN&MT

Ngày 6/2/2017, tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức buổi gặp mặt đầu Xuân Đình Dậu với các đối tác quốc tế. Đây là hoạt động được tổ chức thường niên và cũng là một truyền thống tốt đẹp nhiều năm qua của Bộ TN&MT nhằm tăng cường mối quan hệ ngoại giao giữa Bộ với các đối tác quốc tế nói chung và các đối tác quốc tế có quan hệ hợp tác trong lĩnh vực TN&MT nói riêng. Tham dự buổi gặp mặt có Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và các Thứ trưởng: Chu Phạm Ngọc Hiển, Nguyễn Linh Ngọc, Nguyễn Thị Phương Hoa, Võ Tuấn Nhân.

Phát biểu tại buổi gặp mặt, Bộ trưởng Trần Hồng Hà đã bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các vị Đại sứ, các tổ chức và chuyên gia quốc tế trong thời gian qua đã dành sự quan tâm và tình cảm đặc biệt tốt đẹp cho ngành TN&MT nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung. Bộ trưởng cũng gửi lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất tới toàn thể đại diện lãnh đạo các cơ quan quốc tế và chúc cho mối quan hệ hợp tác giữa Bộ TN&MT với các đối tác quốc tế ngày càng bền chặt, hiệu

quả và gặt hái được nhiều thành công.

Trong năm 2016, các hoạt động hợp tác quốc tế của Bộ TN&MT đã được đẩy mạnh với các sự kiện nổi bật như Việt Nam tham gia Triển lãm quốc tế về thiết bị, công nghệ và dịch vụ môi trường lần thứ 27 (Pollutec 2016) tại TP. Lyon, Cộng hòa Pháp; Việt Nam ký kết, phê duyệt Thỏa thuận Pari về biến đổi khí hậu và ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận này; Việt Nam tham gia và là quốc gia ASEAN đầu tiên tham gia vào Diễn đàn Tăng trưởng Xanh Toàn cầu (3GF). Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ hiệu quả của các đối tác quốc tế, Bộ TN&MT đã tiến hành triển khai các dự án liên quan tới BVMT, ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý bền vững tài nguyên nước... Trong thời gian tới, Bộ mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và đóng góp ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm quý báu của các cá nhân và tổ chức quốc tế trong các hoạt động của ngành. Đồng thời cam kết sẽ luôn là một đối tác tin cậy, minh bạch và mang lại lợi ích thiết thực cho các đối tác hợp tác trong lĩnh vực TN&MT.

**BÙI HẰNG**



## HƯỞNG ỨNG NGÀY ĐẤT NGẬP NƯỚC THẾ GIỚI 2/2/2017 THÚC ĐẨY VIỆC XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CÁC MÔ HÌNH VỀ BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NGẬP NƯỚC

Ngày 5/2/2017, tại xã Thái Thụy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Bộ TN&MT đã phối hợp với UBND tỉnh Thái Bình, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tổ chức Lễ mít tinh hưởng ứng Ngày Đất ngập nước (ĐNN) thế giới và tổ chức trồng cây ngập mặn đầu xuân năm 2017 tại khu vực cửa sông ven biển.

Phát biểu tại Lễ mít tinh, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà nhấn mạnh: ĐNN có nhiều chức năng rất quan trọng như hỗ trợ hạn chế lũ lụt, chắn sóng và gió bão, chống xói lở và ổn định bờ biển, là nơi du lịch, giải trí, duy trì đa dạng sinh học. Việt Nam có hơn 10 triệu ha ĐNN (chiếm khoảng 30% diện tích đất liền), với sự đa dạng về kiểu, loại hình cảnh quan, sinh thái, phong phú về tài nguyên đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái. Một phần năm dân số Việt Nam đang sống tại các vùng ĐNN và phụ thuộc trực tiếp vào việc khai thác, sử dụng các sản phẩm của ĐNN. Hệ sinh thái ĐNN ở Việt Nam

đang bị đe dọa bởi các hoạt động kinh tế, đặc biệt là các hoạt động chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản, thậm chí chuyển đổi sang phát triển các khu công nghiệp.

Để góp phần nâng cao sinh kế, BVMT, phòng chống thiên tai phục vụ phát triển bền vững đất nước, Bộ trưởng Trần Hồng Hà kêu gọi các cấp, các ngành, mỗi người dân nỗ lực đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò, giá trị và phương thức quản lý, bảo vệ, sử dụng các vùng ĐNN; thúc đẩy việc xây dựng và triển khai các mô hình về bảo tồn, phát triển bền vững ĐNN, chú trọng sự tham gia của nhân dân, gắn kết công tác bảo tồn với lợi ích thiết thực của người dân và địa phương; tăng cường lồng ghép bảo tồn và phát triển bền vững các vùng ĐNN vào các kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, giảm thiểu tác động xấu từ hoạt động phát triển đến các hệ sinh thái ĐNN, nhằm bảo



▲ Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà phát biểu tại Lễ mít tinh

đảm phát triển bền vững và sinh kế của người dân sinh sống tại vùng ĐNN.

Ở Việt Nam, vùng ĐNN ven biển huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình là nơi có hệ sinh thái ngập mặn với nhiều giá trị cần được bảo tồn và cũng là nơi có hoạt động phát triển kinh tế năng động. Nơi đây nằm ở cửa sông Hồng với đặc trưng rất quan trọng là rừng ngập mặn được hình thành và phát triển như bức tường xanh trải dài dọc bờ biển, bảo vệ đề biển và che chắn các cơn bão khi đổ bộ vào đất liền. Nơi đây cũng là địa điểm mà một số loài chim nước di cư, trú đông bị đe dọa trên toàn cầu được ghi trong Danh mục đỏ IUCN đến đây trú ngụ và kiếm ăn như: Cò thìa, mòng bể mỏ ngắn, rẽ mỏ thìa, quắm đầu đen... Hiện, UBND tỉnh Thái Bình đang nỗ lực khẩn trương thành lập khu bảo tồn ĐNN Thái Thụy với sự hỗ trợ của dự án “Bảo tồn các khu ĐNN quan trọng và sinh cảnh liên kết” do Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP). Cùng với đầm phá Tam Giang - Cầu Hai (Thừa Thiên - Huế), khu bảo tồn ĐNN Thái Thụy khi được thành lập sẽ là một mô hình bảo tồn có sự tham gia của cộng đồng, hài hòa giữa phát triển kinh tế và BVMT, đáp ứng nguyện vọng của người dân.

Ngay sau Lễ mít tinh, đại biểu các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh Thái Bình, các tổ chức quốc tế, lực lượng vũ trang, học sinh và người dân đã tham gia trồng cây ngập mặn tại bãi bồi ven biển của huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

VŨ NHUNG



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà cùng các đại biểu trồng cây ngập mặn





## BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - BỘ CÔNG THƯƠNG: Đẩy mạnh hợp tác trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

**N**gày 15/2/2017, tại Hà Nội, đã diễn ra Lễ ký kết giữa Bộ TN&MT và Bộ Công Thương về Chương trình phối hợp ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), quản lý tài nguyên và BVMT trong các hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, giai đoạn 2017 - 2020. Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc (UBTW MTTQ) Việt Nam Nguyễn Thiện Nhân tới chỉ đạo và chứng kiến buổi lễ.

Tại Lễ ký kết, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, hiện nay đang là thời điểm khởi đầu kỷ nguyên phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, năng lượng xanh, đổi mới mô hình tăng trưởng, BVMT và phát triển kinh tế, phúc lợi xã hội có quan hệ mật thiết với nhau nên việc ký kết chương trình hợp tác giữa hai Bộ là cần thiết. Để đạt được kết quả trong phát triển bền vững, quản lý môi trường, khai thác hợp lý tài nguyên, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cũng cho rằng, hai Bộ cần phối hợp chặt chẽ để tăng cường bảo vệ tài nguyên, BVMT, ứng phó với BĐKH.

Chương trình phối hợp công tác giữa hai Bộ hướng đến 3 mục tiêu gồm: Tăng cường phối hợp trong việc chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; Chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường (ÔNMT) từ hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại. Kiểm soát chặt chẽ các vấn đề về ứng phó với BĐKH, quản lý, sử dụng



▲ Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh ký kết Chương trình phối hợp

hiệu quả tài nguyên, BVMT trong hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, đặc biệt là trong công tác lập và phê duyệt quy hoạch...; Phát huy tối đa chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực, tiềm năng hiện có của hai Bộ trong việc quản lý, giám sát việc thực thi quy định của pháp luật về TN&MT trong hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại.

Để đạt được các mục tiêu trên, hai Bộ thống nhất cùng triển khai 8 nội dung: Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật về TN&MT liên quan đến hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại; Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt các kế hoạch, chiến lược,

quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của hai Bộ; Quản lý thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa; Phát triển ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ môi trường, công nghiệp hỗ trợ phục vụ công tác ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên trong hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại; Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; phòng ngừa ÔNMT; Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; Thanh tra, kiểm tra về TN&MT trong hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại; Chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu, nâng cao nhận thức về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên, BVMT.

**CHÂU LOAN**



# Những nhiệm vụ trọng tâm kế hoạch công tác năm 2017 của Tổng cục Môi trường

**N**gày 14/2/2017, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cùng các Thứ trưởng: Võ Tuấn Nhân, Chu Phạm Ngọc Hiển, Nguyễn Linh Ngọc, Nguyễn Thị Phương Hoa đã có buổi làm việc với Tổng cục Môi trường về kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2017.

Tại buổi làm việc, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Văn Tài đã báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2017 - 2020 và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 của Tổng cục, cụ thể: Tập trung xây dựng, trình ban hành 3 văn bản cấp Chính phủ, 6 Thông tư, 3 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, 12 tiêu chuẩn quốc gia, 4 định mức kinh tế - kỹ thuật về môi trường; Nghiên cứu, rà soát các quy định của Luật BVMT năm 2014, các Luật về đầu tư, xây dựng, quản lý tài nguyên; Xây dựng quy chế ứng phó với sự cố môi trường và cơ chế đột phá trong huy động nguồn lực đầu tư cho BVMT. Tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với 520 tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn 21 tỉnh/TP; Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra từ năm 2014 - 2016, tập trung vào 219 đối tượng gây ô nhiễm trên địa bàn 10 tỉnh/TP và thực hiện tốt các đoàn thanh tra đột xuất, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về môi trường.

Triển khai, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao trong Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản có liên quan; Tham mưu Bộ



▲ Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Tài báo cáo về các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 của Tổng cục Môi trường

trưởng trong việc kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Chỉ thị; Thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng 118 nhiệm vụ, dự án, đề tài của kế hoạch năm 2017 đã được phê duyệt; Nghiên cứu, xây dựng Bộ tiêu chí sàng lọc các dự án đầu tư theo loại hình sản xuất, công nghệ sản xuất và khu vực đặt dự án. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo về BVMT, đặc biệt là 3 hội nghị chuyên môn cấp vùng để kịp thời nắm bắt khó khăn, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về BVMT. Ngoài ra, thực hiện các chương trình quan trắc, lập báo cáo về môi trường và các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 25/2014/QĐ-TTg ngày 25/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Hoàn thành các nhiệm vụ đột xuất khác do Quốc hội, Chính phủ,

Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo Bộ giao...

Phát biểu chỉ đạo và kết luận tại buổi làm việc, Bộ trưởng Trần Hồng Hà nhấn mạnh, với vai trò là đơn vị quản lý nhà nước trực tiếp về môi trường, Tổng cục Môi trường cần có sự đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy của đội ngũ Lãnh đạo, từ đó có cách điều hành, chỉ đạo phù hợp, sát với thực tế; Tham mưu cho Bộ TN&MT triển khai thực hiện tốt vai trò là cơ quan quản lý tổng hợp, điều phối cả hệ thống, huy động sức mạnh tổng hợp của các tổ chức chính trị - xã hội vào giám sát thực thi pháp luật về BVMT. Để triển khai hiệu quả kế hoạch công tác năm 2017, Tổng cục cần xác định rõ nhóm các nhiệm vụ cấp bách, nhóm các nhiệm vụ lâu dài, trong đó lưu ý tập trung vào một số vấn đề trọng tâm sau:

Khắc phục các tồn tại, bất cập, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC),



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

đánh giá tác động môi trường (ĐTM)... trong đó cần xây dựng quy trình nội bộ về ĐMC, ĐTM, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan, bộ phận, cán bộ liên quan.

Nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, đặc biệt là các quy chuẩn ngành theo hướng tiếp thu, học tập kinh nghiệm về áp dụng quy chuẩn môi trường của các nước tiên tiến trên thế giới, có tính đến tính chất của nguồn thải.

Rà soát, lập danh mục các loại hình công nghiệp, dự án, cơ sở có nguồn thải lớn, tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố môi trường để có biện pháp giám sát chặt chẽ.

Xác định nhiệm vụ cụ thể, vai trò, trách nhiệm của Bộ đối với từng nội dung quản lý nhà nước về BVMT, yêu cầu nhiệm vụ đối với các Bộ, ngành, địa phương, trong đó tập trung vào các vấn đề được xã hội quan tâm, như: Phát thải của các phương tiện giao thông; BVMT nông thôn trong xây dựng, phát triển nông thôn mới; xử lý chất thải rắn; nước thải sinh hoạt, chất thải làng nghề, khắc phục các điểm ô nhiễm tồn lưu dioxin, thuốc bảo vệ thực vật và bảo tồn đa dạng sinh học...

Tăng cường xã hội hóa công tác BVMT, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy công tác xã hội hóa như công khai các yêu cầu về BVMT đối với từng cơ sở sản xuất, kinh doanh đến chính quyền, tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở; xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý hiệu quả các thông tin phản ánh của báo chí, người dân; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia giám sát, phản ánh các vấn đề ô nhiễm môi trường; Đề xuất các mô hình tốt về xã hội hóa xử lý chất thải, nước thải...

Hàng năm, Tổng cục phải đưa ra được thông điệp trọng tâm trong phương hướng, nhiệm vụ về BVMT; Đánh giá thực trạng và đề xuất phương án kiện toàn tổ chức bộ máy về môi trường, sự phối hợp giữa Bộ TN&MT với các Bộ, ngành, địa phương; Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh, kiểm tra về BVMT; Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng các bộ đơn giá để làm cơ sở cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế khoán, đề án thu phí thông tin dữ liệu về môi trường và báo

cáo Bộ về việc triển khai xếp hạng BVMT cấp tỉnh.

Về những nhiệm vụ mang tính dài hạn, Bộ trưởng chỉ đạo, Tổng cục cần khẩn trương nghiên cứu xây dựng đề xuất các đề án, dự án tổng thể về BVMT nhằm giải quyết những vấn đề môi trường cấp bách; xây dựng đề án về sự cần thiết và đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2014, trong đó tập trung vào việc xây dựng các cơ chế, chính sách về công cụ kinh tế trong BVMT, áp dụng hiệu quả nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường vai trò các tổ chức, đoàn thể và người dân trong BVMT, thực hiện mô hình 3R (giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế) trong quản lý chất thải... Hoàn thiện hồ sơ theo đúng các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình Chính phủ xem xét, trình Quốc hội. Cùng với đó, Tổng cục cần khẩn trương nghiên cứu, đề xuất sửa đổi nghị định, thông tư quy định chi tiết thi hành Luật BVMT, khắc phục ngay một số bất cập hiện nay. **GIA LINH**



# Kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định pháp luật về quản lý các loài ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại

**Vào ngày 5/2/2017, tại bến sông trước cửa đình làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội, đã diễn ra lễ phóng sinh một lượng cá lớn. Theo thông tin từ một số cơ quan truyền thông, trong lễ phóng sinh đó có cá chim trắng (tên khoa học *Piaractus brachypomus*, tên đồng danh *Colossoma brachypomum*) là ngoại lai có nguy cơ xâm hại. Sự việc đã gây hoang mang trong dư luận về ảnh hưởng của việc phóng sinh các loài ngoại lai vào môi trường tự nhiên.**

## ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA CÁ CHIM TRẮNG NƯỚC NGỌT

Cá chim trắng có tên thường gọi ở Việt Nam là cá chim trắng toàn thân hoặc cá chim trắng nước ngọt. Cá chim trắng nước ngọt được nhập vào Việt Nam từ năm 1998 và đến năm 2000 đã cho sinh sản nhân tạo thành công theo quy trình công nghệ sản xuất giống cá của Trung Quốc. Cá sống trong môi trường nước có nhiệt độ từ 21 - 32°C, nhưng thích hợp trong khoảng từ 28 - 30°C. Cá chim trắng nước ngọt chịu nhiệt độ thấp tương đối kém, dưới 10°C có biểu hiện không bình thường và chết. Cá có thể sống bình thường ở độ mặn từ 5 - 10, cá chết ở độ mặn 15 và sống trong các thủy vực chật hẹp như ao, hồ, đầm với độ pH từ 5,6 - 7,4. Cá có tập tính sống tập trung thành bầy đàn và di chuyển theo bầy.

Về đặc điểm hình thái, cá có đường kính mắt bằng 1/4,5 chiều dài đầu. Răng có hai hàm, hàm trên và hàm dưới. Hàm trên có hai hàng răng, hàng ngoài có 10 răng, hàm trong có 4 răng.



Hàm dưới cũng có hai hàng răng, hàng ngoài có 14 răng với 6 răng lớn và 8 răng nhỏ, hàng trong có 2 răng. Mặt răng có dạng răng cưa. Các vây bụng và vây hậu môn của cá có màu đỏ. Vây đuôi có điểm vân đen ở điểm đuôi. Cá có khả năng biến đổi màu sắc theo môi trường sống. Dạ dày của cá tương đối to, có hình chữ U. Chiều dài của ruột bằng 2,5 chiều dài thân.

Cá chim trắng nước ngọt là loài cá ăn tạp, có thể ăn các thức ăn có nguồn gốc thực vật, động vật như thực vật thủy sinh, tôm, cá con, các loài nhuyễn thể. Thức ăn trong dạ dày của mẫu cá thu được trong ao chủ yếu là chất xơ thực vật, hạt ngũ cốc, lúa. Cá chim trắng nước ngọt là loài nhập nội, hiện đang được nuôi thử nghiệm, có kiểm soát trong quá trình nuôi. Do tập tính ăn tạp, phạm ăn, sản mỗi theo bầy, việc nuôi khảo nghiệm, hoặc nuôi thương phẩm loài cá này chỉ nên giới hạn ở những vùng được xem là an toàn, có điều kiện che chắn (đê bao, đặng, lưới.); không nên phát triển nuôi ở những vùng có lũ lụt thường xuyên và không có điều kiện kiểm soát con giống thả nuôi và những vùng nhạy cảm về sinh thái.

## PHÓNG SINH CÁ CHIM TRẮNG LÀ VI PHẠM QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Cá chim trắng nằm trong Nhóm 1 (Loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại đã xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam), Phụ lục II (Danh mục loài ngoại lai xâm hại có nguy cơ xâm hại) của Thông tư liên tịch số 27/2013/TTLT-BTNMT-BNNPTNT quy định tiêu chí xác

định loài ngoại lai xâm hại và ban hành loài ngoại lai xâm hại. Như vậy, việc phóng sinh cá chim trắng xuống sông Hồng rất có thể sẽ khiến một số loài cá bản địa bị tận diệt, gây ra mối nguy hại lớn cho hệ sinh thái của dòng sông.

Nhìn ở góc độ pháp luật thì việc phóng sinh cá chim trắng là trái với các quy định của pháp luật. Theo Thông tư số 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ NN&PTNT cũng quy định quản lý các loài thủy sinh ngoại lai (tại Khoản 6 Điều 7) “Nghiêm cấm chủ sở hữu tự ý phóng sinh thủy sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại ra môi trường tự nhiên, khu bảo tồn và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi này”. Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (tại Khoản 1 Điều 52) cũng quy định: “Việc nuôi loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại chỉ được tiến hành sau khi có kết quả khảo nghiệm loài ngoại lai đó không có nguy cơ xâm hại đối với đa dạng sinh học và được UBND cấp tỉnh cấp phép”. Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT (tại Khoản 2 Điều 43): “Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn vì mục đích thương mại, trong trường hợp kiểm soát được sự phát triển, lây lan của chúng và chưa gây ra thiệt hại”. Đối với các hành vi nuôi, lưu giữ, vận chuyển, trồng, cấy loài ngoại lai xâm hại ngoài phạm vi khu bảo tồn, tùy mức độ thiệt hại thì mức xử phạt sẽ tăng nặng theo quy định tại Khoản 3, Điều 43 Nghị định này.



▲ Hình ảnh phóng sinh cá ra môi trường được ghi lại tại bến sông trước cửa đình Bát Tràng

## ● Ý kiến nhà quản lý và chuyên gia khoa học

**Ông Nguyễn Khắc Lâm, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm giống thủy sản Hà Nội:** Cá chim trắng là loài thủy sản ngoại lai, ăn tạp nhưng không hung dữ như loài cá hổ nguồn gốc từ Nam Mỹ. Tại Việt Nam, cá chim trắng đã được người dân nuôi thương phẩm hàng chục năm nay, nhưng sức sinh sản kém, thường có hiện tượng chết hàng loạt về mùa đông do không chịu được thời tiết lạnh. Tuy nhiên, không nên phóng sinh loài ngoại lai ra môi trường, mà ưu tiên các giống bản địa, nhất là những loài cá có nguy cơ bị tuyệt chủng.

**Ông Trần Văn Sơn, Chi cục phó Chi cục Quản lý chất lượng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Sở NN&PTNT TP. Hồ Chí Minh):** Cá chim trắng có thể nặng đến 20 kg, sống đến 10 năm tuổi, tên khoa học là *Colossoma Brachypomum*, là loài cá ngoại lai, nhập vào Việt Nam từ năm 1998. Cho đến nay vẫn chưa có báo cáo khoa học nào đánh giá đầy đủ tác hại của cá chim trắng đối với môi trường sinh thái tự nhiên. Tuy nhiên, loài cá này chỉ được nuôi ở ao hồ làm thương phẩm nhưng trong tầm kiểm soát chặt, nhằm tránh nguy cơ có thể đe dọa đến sự sinh trưởng của các động thực vật thủy sinh khác.

**GS Mai Đình Yên (ĐH Quốc gia Hà Nội):** Cá chim trắng là loài ngoại lai có nguồn gốc từ Trung Quốc vào Việt Nam theo đường tiểu ngạch, đưa về nuôi trong nước hàng chục năm nay. Loài cá này được nuôi tự phát trong dân, cũng không có quy hoạch hay chủ trương phát triển. Dù là loài ngoại lai nhưng các nhà khoa học cũng có nhiều công trình nghiên cứu, đánh giá thực tế, loài cá này có thể nuôi chung, lẫn với nhiều loài cá khác. Khi nuôi trong ao, trong điều kiện mật độ quá dày, thiếu thức ăn thì có hiện tượng cá chim trắng ăn, cắn đuôi các loài cá khác. Về mặt quan điểm khoa học thì dù không phải là loài nguy hiểm, nhưng cũng không khuyến khích thả những loài sinh vật ngoại lai ra môi trường mà nên chọn các loài cá bản địa.

## KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CÁC LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

Trong thời gian qua đã có những ý kiến trái chiều về việc thả cá chim trắng xuống sông Hồng. Có ý kiến lo lắng loài cá này sẽ ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái vì thuộc họ cá hổ của Nam Mỹ; có ý kiến lại cho rằng, cá chim trắng ở Việt Nam hoàn toàn

không giống loài cá hổ Nam Mỹ và việc phóng sinh không ảnh hưởng tới môi trường sinh thái. Ở một diễn biến khác, tại cuộc họp với lãnh đạo xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thì số cá được thả phóng sinh trong lễ ngày 5/2 do nhà chùa thực hiện chỉ là cá

mè, trắm, trê, chép, còn cá chim trắng có thể là do người dân, Phật tử các nơi đi lễ mang đến thả.

Trước tính chất phức tạp của vụ việc, Bộ TN&MT đã đề nghị Bộ Công an chỉ đạo các đơn vị chức năng tiến hành điều tra, xác định rõ thông tin và xử lý theo quy định đối với trách nhiệm tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật. Đồng thời, Bộ có văn bản đề nghị các bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp chỉ đạo việc quản lý loài ngoại lai xâm hại và loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại nhằm bảo tồn đa dạng sinh học trên phạm vi toàn quốc, cụ thể:

Bộ NN&PTNT rà soát danh mục và việc quản lý các loài ngoại lai xâm hại, các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản trong ngành nông, lâm, thủy sản để bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật về quản lý loài ngoại lai xâm hại; Chỉ đạo việc thực hiện nghiêm các biện pháp kiểm soát các loài xâm hại, loài có nguy cơ xâm hại trong ngành thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp; Phối hợp với Bộ TN&MT để rà soát, cập nhật Danh mục các loài ngoại lai xâm hại.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định pháp luật về quản lý các loài ngoại lai xâm hại, loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại trên địa bàn; Tăng cường hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về các tác hại của loài ngoại lai xâm hại đối với môi trường và đa dạng sinh học, không thực hiện các hành vi nuôi, trồng, phát tán, phóng sinh loài ngoại lai xâm hại, loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại trái với quy định của pháp luật. ■

NGUYỄN HẰNG



# Nhìn lại chặng đường 20 năm hợp tác giữa Việt Nam và ASEAN trong lĩnh vực môi trường

NGUYỄN THỊ THANH TRÂM, TRƯƠNG THỊ TUYẾT NHUNG  
 Văn phòng ASOEN Việt Nam

**Trải qua 20 năm tham gia hợp tác ASEAN, Việt Nam ngày càng khẳng định vai trò và vị thế trong khu vực, đồng thời tạo dựng hình ảnh một đất nước đang đổi mới, phát triển năng động, có trách nhiệm, là đối tác tin cậy trong ASEAN và cộng đồng quốc tế.**

Hợp tác ASEAN về môi trường diễn ra trong bối cảnh khu vực và trên thế giới có những biến động về kinh tế xã hội và môi trường, cùng với các thảm họa thiên nhiên như sóng thần, động đất, bão lũ..., đặt ra nhiều thách thức cho các nước ASEAN. Năm 1989, đánh dấu sự thúc đẩy hợp tác về môi trường giữa các nước thành viên ASEAN thông qua việc thành lập Tổ chức Quan chức cấp cao ASEAN về môi trường. Sau đó, Hiến chương ASEAN (có hiệu lực vào năm 2008) và Kế hoạch Tổng thể về Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN 2009 - 2015 là những tiền đề quan trọng để các hoạt động hợp tác ASEAN có những bước phát triển mạnh mẽ.

Bắt đầu gia nhập ASEAN vào tháng 7/1995, Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động hợp tác của khu vực trên tất cả các lĩnh vực chuyên ngành. Tháng 2/1996, Tổ chức các quan chức cấp cao về môi trường của Việt Nam (ASOEN Việt Nam) được thành lập và hình thành 6 nhóm công tác: Môi trường biển và đới bờ, Kinh tế môi trường; Ô nhiễm xuyên biên giới; Quản lý môi trường; Giáo dục môi trường và Bảo tồn thiên nhiên. Từ đó đến nay, ASOEN Việt Nam đã tích cực tham gia các hoạt động môi trường của khu vực, đưa ra nhiều sáng kiến, đóng góp quan trọng vào các thỏa thuận, hiệp định của ASEAN.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, Việt Nam là quốc gia tiên phong trong triển khai các trọng tâm, ưu tiên hướng tới mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN. Với phương châm chủ động, tích cực và có trách nhiệm, Việt Nam đã đăng cai tổ chức nhiều hội nghị nhóm công tác, triển khai các chương trình hợp tác và tham gia đầy đủ các hội nghị ASEAN về môi trường ở tất cả các cấp trong vai trò



▲ Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về môi trường lần thứ 27 diễn ra tại Thủ đô Naypyidaw (Myanma) từ ngày 3 - 4/8/2016

là nước thành viên. Trong đó, dấu ấn lớn nhất là việc Việt Nam đăng cai tổ chức chuỗi các hội nghị quan trọng gồm Hội nghị Bộ trưởng Môi trường ASEAN lần thứ 13, Hội nghị Bộ trưởng Môi trường ASEAN+3 lần thứ 14 và chuỗi sự kiện liên quan vào năm 2015. Trong khuôn khổ chuỗi các hội nghị trên, Việt Nam đã đề xuất sáng kiến và phối hợp với Ban Thư ký ASEAN xây dựng Tuyên bố về Chương trình Nghị sự bền vững môi trường và biến đổi khí hậu ASEAN sau 2015, với mục tiêu hướng tới Cộng đồng ASEAN phát triển bền vững, đảm bảo môi trường

xanh và trong lành. Đồng thời, cam kết ASEAN sẽ tích cực tham gia vào các nỗ lực toàn cầu nhằm giải quyết những thách thức môi trường trong đó có biến đổi khí hậu, bảo vệ tầng ô-zôn, cũng như phát triển và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường.

Trong các nhóm công tác ASEAN về môi trường, với vai trò là một trong những thành viên trụ cột của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN, Việt Nam đã tham gia hiệu quả vào các chương trình, dự án, hoạt động của nhóm, đề xuất nhiều sáng kiến thiết thực, đóng góp cho



▲ Huế vinh dự là 1 trong 10 TP bền vững về môi trường ASEAN

sự phát triển chung của khu vực và toàn cầu. Bên cạnh việc tăng cường thúc đẩy hợp tác và liên kết nội khối, Việt Nam cũng tích cực tham gia thúc đẩy hợp tác giữa ASEAN với các nước đối tác bên ngoài (Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Mỹ...) về môi trường, qua đó, nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam với quốc tế. Trong 20 năm hợp tác ASEAN, bạn bè trong và ngoài khu vực hiểu rõ hơn đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đồng thời, Việt Nam đã có điều kiện để học tập và chia sẻ kinh nghiệm, tiếp cận các tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực cũng như chủ động nêu các sáng kiến thúc đẩy hợp tác. Đến nay, Việt Nam đã đề xuất hơn 10 sáng kiến hợp tác với ASEAN về môi trường, triển khai 7 dự án mà Việt Nam là đầu mối. Hiện Việt Nam có 6 Vườn quốc gia (VQG) được công nhận là Vườn Di sản ASEAN gồm: Chư Mom Ray, Hoàng Liên, Ba bể, Kôn Ka Kinh, U Minh Thượng, Bái Tử Long. Ngoài ra, Việt Nam có 4 TP đạt Giải thưởng TP bền vững về môi trường và các chứng nhận là TP Đất sạch, Không khí sạch, Nước sạch và tiềm năng bền vững về môi trường ASEAN: Hạ Long, Đà Nẵng, Huế, Đà Lạt; 4 trường học được trao Giải thưởng Trường học sinh thái ASEAN gồm: Trường THCS chuyên Amsterdam, Trường THPT chuyên Chu Văn An, Trường PTTH Chuyên ngoại ngữ, Trường THCS Thực nghiệm.

Mặc dù, Việt Nam đã đạt được nhiều thành quả tốt đẹp trong quá trình hợp tác, nhưng vẫn còn rất nhiều hạn chế và thách

thức cần phải giải quyết như các chương trình hợp tác trong lĩnh vực môi trường rất rộng, đòi hỏi phải có một cơ chế linh hoạt để có thể huy động tối đa nội lực trong nước nhằm chủ động tham gia một cách có hiệu quả các hoạt động hợp tác ASEAN về môi trường. Hiện nay, số lượng và trình độ cán bộ chuyên trách về ASOEN Việt Nam còn thiếu và hạn chế, các cán bộ thực hiện công việc của ASOEN đa phần là cán bộ kiêm nhiệm. Trong khi hoạt động hợp tác giữa ASEAN với các quốc gia khác ngày càng tăng, đòi hỏi phải kịp thời cập nhật, tổng hợp thông tin để tham mưu, điều phối hoạt động giữa các Nhóm công tác với nhau và với các Bộ, ngành liên quan. Đặc biệt, nguồn kinh phí để thực hiện các sáng kiến của Việt Nam còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai và tham gia các hoạt động hợp tác trong khu vực. Đây là những thách thức lớn, gây khó khăn cho việc triển khai các hoạt động hợp tác với ASEAN.

Trong bối cảnh ASEAN đang nỗ lực xây dựng và triển khai các mục tiêu của Cộng đồng ASEAN đến năm 2025, Việt Nam cần xây dựng một chiến lược hay kế hoạch hành động tham gia hợp tác ASEAN về môi trường phù hợp trong từng giai đoạn và kịp thời hỗ trợ các chiến lược phát triển của đất nước, nhất là các chiến lược về TN&MT. Bên cạnh đó, cần tăng cường năng lực cho Văn phòng ASOEN Việt Nam để đảm nhiệm tốt việc điều phối chung mọi hoạt động hợp tác ASEAN, cũng như các hoạt động cấp cao Đòng Á về môi trường. Đồng thời, cần có cơ chế, chính sách phù hợp đối với hoạt động hợp tác ASEAN, nhất là các quy định về chi tiêu cho các hoạt động tổ chức, tham gia các sự kiện hợp tác quốc tế. Đặc biệt, cần sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp về hợp tác ASEAN, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng trong hoạt động hợp tác với ASEAN về môi trường, vì sự phát triển bền vững của khu vực cũng như thế giới■



# Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2016 - 2020

TRẦN ÁNH DƯƠNG  
Vụ Môi trường, Bộ GTVT

**Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, ngày 24/10/2016 Bộ Giao thông vận tải (GTVT) đã ban hành Quyết định số 3309/QĐ-BGTVT về Chương trình hành động nhằm tăng cường công tác BVMT trong ngành GTVT giai đoạn 2016 - 2020.**

Theo đó, Chương trình hành động tập trung vào 5 nhiệm vụ và giải pháp, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, tập trung đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về BVMT đến các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành GTVT; Tổ chức các khóa bồi dưỡng nâng cao kiến thức về BVMT và lồng ghép giáo dục pháp luật về

BVMT trong công tác đào tạo; Chủ động cung cấp thông tin, phát huy vai trò của truyền thông trong công tác BVMT...

*Thứ hai*, kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, nâng cao trách nhiệm, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác BVMT ngành GTVT; nghiên cứu lồng ghép tiêu chí về BVMT trong bình xét khen thưởng hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Tổ chức, phân công cụ thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về công tác BVMT và tăng cường bộ phận chuyên trách, cán bộ, công chức có chuyên môn về BVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Chủ động tìm kiếm các nguồn lực trong và ngoài nước để tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn..

*Thứ ba*, tăng cường công tác BVMT trong phát triển hạ tầng GTVT: Tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), kế hoạch BVMT theo quy định; Bảo đảm việc lồng ghép các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình GTVT vào trong thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công, biện pháp thi công. Đồng thời, lập, niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường và tổ chức thực hiện công tác BVMT, công tác quan trắc, giám sát môi trường theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt hoặc kế hoạch BVMT đã được xác nhận. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tuân thủ các biện pháp



▲ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực về BVMT trong hoạt động GTVT nói chung và trong phát triển hạ tầng GTVT nói riêng





BVMT trong thi công xây dựng dự án; Rà soát ĐTM đã được phê duyệt, biện pháp BVMT của các dự án đầu tư xây dựng công trình GTVT, nhất là các dự án có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường để có điều chỉnh kịp thời...

*Thứ tư*, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát phát thải các loại chất thải từ hoạt động vận tải và phương tiện giao thông, trong đó: Thúc đẩy phát triển vận tải hàng hóa đa phương thức, nâng cao thị phần của hệ thống vận tải đường sắt, đường thủy và vận tải ven biển; nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng tại các đô thị; ưu tiên đầu tư, khai thác vận hành các loại xe buýt, xe taxi tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện môi trường.

Triển khai áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 3, 4 đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; thực hiện từng bước việc kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh/thành phố; nâng cao mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới qua sử dụng nhập khẩu và xe ô tô đang lưu hành.

Rà soát xây dựng, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về ngăn ngừa ô nhiễm đối với tàu biển, phương tiện thủy nội địa; tăng cường kiểm soát các nguồn thải từ tàu biển, phương tiện thủy nội địa theo quy định pháp luật về BVMT của Việt Nam và các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Nghiên cứu xây dựng các quy định về BVMT trong lĩnh vực hàng không dân dụng và lĩnh vực đường sắt phù hợp với yêu cầu quản lý; Hoàn thiện bản đồ tiếng ồn cho các cảng hàng không, sân bay và phương án giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động hàng không dân dụng; Phát triển

dịch vụ thu gom, xử lý chất thải từ tàu biển, phương tiện thủy nội địa tại các cảng biển, cảng, bến thủy nội địa và tổ chức thu gom, xử lý chất thải từ tàu bay theo quy định pháp luật về BVMT.

*Thứ năm*, thúc đẩy doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ GTVT xanh; Chủ động rà soát hồ sơ môi trường của cơ quan, đơn vị và các tổ chức trực thuộc để thực hiện việc lập, trình phê duyệt đề án BVMT theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Đẩy mạnh thiết lập, triển khai áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001; khuyến khích áp dụng hệ thống quản lý năng lượng theo ISO 5001 và xây dựng, thực hiện các định mức tiêu thụ nhiên liệu, các quy chế về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Xây dựng kế hoạch (hoặc lộ trình) để tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, thay thế các trang thiết bị tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT). Thực hiện xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng và không để phát sinh mới cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng trong ngành GTVT.

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý các loại chất thải phát sinh trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; thu gom, phân loại, lưu giữ và hợp đồng với các tổ chức có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; xử lý triệt để nước thải gây ÔNMT, đáp ứng quy chuẩn môi trường; tổ chức quan trắc định kỳ các thông số môi trường về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ... theo quy định; Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc tuân thủ pháp luật BVMT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ GTVT■

## ● **Phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường đến năm 2025**

Ngày 13/2/2017, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án số 192/QĐ-TTg về phát triển ngành công nghiệp môi trường (CNMT) Việt Nam đến năm 2025 (Đề án). Đề án đề ra mục tiêu đến năm 2025, ngành CNMT trở thành một ngành kinh tế có đóng góp quan trọng cho nền kinh tế đất nước, cơ bản đáp ứng nhu cầu về BVMT; Từng bước tiến tới xuất khẩu các công nghệ, thiết bị, dịch vụ và sản phẩm BVMT; Năng lực sản xuất trong nước đáp ứng khoảng 70 - 80% nhu cầu thiết bị xử lý nước thải, 60 - 70% nhu cầu thiết bị xử lý và tái chế chất thải rắn, 70 - 80% nhu cầu thiết bị xử lý khí thải, khoảng 50 - 60% nhu cầu thiết bị thu gom, vận chuyển và phân loại chất thải, 40 - 50% nhu cầu thiết bị quan trắc môi trường...

Để đạt mục tiêu trên, Đề án đề ra giải pháp: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về CNMT; Đào tạo nhân lực, nâng cao nhận thức, năng lực phát triển ngành CNMT; Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực CNMT; Nghiên cứu phát triển, ứng dụng, làm chủ và chuyển giao công nghệ xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phù hợp với điều kiện Việt Nam; Xây dựng, tổ chức các chương trình truyền thông, cuộc thi và trao giải về doanh nghiệp CNMT xuất sắc; Phổ biến, nhân rộng các kết quả, công nghệ, thiết bị, sản phẩm của ngành CNMT...



# Chính sách của Việt Nam về quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong thời kỳ hội nhập quốc tế

HOÀNG NHẤT THỐNG

*Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam*



▲ *Biển Việt Nam có nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú*

Việt Nam có trên 3.260 km bờ biển cùng hơn 3.000 hòn đảo lớn nhỏ, trải dài 15 vĩ độ từ Bắc xuống Nam, nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. Vì vậy, vùng biển Việt Nam có nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú, bao gồm cả tài nguyên sinh vật, tài nguyên phi sinh vật và tài nguyên vị thế.

## TIỀM NĂNG BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

Đến nay, nước ta đã xác định được hơn 11.000 loài sinh vật biển cư trú trong hơn 20 kiểu hệ sinh thái điển hình, thuộc 6 vùng đa dạng sinh học biển khác nhau. Đặc biệt, ở vùng bờ tập trung hàng trăm cửa sông, đầm phá, vũng, vịnh, các đảo và quần đảo... tạo nên một hệ thống các loại hình sinh cảnh phức tạp, đa dạng các hệ sinh thái: Bãi triều lầy, rừng ngập mặn, cửa sông, đầm phá, vũng, vịnh nhỏ, rạn san hô, châu thổ, bãi cát, bãi bùn triều, đầm nuôi thủy sản nước lợ, đất ngập nước ven biển... Một số hệ sinh thái có năng suất sinh học cao

là rạn san hô, thảm cỏ biển và rừng ngập mặn. Trên các hải đảo còn phát hiện 1.290 loài động, thực vật. Đây chính là nền tảng cho việc phát triển bền vững một số ngành kinh tế biển dựa vào tài nguyên thiên nhiên như du lịch, thủy sản, y dược biển.

Bên cạnh đó, trong vùng biển Việt Nam đã xác định khoảng 35 loại hình khoáng sản có quy mô trữ lượng khai thác khác nhau, thuộc các nhóm: Nhiên liệu (nổi bật là dầu khí với trữ lượng khoảng 3- 4 tỷ tấn dầu quy đổi), kim loại, vật liệu xây dựng, đá quý, khoáng sản lỏng. Dọc ven biển đã phát hiện được các sa khoáng khoáng vật

nặng của các nguyên tố quý hiếm như titan, zircon và xeri. Biển nước ta còn có tiềm năng băng cháy, tài nguyên nước biển, đất ven biển, gió, năng lượng thủy triều, năng lượng sóng và dòng chảy. Đặc điểm địa hình ven biển nhiều đảo, bờ biển dài khúc khuỷu, nhiều cửa sông, các mũi nhô và vũng, vịnh, bãi cát... là tiềm năng để nước ta phát triển các loại hình du lịch biển, hàng hải.

Đặc biệt, Việt Nam có lợi thế mặt tiền hướng biển và biển chiếm vị trí địa chính trị quan trọng trong khu vực Biển Đông và thế giới, với tuyến hàng hải quốc tế lớn từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương cắt qua. Các cảng biển lớn và các trung tâm kinh tế trọng điểm “hướng biển” giúp cho quá trình đô thị hóa nhanh, mạnh và tạo ra các cực phát triển quan trọng quyết định bình đồ phát triển kinh tế biển, ven biển của đất nước. Vùng biển rộng lớn ở phía ngoài là không gian đặc biệt quan trọng để phát triển giao thông đường biển, các hoạt động khai thác thủy sản trên biển, khai thác dầu khí, khoáng sản rắn trên thềm lục địa, đồng thời sẽ là nơi diễn ra các hoạt động hợp tác và hội nhập kinh tế biển sôi động giữa nước ta với thế giới.



## CHÍNH SÁCH VỀ QUẢN LÝ TN&MT BIỂN VÀ HẢI ĐẢO TRONG THỜI KỶ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Trước đây, ở Việt Nam do nhận thức về tài nguyên biển còn hạn chế, chưa chú trọng các dạng tài nguyên phi vật chất, khai thác quá mức, gây lãng phí tài nguyên, suy thoái môi trường biển và hải đảo. Trong xu thế chung của thế giới, coi “Thế kỷ XXI là thế kỷ của đại dương” cũng như nhận thức được những tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, Việt Nam đã bước đầu thiết lập chính sách quản lý TN&MT biển và hải đảo theo phương thức tổng hợp trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế với các nội dung chủ yếu:

*Thứ nhất*, quản lý TN&MT biển hợp lý, hiệu quả, bền vững theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng an ninh. Để thực hiện nội dung trên, thời gian qua, nhà nước đã thành lập hệ thống cơ quan quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo từ Trung ương đến địa phương; hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách, cơ chế, công cụ điều phối liên ngành, liên vùng để bảo đảm tài nguyên biển và hải đảo được khai thác, sử dụng hiệu quả, duy trì chức năng và cấu trúc của hệ sinh thái nhằm phát triển bền vững, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trên biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1570/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và BVMT biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 2295/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quản lý đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Cùng với đó, Chính phủ đang chỉ đạo Bộ TN&MT xây dựng Đề án Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển Việt Nam nhằm sắp xếp lại không gian hợp lý và phân bổ nguồn lực cho các ngành khai thác bền vững tài nguyên, BVMT biển và hải đảo.

*Thứ hai*, khuyến khích đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về TN&MT biển và hải đảo; thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tổng hợp, đồng bộ về TN&MT biển và hải đảo phục vụ phát triển kinh tế biển, quốc phòng, an ninh; khuyến khích tổ chức cá nhân khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, BVMT biển và hải đảo. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về TN&MT biển và hải đảo nhằm

bảo đảm cung cấp thông tin, dữ liệu về TN&MT biển và hải đảo phục vụ công tác quản lý, phát triển kinh tế biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

*Thứ ba*, tăng cường BVMT biển và hải đảo, bao gồm quy định và các nội dung về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển; nhận chìm ở biển; trách nhiệm của nhà nước, tổ chức, cá nhân trong BVMT biển và hải đảo. Hiện nay, Bộ TN&MT đang được giao tổ chức triển khai Quyết định số 1278/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Tuyên bố chung và Chương trình khung giữa Việt Nam, Campuchia, Thái Lan về hợp tác sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu vùng vịnh Thái Lan”, Quyết định số 1864/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ nước Cộng hòa Philipin về hợp tác trong lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu trên biển”. Việc triển khai các quyết định này nhằm thực hiện các nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết hợp tác trong việc sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu tại vùng biển tiếp giáp giữa Việt Nam và các nước liên quan.

*Thứ tư*, nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, dự báo về TN&MT biển và hải đảo; thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tổng hợp, đồng bộ về TN&MT biển và hải đảo phục vụ phát triển kinh tế biển, quốc phòng, an ninh. Nhằm quản lý hiệu quả TN&MT biển và hải đảo, ứng phó kịp

thời và phòng chống thiên tai từ biển, chính sách quản lý TN&MT biển và hải đảo của Việt Nam xác định thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp TN&MT biển và hải đảo theo hệ thống mở, kết nối và chia sẻ thông tin bảo đảm thông suốt từ Trung ương đến địa phương; tham gia các hệ thống quan trắc, giám sát biển và đại dương của khu vực, thế giới.

*Thứ năm*, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, BVMT biển và hải đảo trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia. Chính sách quản lý TN&MT biển và hải đảo của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế được đặt trong tổng thể chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm nguyên tắc xây dựng vùng biển hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên...

Như vậy, nhận thức về vai trò quan trọng của TN&MT biển và hải đảo đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, chính sách quản lý TN&MT biển và hải đảo của Việt Nam đã có sự chuyển biến theo xu hướng hội nhập quốc tế. Đó là, thiết lập chính sách quản lý TN&MT biển và hải đảo theo phương thức tổng hợp nhằm quản lý TN&MT biển hợp lý, hiệu quả, bền vững ■



# Thanh Hóa xử lý hiệu quả các điểm nóng về môi trường trong năm 2016

**LƯU TRỌNG QUANG**

*Phó Giám đốc, Sở Tài nguyên & Môi trường Thanh Hóa*

Cùng với sự phát triển chung của cả nước, tỉnh Thanh Hóa đã góp phần không nhỏ vào việc chuyển dịch cơ cấu và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân. Bên cạnh những mặt tích cực, tăng trưởng kinh tế cũng tạo nên áp lực về môi trường với các điểm nóng như: các bãi chôn lấp rác thải quá tải, không được xử lý hợp vệ sinh; các bệnh viện với hệ thống xử lý chất thải xuống cấp; các cụm công nghiệp, làng nghề... không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung... Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn nhiều các điểm tồn dư hóa chất thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) từ những năm 1980 trở về trước đã và đang gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường (ÔNMT) nghiêm trọng.

Tính đến hết năm 2016, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có hơn 90 cơ sở nằm trong danh sách các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng, gồm: 28 bệnh viện, 45 Khu vực tồn lưu hóa chất BVTV, 6 làng nghề, 7 bãi chứa rác thải sinh hoạt, 4 cơ sở sản xuất và 1 khu vực bị ô nhiễm xăng dầu. Xác định việc xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng, đặc biệt là các dự án thuộc khu vực công ích là nhiệm vụ cấp bách trong công tác quản lý, UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo Sở TN&MT tích cực triển khai các biện pháp nhằm xử lý dứt điểm các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng trên địa bàn. Thời gian qua, Sở TN&MT đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động lập dự án xử lý triệt để ÔNMT trình UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Mặc dù nguồn ngân sách của địa phương còn hạn chế trong khi phần lớn các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng đều thuộc khu vực công ích, việc xử lý đòi hỏi chi phí rất cao nhưng UBND tỉnh đã bố trí 50% ngân sách của tỉnh cùng với 50% ngân sách của Trung ương để xử lý dứt điểm một số cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng. Đến nay, đã có 29/91 cơ sở (chiếm hơn 30%) hoàn thành xử lý ô nhiễm và được rút ra khỏi danh mục cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng.

Năm 2016, UBND tỉnh đã giao Sở TN&MT làm chủ đầu tư để thực hiện 7 dự án xử lý hóa chất BVTV tồn lưu. Các dự án sau khi triển khai thực hiện đã được bàn giao cho địa



▲ Trường THCS Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa là một trong điểm phải di dời do tồn dư hóa chất thuốc BVTV

phương để quản lý, sử dụng. Đối với các điểm tồn lưu hóa chất BVTV còn lại, trong thời gian chưa có nguồn kinh phí, Sở đã phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh khảo sát, khoanh vùng, cô lập và cảnh báo cho nhân dân biết để tránh không tiếp xúc với khu vực bị ô nhiễm và có văn bản hướng dẫn các cơ sở, địa phương thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm môi trường. Sở đã phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền phổ biến về tác hại do ô nhiễm từ hóa chất BVTV tồn lưu đến sức khỏe để nhân dân có biện pháp phòng ngừa.

Với sự quyết tâm trong việc khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ÔNMT nghiêm trọng, cải thiện điều kiện sống của người dân, Sở đã tham mưu tỉnh ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BVMT đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Trên cơ sở yêu cầu của Nghị quyết, UBND tỉnh đã xây dựng Chương

trình hành động, đề ra các giải pháp và giao nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành.

Bên cạnh sự chỉ đạo quyết liệt và vào cuộc khẩn trương, tích cực, kịp thời của các cấp, các ngành để giải quyết tình trạng ÔNMT, đặc biệt là các sự cố môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh như các sự việc cá chết hàng loạt trên sông Bưởi, huyện Thạch Thành; vùng cửa sông Lạch Bạng, huyện Tĩnh Gia; cá nuôi lồng chết tại khu vực ven biển xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia và sự cố ngao chết tại một số vùng nuôi trên địa bàn huyện Hậu Lộc và Hoàng Hóa... đã mang lại niềm tin cho nhân dân địa phương.

Với phương châm “phòng ngừa là chính”, Sở TN&MT Thanh Hóa xác định việc tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT tiếp tục là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017, nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công tác BVMT cho chủ các cơ sở sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, góp phần xây dựng Thanh Hóa có môi trường sống trong lành■



# Hậu Giang: Nỗ lực thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới

NGUYỄN THỊ TÂM  
Sở TN&MT Hậu Giang

**Xác định tiêu chí môi trường là một nội dung khó thực hiện trong Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM), thời gian qua, Hậu Giang đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp để tăng cường công tác BVMT nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống người dân.**

## QUYẾT TÂM XÂY DỰNG NTM

Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” của Chính phủ, tháng 12/2011, UBND tỉnh đã phát động phong trào thi đua “Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hậu Giang chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2011 - 2020 và cuộc thi “Mô hình có cảnh quan, môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp”. Đến nay, phong trào xây dựng NTM đã được các ngành, các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân hưởng ứng tích cực, với nhiều nội dung, hình thức phong phú như mô hình trồng cam sành theo tiêu chuẩn VietGap ở xã Tân Thành; mô hình Cánh đồng lớn ở xã Vị Thanh (huyện Vị Thủy), xã Trường Long Tây (huyện Châu Thành A); mô hình con đường đẹp với hàng rào cây xanh, cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch đẹp ở xã Vị Thắng (huyện Vị Thủy) và xã Tân Thành (thị xã Ngã Bảy)...

Ngoài ra, tỉnh đã chủ động lồng ghép các nội dung của Chương trình xây dựng NTM vào công tác chuyên môn của từng ngành, lĩnh vực, cũng như các chương trình toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, qua đó, phát huy được hiệu quả và huy động sự tham gia của nhiều tầng lớp nhân dân. Với những kết quả đó, Hậu Giang đã trở thành một trong những cánh chim đầu đàn của đồng bằng sông Cửu Long trong phong trào xây dựng NTM.

## HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG

Trên cơ sở Chương trình, Nghị quyết và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh về thực hiện Chương trình xây dựng NTM, Sở TN&MT Hậu Giang đã ban



▲ Đường làng Xanh - Sạch - Đẹp ở xã NTM Tân Thành (thị xã Ngã Bảy, Hậu Giang)

hành các văn bản hướng dẫn địa phương thực hiện tiêu chí 17 về môi trường. Đồng thời, Sở TN&MT còn phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng như lồng ghép với các cuộc họp tổ, nhóm trong khu dân cư; phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh của phường, xã, thôn xóm; xây dựng pano, khẩu hiệu về NTM và BVMT tại các xã; tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch Làm cho Thế giới sạch hơn... Qua đó, góp phần làm chuyển biến nhận thức, hành vi của từng cá nhân, hộ gia đình trong công tác BVMT.

Hàng năm, bằng nguồn vốn sự nghiệp môi trường, Sở đã hỗ trợ các địa phương thực hiện tiêu chí môi trường. Năm 2016, Sở đã hỗ trợ xây dựng 800 hố đốt rác cho hộ dân nghèo trên địa bàn 8 xã; triển khai 91 điểm thu gom và lưu

giữ chất thải nguy hại từ sản xuất nông nghiệp tại các ấp trên địa bàn 7 xã; cải tạo và xây mới 10 lò đốt rác tại 11 điểm trường; xây 3 hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế xã; lắp đặt 65 pano tuyên truyền về BVMT tại các ấp, góp phần quan trọng cải thiện môi trường nông thôn. Bên cạnh đó, Sở đã tiến hành kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh - dịch vụ hoạt động trên địa bàn các xã về thực hiện quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường để hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng công trình xử lý chất thải, nước thải đạt quy chuẩn. Đối với một số xã tập trung nhiều hộ gia đình làm nghề hầm than củi, Sở đã xây dựng đề án chuyển đổi nghề, hoặc đề xuất giải pháp xử lý khói, bụi lò hầm than trước khi thải ra môi trường.

Nhờ những nỗ lực trên, đến cuối năm 2016, Hậu Giang có 23/54 xã đạt tiêu chí về môi trường (chiếm 42,6%). Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 91,49%; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa



bàn các xã đã lập các thủ tục về môi trường như báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết BVMT, đề án BVMT, kế hoạch BVMT... Tại 23 xã đạt tiêu chí môi trường, khoảng 90 - 95% hộ gia đình có hàng rào cây xanh và pêtông kiên cố, ý thức tạo cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Các xã đã thành lập các tổ đội thu gom rác thải sinh hoạt, việc thu gom rác thải đã đi vào nề nếp, góp phần chấm dứt tình trạng vứt rác xuống lòng sông, lề đường, nơi công cộng. Rác thải sinh hoạt được xử lý bằng biện pháp đốt hoặc chôn lấp.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc thực hiện tiêu chí 17 về môi trường ở một số xã chưa có chuyển biến tích cực. Ban Chỉ đạo ở các xã chưa tạo được mối quan tâm và tham gia tích cực của người dân trong các hoạt động BVMT. Công tác tuyên truyền vận động đến cộng đồng dân cư chưa được triển khai thường xuyên, liên tục nên nhận thức về công tác BVMT của các hộ dân chưa cao, tình trạng vứt rác xuống sông, rạch vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Nguồn lực đầu tư cho BVMT còn hạn hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu...

Để nâng cao hiệu quả thực hiện tiêu chí môi trường, góp phần BVMT nông thôn, thời gian tới, Sở sẽ tiếp tục phối hợp với các xã NTM trên địa bàn toàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền về BVMT, xem đây là giải pháp quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở địa phương, nhằm nâng cao ý thức, tính tự giác cho cán bộ và nhân dân trong giữ gìn vệ sinh môi trường. Mặt khác, sẽ tăng cường và ưu tiên bố trí nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia cho các xã để tạo điều kiện hoàn thành tiêu chí số 17 về môi trường; nghiên cứu áp dụng thí điểm và nhân rộng những mô hình BVMT, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong xử lý nước thải, xử lý rác thải, chất thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt (xử lý nước thải sau biogas, đệm lót sinh học, lò đốt rác thải tập trung...) phù hợp với điều kiện thực tế khu vực nông thôn hiện nay. Đối với các xã chưa đạt tiêu chí môi trường cần xây dựng lộ trình từng năm thực hiện các nội dung của tiêu chí và tùy vào điều kiện thực tế sẽ đề nghị tỉnh hỗ trợ. Tuy nhiên, không chỉ riêng ở Hậu Giang mà đối với các tỉnh, TP trên cả nước, để hoàn thành tiêu chí môi trường cần có sự vào cuộc của chính quyền, các đoàn thể và nhân dân cùng chung tay giữ gìn vệ sinh môi trường, thực hiện nếp sống văn minh, góp phần xây dựng nông thôn xanh■

# Bình Dương: Đẩy mạnh công tác triển khai Kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020

***Trong 20 năm phát triển (1/1/1997 - 1/1/2017), Bình Dương đã trở thành một tỉnh có tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa cao trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Cùng với phát triển kinh tế, Bình Dương luôn quan tâm, chú trọng tới công tác BVMT, thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý các vụ việc gây ô nhiễm môi trường, đồng thời tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức về BVMT cho các tầng lớp nhân dân và cộng đồng DN...***

Năm 2016 là năm đầu tiên tỉnh Bình Dương triển khai thực hiện Kế hoạch BVMT giai đoạn 2016 - 2020, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với BVMT; kết hợp BVMT trong các quy hoạch, dự án phát triển; tiếp tục cải thiện môi trường trong khu dân cư, đô thị; quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên nước mặt, nước dưới đất, đất đai, khoáng sản; đảm bảo cân bằng sinh thái và đa dạng sinh học; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trong năm qua, tỉnh đã ban hành quy định về bố trí ngành nghề sản xuất công nghiệp theo định hướng không thu hút các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; hạn chế bố trí các cơ sở sản xuất nằm ngoài khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) ở phía Nam của tỉnh và

có chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nằm trong khu dân cư, đô thị...

Đặc biệt, tỉnh cũng đẩy mạnh công tác kiểm soát các nguồn thải công nghiệp và dân sinh. Tính đến nay, tổng lượng nước thải phát sinh trên địa bàn tỉnh là 284.000 m<sup>3</sup>/ngày, trong đó nguồn thải từ hoạt động công nghiệp khoảng 140.000 m<sup>3</sup>/ngày (55.400 m<sup>3</sup>/ngày từ KCN, còn lại từ các CCN và DN ngoài KCN). Để kiểm soát các nguồn thải công nghiệp một cách có hệ thống, ngăn chặn kịp thời các hành vi không xử lý nước thải, hoặc xả nước thải trái phép ra môi trường, tỉnh đã đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc tự động cho 52 nguồn thải lớn, giúp kiểm soát liên tục và tự động 70% tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh.



▲ 70% tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh Bình Dương được kiểm soát

Cải thiện chất lượng môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường cũng là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác BVMT của tỉnh. Để có cơ sở thực hiện, hàng năm, Bình Dương đều ban hành danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường để tập trung xử lý, đến nay, tỉnh có 266/269 cơ sở trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành biện pháp khắc phục ô nhiễm, đạt tỷ lệ 98,9%. Đối với việc đầu tư các công trình, dự án xây dựng hạ tầng, trang bị cơ sở vật chất, xử lý chất thải, hiện đã có 13 dự án được triển khai thực hiện, trong đó 8 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và 5 dự án đang trong giai đoạn triển khai thi công...

Từ năm 2011, tỉnh đã xây dựng Sách Xanh với ý nghĩa nhằm thúc đẩy hoạt động trong sản xuất công nghiệp trên địa bàn nói riêng và hoạt động BVMT trong toàn cộng đồng nói chung; đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín của doanh nghiệp (DN) và các sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của DN. Qua 4 lần công bố Sách Xanh tỉnh Bình Dương, số DN được ghi tên vào Sách Xanh ngày càng tăng lên, cụ thể, năm 2011, có 32 DN; năm 2012 có 47 DN; năm 2014 có 59 DN và năm 2016 có 61 DN. Trong số các DN được công nhận trong Sách Xanh năm 2016 có 52 DN nằm

trong KCN, 9 DN nằm ngoài KCN, 51 DN có vốn đầu tư nước ngoài, 10 DN có vốn đầu tư trong nước; 31 DN đã từng có tên trong Sách Xanh tỉnh Bình Dương năm 2014.

Theo ông Nguyễn Hồng Nguyên - Phó Giám đốc Sở TN&MT Bình Dương, việc công khai thông tin về thực trạng môi trường DN là một biện pháp hiệu quả trong chính sách và giải pháp nhằm ngăn ngừa tình trạng ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường góp phần vào sự phát triển bền vững của tỉnh. Trên cơ sở đó, thông tin các DN thực hiện tốt công tác BVMT được công bố dưới dạng Sách Xanh để kịp thời tuyên dương, khen thưởng và tuyên truyền cho cộng đồng.

Nhìn chung, công tác triển khai Kế hoạch BVMT trên địa bàn tỉnh bước đầu đã đạt được kết quả nhất định như nhận thức, trách nhiệm và hành động về BVMT đã có sự chuyển biến tích cực trong các DN và cộng đồng

dân cư; công tác phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm ngày càng chủ động; các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản và xả thải vào nguồn nước đã được kiểm soát; chất lượng môi trường từng bước được cải thiện... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như một số dự án quan trọng chưa được triển khai; tiến độ thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ còn chậm; việc bố trí vốn đầu tư cho các dự án gặp nhiều khó khăn...

Trong thời gian tới, tỉnh sẽ rà soát lập danh sách các dự án đầu tư, các vùng, các địa điểm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường để có biện pháp phòng ngừa, xử lý; Triển khai thực hiện đồng bộ Kế hoạch thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; Nâng cao chất lượng thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tổ chức thực hiện nghiêm quy định về vùng cấm và hạn chế khai thác khoáng sản, khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước được khai thác và sử dụng hiệu quả. Đồng thời, tỉnh tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực BVMT; Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh; Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về BVMT cho các DN, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

**ĐỖ BÌNH**



● **Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về công tác năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của ngành TN&MT**

Ngày 10/2/2017, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 73/TB-VPCP về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của ngành TN&MT. Theo đó, Phó Thủ tướng đã kết luận và chỉ đạo: Năm 2016, ngành TN&MT đã nghiêm túc quán triệt các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, triển khai thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành. Tuy nhiên, ngành TN&MT đang đối diện với nhiều thách thức như việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật chưa kịp thời, các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT vẫn xảy ra...

Để khắc phục tình trạng trên, năm 2017, ngành TN&MT cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ: Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực TN&MT; Rà soát các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực TN&MT; Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, khắc phục tình trạng đầu tư tự phát; Tập trung thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ

về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT; Nâng cao chất lượng thẩm định, đánh giá tác động môi trường và tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện các biện pháp BVMT của các dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là công tác hậu kiểm. Riêng đối với Dự án Formosa, Bộ TN&MT cần tiếp tục giám sát, kiểm soát chặt chẽ công nghệ sản xuất, xử lý môi trường đảm bảo đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu mới cho vận hành theo thiết kế; Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực TN&MT; Tiến hành điều tra, rà soát phân loại các nguồn thải gây ô nhiễm sông, biển, các vùng kinh tế, đô thị lớn...

● **Bộ TN&MT sẽ cung cấp 58 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 năm 2017**

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT đăng ký danh mục 58 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 sẽ thực hiện trong năm 2017 trên Cổng thông tin điện tử của Bộ tại địa chỉ <http://dvctt.monre.gov.vn>. Trong đó, nhiều nhất là lĩnh vực môi trường sẽ tiếp tục cung cấp thêm 25 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, cụ thể: Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp BVMT của dự án; Cấp giấy xác nhận đủ

điều kiện về BVMT đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)...

● **Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp BVMT**

Ngày 6/1/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 02/2017/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp BVMT thực hiện các nhiệm vụ BVMT do ngân sách nhà nước bảo đảm. Theo đó, Thông tư hướng dẫn nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương, bao gồm: Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về BVMT thuộc nhiệm vụ của Trung ương; thẩm định và công bố quy hoạch BVMT cấp vùng, toàn quốc; hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về BVMT được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của Trung ương...

Đối với nguồn ngân sách địa phương được chi cho các nhiệm vụ: Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về BVMT của địa phương; Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường (ÔNMT) của địa phương (bao gồm kiểm soát các nguồn gây ÔNMT, tác động xấu đến môi trường); Xác định khu vực bị ÔNMT trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về BVMT; Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường của địa phương...

Ngoài ra, Thông tư cũng hướng dẫn cụ thể về mức chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án BVMT theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và việc lập, phân bổ dự toán, quyết toán kinh phí chi sự nghiệp BVMT theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành■





# Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Sơn La



▲ Người dân xã Ngọc Chiến tham gia nhận khoán bảo vệ rừng

**T**rong thời gian qua, tỉnh Sơn La đã triển khai thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR). Điển hình là các xã Ngọc Chiến (huyện Mường La), xã Mường Sang (huyện Mộc Châu) đã thực hiện tốt công tác chi trả DVMTR, huy động xã hội hóa công tác bảo vệ và phát triển rừng, góp phần cải thiện sinh kế của người dân.

Xã Ngọc Chiến, huyện Mường La là khu vực đầu nguồn, cung cấp nước cho nhiều nhà máy thủy điện, đặc biệt là thủy điện Sơn La. Hiện nay, trên địa bàn xã Ngọc Chiến có 44 hộ gia đình tham gia nhận khoán bảo vệ rừng. Từ khi chính sách chi trả DVMTR được triển khai thí điểm thì công tác bảo vệ rừng nơi đây đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Với hơn 1.800 ha rừng hiện có, người dân trong xã đã cùng nhau bảo vệ, giữ gìn cho những cánh rừng không bị tàn phá. Nhờ đó, số vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, cũng như tình trạng cháy rừng hàng năm đã giảm. Đặc biệt, trong mùa khô năm 2015 - 2016, trên địa bàn xã không xảy ra vụ cháy rừng nào. Có thể thấy, ý thức, trách nhiệm của người dân trong bảo vệ rừng đã nâng lên rõ rệt.

Cùng với đó, đời sống của người dân trong xã cũng được cải thiện, góp phần vào việc xây dựng nông thôn mới. Hiện UBND xã đã trích một phần kinh phí từ DVMTR được chi trả làm các công trình phúc lợi, công trình giao thông... Như vậy, từ nguồn thu chi trả DVMTR đã góp phần cải thiện đời

sống của người dân, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Mường Sang là một xã còn khó khăn của huyện Mộc Châu, các điều kiện về cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế. Nhưng những năm gần đây, nhờ thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng nên một phần kinh phí DVMTR đã được trích lại để bê tông hóa giao thông trong xã, tạo điều kiện thuận lợi cho đi lại, sản xuất của nhân dân. Ngoài ra, Ban quản lý xã Mường Sang đã thành lập các tổ bảo vệ rừng, để giám sát kiểm tra. Nhờ đó, người dân đã nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng.

Từ những thành công của các xã Ngọc Chiến và Mường Sang, tỉnh Sơn La đã thực hiện chính sách chi trả DVMTR tại 12 huyện, TP trên địa bàn và thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng (BV&PTR). Hiện Quỹ BV&PTR tỉnh đã ký trên 20 hợp đồng ủy thác DVMTR với các công ty, nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; đôn đốc các công ty nhà máy nộp tiền về Quỹ theo quy định, để từ đó nhằm đảm bảo quyền lợi của các chủ rừng, đặc biệt là đồng bào ở các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới của tỉnh. Tính đến năm 2016, Quỹ BV&PTR tỉnh đã tiến hành giải ngân được trên 90 tỷ đồng cho trên 52.174 chủ rừng với diện tích 519.365 ha rừng.

Thông qua việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR, công tác bảo vệ rừng đã được các chủ rừng và các cộng đồng

bản, nhóm hộ gia đình thực hiện tốt hơn. Nhờ đó, tình hình phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép trên địa bàn tỉnh Sơn La đã giảm đáng kể về số vụ và mức độ thiệt hại. Cụ thể, năm 2016 giảm trên 680 vụ so với năm 2009. Cùng với đó, chính sách chi trả DVMTR đã tạo nguồn tài chính ổn định cho công tác bảo vệ và phát triển rừng. Trong giai đoạn 2010 - 2016, tổng số thiên thu ủy thác từ các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng để chi trả cho các chủ rừng hàng năm khoảng 100 tỷ đồng, gấp gần 3 lần nguồn vốn ngân sách hàng năm đầu tư cho chương trình bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Sơn La.

Để tăng cường công tác bảo vệ rừng, trong thời gian tới, Quỹ BV&PTR tỉnh Sơn La tiếp tục thực hiện một số giải pháp như: tiếp tục nghiên cứu chính sách và thông qua thực tiễn triển khai ở địa phương, phát hiện những tồn tại, bất cập để kịp thời phản ánh kiến nghị với Trung ương sớm sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế; Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực, nghiệp vụ cho cán bộ chi trả DVMTR; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách chi trả DVMTR đến người dân để người dân hiểu được quyền lợi, trách nhiệm của mình; Sử dụng hiệu quả các nguồn tiền chi trả DVMTR, đảm bảo công khai, minh bạch.

**THẮNG TRUNG**



KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG VÀ QUẢN LÝ SINH THÁI:

# Một số thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp Việt Nam trong triển khai thực hiện

NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH - LÊ THỊ NHUNG  
Viện Khoa học Môi trường, Tổng cục Môi trường

## 1. TỔNG QUAN VỀ KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG VÀ QUẢN LÝ SINH THÁI

Kiểm toán môi trường và quản lý sinh thái (EMAS) là hệ thống quản lý sinh thái tự nguyện được ghi nhận bởi các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU), cho phép các tổ chức/doanh nghiệp (DN) tham gia đánh giá, cải thiện hiệu quả môi trường và phổ biến, công khai các thông tin môi trường tới cộng đồng các bên liên quan. Các tổ chức tham gia EMAS sẽ phải thực hiện quy trình theo các bước: Rà soát/đánh giá môi trường ban đầu; xây dựng chính sách môi trường, chương trình môi trường; thiết lập hệ thống quản lý môi trường; thực hiện kiểm toán môi trường nội bộ; xây dựng báo cáo EMAS theo quy định; xác minh, xác nhận, đăng ký và nhận logo EMAS để chứng nhận độ tin cậy.

EMAS có 3 nguyên tắc chính là thực thi, minh bạch và tin cậy. Nguyên tắc thực thi yêu cầu các DN khi tự nguyện tham gia EMAS phải thực hiện đúng quy trình đảm bảo cải thiện hiệu quả môi trường. Nguyên tắc minh bạch được thể hiện thông qua báo cáo môi trường để công khai thông tin với các bên liên quan và trong nội bộ DN. Các tổ chức/DN tham gia thực hiện EMAS theo đúng quy trình sẽ được các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan công nhận và kiểm định môi trường thuộc thẩm quyền của các nước thành viên EU cấp chứng nhận, do vậy đảm bảo độ tin cậy của việc thực hiện chương trình EMAS.

Tất cả các tổ chức nhà nước hay tư nhân, công ty đa quốc gia, DN nhỏ và vừa đều có thể nhận được các lợi ích khi áp dụng EMAS như: Tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên hiệu quả hơn; Nâng cao nhận thức của DN về các quy định pháp luật, do đó cải thiện tinh thần làm việc của nhân viên và nâng cao độ tin cậy, minh bạch về các mối quan hệ với người dân và chính quyền địa phương; Tăng cường cơ hội kinh doanh

trong thị trường, tiếp cận thị trường và mở rộng mối quan hệ với khách hàng.

## 2. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA DN VIỆT NAM KHI THỰC HIỆN EMAS

Hiện nay, EMAS mới được thực hiện ở châu Âu, tuy nhiên nếu được phổ biến thông tin và có những chính sách hỗ trợ phù hợp sẽ khuyến khích DN thực thi. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, việc thực thi EMAS tại các DN có những thuận lợi và khó khăn.

### Thuận lợi

Việc thực hiện EMAS đối với các DN phù hợp với mục tiêu và các hoạt động phát triển bền vững đang được triển khai mạnh trên toàn thế giới, cũng như Việt Nam. Nếu EMAS được nhiều DN ở nước ta thực hiện sẽ góp phần thực hiện mục tiêu về BVMT trong Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ: giảm cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường; khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái; cải thiện điều kiện sống của người dân; giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; kiểm chế tốc độ suy giảm đa dạng sinh học; tăng cường khả năng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ mức độ gia tăng phát thải khí nhà kính.

Hoạt động hỗ trợ DN thực hiện EMAS được tiến

hành trong bối cảnh Chính phủ đang triển khai nhiều chính sách, giải pháp khá sâu rộng và toàn diện nhằm tháo gỡ khó khăn cho DN, đặc biệt là các DN nhỏ và vừa. Đồng thời, tiếp tục đổi mới hệ thống thể chế và tập trung hướng tới nguồn nhân lực chất lượng sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi cho phát triển DN. Ngoài ra, Dự thảo Luật Hỗ trợ DN nhỏ và vừa đang được xây dựng để trình Quốc hội ban hành cùng với mục tiêu để ra những hoạt động hỗ trợ DN nhỏ và vừa một cách có trọng tâm, trọng điểm theo yêu cầu của Chính phủ.

Đối với việc thực hiện hệ thống quản lý môi trường, trong Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2010 và định hướng năm 2020 cũng chỉ rõ “mục tiêu đến năm 2010: 50% các cơ sở sản xuất kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc chứng chỉ ISO 14001”, định hướng tới năm 2020, “80% các cơ sở sản xuất kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc chứng chỉ ISO 14001”. Điều này thể hiện sự quan tâm của Chính phủ trong công tác BVMT nói chung, ISO 14001 nói riêng và tạo tiền đề cho việc thực hiện EMAS đối với DN trên phạm vi toàn quốc.

Việc hỗ trợ thực thi EMAS sẽ nhận được sự ủng hộ của cả nhà quản lý, DN và người dân bởi những lợi ích mà nó mang lại. EMAS thúc đẩy phát triển bền vững nhờ đáp ứng các yêu



▲ Áp dụng EMAS, các DN sẽ tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường

cầu của cơ quan quản lý môi trường và cộng đồng xung quanh. Đối với DN, EMAS giúp nâng cao uy tín và hình ảnh của DN với khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh. Thực hiện EMAS giúp DN không ngừng cải thiện hệ thống quản lý môi trường, giảm thiểu mức sử dụng tài nguyên và nguyên liệu đầu vào, giảm thiểu mức sử dụng năng lượng, hạn chế thiệt hại do rủi ro môi trường. Hơn nữa, thực hiện EMAS còn giúp DN được hưởng các ưu đãi riêng về tài chính, kỹ thuật, thông tin, nhân lực...

Hiện nay, Việt Nam đang tích cực tham gia và phát huy vai trò thành viên trong các tổ chức kinh tế quốc tế; tích cực tham gia vào đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do; đã và đang thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế với mức độ tự do hóa sâu rộng. Việc tham gia các Hiệp định này sẽ mang lại nhiều lợi ích thương mại cho Việt Nam, đặc biệt các DN sẽ có nhiều cơ hội để khẳng định thương hiệu, phát triển vươn ra thị trường quốc tế nếu đạt được các chứng chỉ môi trường quốc tế như ISO, EMAS...

#### **Khó khăn**

EMAS là một khái niệm còn khá mới tại Việt Nam, các DN nói chung chưa có nhiều cơ hội để tiếp cận với nội dung này. Để thực hiện được EMAS đòi hỏi DN phải có hệ thống quản lý môi trường hoàn chỉnh, tuy nhiên tại Việt Nam, việc xây dựng hệ thống quản lý môi

trường trong DN còn chưa được chú trọng do những hạn chế về vốn đầu tư, trình độ sản xuất... EMAS giống như đa phần các công cụ quản lý môi trường khác như hệ thống quản lý môi trường, kiểm toán môi trường xuất phát từ các nước phát triển với nền sản xuất công nghiệp tiên tiến và nền văn hóa khác với Việt Nam, do vậy bước đầu để các DN hiểu và tiếp cận là rào cản lớn.

Quy mô DN nhỏ, trình độ công nghệ lạc hậu, khả năng quản lý DN yếu, việc tiếp cận nguồn tín dụng và mặt bằng sản xuất khó. Phần lớn các DN hiện nay đang sử dụng máy móc, thiết bị công nghệ lạc hậu so với mức trung bình của thế giới từ 2 đến 3 thế hệ, không đồng bộ, gây thất thoát lớn về tài nguyên, năng lượng cũng như các nguyên, vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất.

Việc thay đổi để thích hợp với yêu cầu thực hiện EMAS đòi hỏi DN phải có nguồn

vốn đầu tư lớn, song vốn đầu tư là một trong những khó khăn cố hữu của các DN. Giống như các DN khác trên thế giới, tham gia thực hiện EMAS được đánh giá sẽ mang lại những lợi ích tích cực cho DN. Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận rằng chi phí để tham gia thực hiện EMAS là tương đối lớn. Do vậy, để triển khai áp dụng công cụ này đối với các DN, đặc biệt là các DN ở Việt Nam cần được các cơ quan chức năng nghiên cứu và có chính sách phù hợp. Nguồn lực đầu tư vào sản xuất của DN Việt Nam còn hạn chế so với nhiều nước nên các DN chưa nhìn nhận được tầm quan trọng của việc tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Nhiều lãnh đạo DN chưa nhận thức được đúng đắn và đầy đủ về mối quan hệ giữa hoạt động kinh doanh sản xuất với vấn đề môi trường trong khi DN đang tạo ra nhiều thách thức lớn về ô nhiễm môi trường, đặc biệt từ



ô nhiễm chất thải rắn, nước thải và khí thải do hoạt động sản xuất công nghiệp. Nhiều cơ sở sản xuất còn chưa thực sự quan tâm đến BVMT nên vẫn xảy ra các hành động cưỡng chế tuân thủ các quy định pháp luật.

Việc thiếu các nội dung quy định EMAS cũng là một trong những khó khăn trong quá trình thực hiện của các DN. Về cơ bản, nội dung EMAS chưa được quy định chính thức trong hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam, nhưng khía cạnh kiểm toán môi trường là một trong những nội dung chính của EMAS được đề cập trong một số văn bản liên quan đã tạo hành lang pháp lý cho các địa phương, cá nhân, tổ chức triển khai thực hiện công tác BVMT trong quá trình hoạt động, sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên trong thực tế, nội dung này chưa thực sự được triển khai tại các DN do quy định về kiểm toán môi trường còn chung chung. Ngoài ra, còn thiếu chính sách khuyến khích áp dụng EMAS tại các DN; thiếu các chuẩn mực, hướng dẫn, cẩm nang về EMAS.

Việc tiếp cận thông tin về các quy định pháp luật và chính sách hỗ trợ về BVMT của DN hiện nay còn khá hạn chế; do đó để nâng cao khả năng thực thi EMAS cần có giải pháp nhằm tăng cường năng lực tiếp cận thông tin chính sách pháp luật cho DN như xây dựng trang thông tin điện tử về hỗ trợ pháp lý cho DN, trong đó cập nhật đầy đủ các chính sách hỗ trợ cho DN nhỏ và vừa được ban hành từ cấp Chính phủ đến các Bộ, ngành, địa phương về các lĩnh vực hỗ trợ.

Tóm lại, EMAS là công cụ quản lý môi trường được nhiều quốc gia khuyến khích thực hiện với mục đích cải thiện hiệu quả môi trường liên tục của DN, kiểm soát rủi ro môi trường, tiết kiệm tài nguyên, giảm chi phí và tạo dựng thương hiệu, tuy nhiên, mỗi quốc gia có những hình thức hỗ trợ DN thực hiện EMAS khác nhau. Tại Việt Nam, EMAS còn khá mới mẻ, chưa được quy định và phổ biến rộng rãi, các bước thực hiện EMAS chưa được DN nhận thức và triển khai trong thực tế. Tuy nhiên, với những lợi ích mà EMAS mang lại khi thực hiện, Việt Nam cần có các cơ chế hỗ trợ phù hợp với thực trạng, đặc thù và điều kiện phát triển của DN để DN có thể dễ dàng tiếp cận và triển khai áp dụng. ■

# Kết quả hợp tác giữa Việt Nam, Campuchia và Thái Lan trong ứng phó sự cố tràn dầu vùng vịnh Thái Lan

TS. ĐÀO VĂN HIỀN, ThS. NGUYỄN THỊ MINH HẢI  
Cục Kiểm soát Tài nguyên và BVMT biển, hải đảo



▲ Đoàn Việt Nam tham gia Hội nghị thường niên các cơ quan đầu mối quốc gia tại Vũng Tàu năm 2014

Sự cố tràn dầu có tính chất xuyên biên giới, vì vậy, hợp tác quốc tế trong ứng phó sự cố rất quan trọng, nhằm nâng cao năng lực ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu.

Năm 2006, Việt Nam, Thái Lan và Campuchia đã ký kết trong Tuyên bố chung và Chương trình khung về hợp tác sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu vùng vịnh Thái Lan, nhằm BVMT, bảo vệ chủ quyền của Việt Nam.

Ngày 14/8/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1278/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Tuyên bố chung và Chương trình khung giữa Việt Nam,

Campuchia, Thái Lan về hợp tác sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu vùng vịnh Thái Lan.

## MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Hoàn thiện khung pháp lý về giám sát, đánh giá rủi ro, ứng phó, khắc phục và giải quyết hậu quả sự cố tràn dầu trên biển: Hiện nay, Việt Nam đã rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về giám sát, đánh giá rủi ro, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu trên biển. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng các quy trình lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên biển các cấp (quốc gia, khu vực, địa phương và cơ



sở có khả năng xảy ra sự cố tràn dầu); Danh mục các chất phân tán được phép sử dụng và quy trình sử dụng chất phân tán trên biển Việt Nam; Quy trình khắc phục sự cố môi trường do dầu tràn trên biển; Quy trình lập hồ sơ, đòi bồi hoàn chi phí ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu và thiệt hại do tràn dầu gây ra.

*Xây dựng, kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống giám sát, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu:* Kiện toàn hệ thống chỉ đạo, điều hành và bảo đảm thông tin liên lạc cho hoạt động phối hợp ứng phó sự cố tràn dầu trên biển; Xây dựng hoàn chỉnh 3 căn cứ ứng phó sự cố tràn dầu tại Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh và Cà Mau; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu khu vực biển phía Nam và Tây Nam bộ; Hệ thống hỗ trợ ra quyết định ứng phó sự cố tràn dầu trên biển vùng vịnh Thái Lan...

*Đào tạo, tập huấn, huấn luyện, diễn tập và tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng:* Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn và Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam thuộc Tập đoàn Dầu khí đã tổ chức huấn luyện về phối hợp trong ứng phó sự cố tràn dầu trên biển theo quy định của Chương trình khung và Tuyên bố chung. Đặc biệt, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn, Bộ TN&MT tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức của các cán bộ địa phương về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; Tổng cục Biển và Hải đảo đã thực hiện Dự án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về BVMT, ứng phó, khắc phục sự

cố tràn dầu trên biển” trên tất cả 28 tỉnh, TP ven biển.

*Nghiên cứu phát triển dịch vụ ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu:* Tổng cục Biển và Hải đảo triển khai Dự án “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu trên biển” (giai đoạn I). Dự án đã đề xuất một số giải pháp chung trong phát triển dịch vụ ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu. Hiện Tổng cục đang trình phê duyệt và sẽ thực hiện giai đoạn II của Dự án.

*Hợp tác quốc tế về ngăn ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu:* Việt Nam đã tổ chức Hội nghị thường niên các cơ quan đầu mối quốc gia của Việt Nam, Thái Lan và Campuchia tại TP. Hồ Chí Minh (năm 2011), Vũng Tàu (năm 2014) và Đà Nẵng (năm 2015).

Việt Nam đã thực hiện đầy đủ và hiệu quả trong phối hợp, hợp tác quốc tế với Thái Lan và Campuchia về ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu trên biển đã được quy định tại Tuyên bố chung và

Chương trình khung. Đây là những kết quả bước đầu quan trọng, tạo cơ sở cho việc hợp tác hiệu quả giữa các nước trong thời gian tới.

## **ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG HỢP TÁC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU VÙNG VỊNH THÁI LAN**

Trong thời gian tới, các nước sẽ hợp tác xây dựng và cập nhật hệ thống chia sẻ thông tin dữ liệu về ngăn ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu vùng vịnh Thái Lan; hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong ứng phó sự cố tràn dầu; xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật như lập bản đồ nhạy cảm, lập hồ sơ, đòi bồi hoàn chi phí ứng phó, khắc phục sự cố và thiệt hại do dầu tràn gây ra; Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập trong ứng phó sự cố tràn dầu vùng vịnh Thái Lan theo quy định.

Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm về tràn dầu cho khu vực dựa trên dữ liệu vệ tinh, cơ chế hợp tác, quy chế phối hợp, bản thỏa thuận giữa các cơ quan, đơn vị của 3 nước trong ứng phó sự cố tràn dầu; Tổ chức, tham dự có hiệu quả các hội nghị thường niên các cơ quan đầu mối quốc gia và hội thảo chuyên ngành trong ứng phó sự cố tràn dầu. Cùng với đó, thực hiện các dự án nghiên cứu, phát triển về ứng phó sự cố tràn dầu, đặc biệt là đối với các đối tác ngoài khu vực; Hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu, đặc biệt là trong trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng ứng phó của quốc gia; Mở rộng hợp tác sang lĩnh vực ứng phó sự cố hóa chất độc hại trên biển■



▲ Sự cố tràn dầu xảy ra vào năm 2013 tại vịnh Thái Lan



# Tăng cường quản lý và thu thuế tài nguyên trong khai thác khoáng sản

**NGUYỄN THỊ NGỌC THÙY**

*Trường Đại học Mở - Địa chất*

Công nghiệp khai thác khoáng sản đã và đang góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước. Tuy nhiên, hoạt động này cũng gây ra ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động và thất thu ngân sách nhà nước... nên cần phải có những giải pháp tăng cường công tác quản lý và thu thuế tài nguyên.

## CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ THU THUẾ TÀI NGUYÊN

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú với gần 40 loại khoáng sản như dầu khí, kim loại, than, vật liệu xây dựng... Hiện nhiều loại khoáng sản được khai thác với quy mô lớn nên đang đối mặt với quy mô cạn kiệt trong tương lai gần. Trong khi đó, hiệu quả đóng góp ngân sách còn hạn chế. Số liệu thống kê của Bộ Tài chính cho thấy, số thu thuế tài nguyên ngoài dầu khí đạt 0,9 - 1,1% tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2013. Trong năm 2015, số thu thuế tài nguyên đạt 11.129 tỷ đồng, chiếm khoảng 1,22% tổng số thu ngân sách nhà nước.

Tình trạng thất thu thuế đã và đang diễn ra tại nhiều địa phương. Điển hình như huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An có trên 240 doanh nghiệp (DN), trong đó hầu hết hoạt động khai thác chế biến khoáng sản. Nhiều năm qua, công tác thu thuế tài nguyên khoáng sản gặp rất nhiều khó khăn. Tổng số nợ thuế tài nguyên khoáng sản của các DN trên địa bàn Quỳnh Hợp tính từ năm 2005 đến tháng 10/2016 là hơn 29 tỷ đồng. Năm 2016, huyện đã xử lý, truy thu hơn 10 tỷ đồng.

Nguyên nhân thất thu thuế ở nhiều địa phương là do chính sách thu thuế tài nguyên còn bất cập,



▲ Nhà nước cần ban hành chính sách khuyến khích chế biến sâu, nâng cao giá trị tài nguyên trong nước

vướng mắc như nhiều tài nguyên có giá trị cao chưa có quy định thu thuế tài nguyên, các loại đá granite cao cấp vẫn có mức thuế suất như đá thông thường. Việc quản lý khai thác ở nhiều nơi còn lỏng lẻo, nên vẫn còn hiện tượng khai thác trái phép gây thất thu sản lượng.

Ngoài ra, chính sách thuế chưa quy định rõ việc thu thuế tài nguyên đối với hộ gia đình, cá nhân khai thác tài nguyên, vật liệu xây dựng thông thường trên khuôn viên đất ở bán cho đơn vị kinh doanh vật liệu xây dựng. Đối hoạt động khai thác nhỏ lẻ, người mua gom tài nguyên không có cam kết giữa người bán tài nguyên nhỏ lẻ nộp thay thuế tài nguyên thì không phải kê khai nộp thuế dẫn đến lợi dụng trốn thuế.

Trong khi đó vẫn chưa có cơ chế để giám sát sản lượng khai thác thực tế của DN. Điều này dẫn đến những rủi

ro thất thu do DN khai báo số liệu thấp hơn thực tế, hoặc không thực hiện các nghĩa vụ đóng góp như cam kết ban đầu. Hàm lượng, chất lượng tài nguyên khai thác lên cùng tạp chất không đồng đều, nên khó khăn trong việc xác định khối lượng tài nguyên, giá tính thuế tài nguyên và khó bảo đảm có giá tính thuế tài nguyên đối với một loại tài nguyên nhất định thống nhất trên toàn quốc.

Bên cạnh đó, còn phát sinh hiện tượng chuyển giá gây thất thu về thuế tài nguyên. Đối với nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện, Luật quy định giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân trên thị trường do Nhà nước công bố. Tuy vậy, trong cơ cấu giá bán điện bình quân trên thị trường không chỉ riêng giá bán thủy điện, mà bao gồm cả giá bán điện từ nhiệt điện, giá bán điện nhập khẩu dẫn đến những bất cập trong xác



định giá tính thuế tài nguyên.

Ngoài ra, chủng loại tài nguyên tại một số địa phương không nhiều, số thuế tài nguyên thu được không đủ bù đắp chi phí quản lý nên địa phương chưa quan tâm chú trọng. Chi phí đầu tư chế biến tài nguyên khoáng sản lớn chưa hấp dẫn các DN đầu tư chế biến sâu, nên có xu hướng xuất khẩu, kinh doanh tài nguyên thô, gây thất thoát tài nguyên. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý cấp phép khai thác tài nguyên và cơ quan thuế chưa chặt chẽ; hệ thống thông tin về trữ lượng, chủng loại tài nguyên tại địa phương chưa đầy đủ dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện thu thuế tài nguyên.

### ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Trước thực trạng trên cần thiết phải tăng cường quản lý hiệu quả về tài nguyên khoáng sản phù hợp với chương trình tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, từ đó bảo đảm chính sách thu thuế hợp lý. Để làm được điều đó, cần thực hiện một số giải pháp mang tính khả thi cao như tăng cường công tác quản lý và cấp phép khai thác, kinh doanh tài nguyên khoáng sản, lựa chọn nhà đầu tư đủ điều kiện, tiềm lực để khai thác, chế biến tài nguyên; có chính sách khuyến khích đầu tư chế biến sâu nâng cao giá trị tài nguyên. Từ đó, tài nguyên ngày càng được quản lý chặt chẽ hơn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ nguồn tài nguyên, BVMT.

Nhà nước cần có cơ chế quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với việc cấp phép khai

thác và sử dụng tài nguyên. Thực hiện kiểm tra tại địa bàn (kê khai thuế điện tử của doanh nghiệp tại cơ quan thuế) để xác định sản lượng khai thác hàng quý, tập hợp bảng kê bán lẻ hàng ngày, đối thoại với các DN. Đồng thời, xử lý nghiêm đối với các dự án, DN không kê khai, nộp các loại thuế, phí theo quy định, trường hợp không chấp hành đúng kiên quyết cưỡng chế, đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép.

Nghiên cứu cơ chế chính sách về thuế tài nguyên đối với tài nguyên đã qua chế biến, quy định những căn cứ cụ thể để phân biệt sản phẩm đã qua chế biến vẫn ở dạng nguyên, hoặc đã thành sản phẩm khác. Xác định sản lượng và giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác và sản phẩm khác chế biến từ tài nguyên khai thác đồng bộ với chính sách hiện hành. Cần tăng cường quản lý sản lượng tài nguyên khai thác từ khâu cấp phép, cho đến quá trình tổ chức khai thác, tiêu thụ để chống thất thoát, trốn sản lượng tính thuế.

Mỗi địa phương cần có cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho DN kê khai, nộp thuế và tiếp cận kịp thời với những thay đổi của chính sách thuế tài nguyên ở mỗi thời điểm; kiểm tra, rà soát chặt chẽ hồ sơ khai thuế, qua đó đánh giá chính xác các nội dung thông tin kê khai trong hồ sơ thuế như sản lượng khai thác, sản lượng tiêu thụ, giá thành, giá bán... giúp cơ quan thuế nắm được khối lượng, chủng loại khoáng sản có liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của DN; tích cực phối hợp với các cơ quan hữu quan trong công tác quản lý thuế.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thuế, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là nguồn tài nguyên không tái tạo. Khuyến khích các cơ sở, DN lựa chọn phương thức đầu tư công nghệ khai thác, chế biến hợp lý, phù hợp với điều kiện của địa phương, hạn chế xuất khẩu thô, tăng giá trị tài nguyên. ■



▲ Tình trạng khai thác cát trái phép vẫn diễn ra tại một số địa phương



# Phát triển cây keo lá liềm trên vùng cát ven biển tỉnh Quảng Trị

ĐÌNH LÂN

Đại học Lâm nghiệp



▲ Cán bộ Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây keo lưỡi liềm tại huyện Triệu Phong (Quảng Trị)

Quảng Trị có diện tích đất cát ven biển là 34.152 ha, chiếm 7,2% diện tích tự nhiên, nằm trên địa bàn 25 xã thuộc 4 huyện: Vĩnh Linh, Do Linh, Triệu Phong và Hải Lăng. Những năm gần đây, các vùng đất cát ven biển ngày càng bị hoang mạc hóa, sa mạc hóa. Để hạn chế tình trạng trên, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư của tỉnh đã triển khai trồng cây keo lưỡi liềm ở địa phương. Loài cây này được đánh giá là cây trồng phù hợp để hình thành rừng phòng hộ bảo vệ đất, điều hòa khí hậu, chống cát bay, cát nhả, cải tạo môi trường sinh thái.

## ĐẶC ĐIỂM SINH TRƯỞNG

Cây keo lá liềm (hay còn gọi là keo lưỡi liềm vì lá có hình lưỡi liềm) có tên khoa học là *Acacia orassicarpa* A. cunn ex benth, thuộc họ Trinh nữ. Cây thân gỗ có thể biến dạng từ thân bụi đến thân gỗ lớn tùy vào môi trường sống. Thân cây thẳng, đậm nhiều cành nhánh, vỏ

màu sẫm hay nâu xám, nhiều vết nứt sâu. Rễ phát triển mạnh, có nhiều vi khuẩn bám vào rễ hình thành loại đạm cộng sinh nên có tác dụng bảo vệ và cải tạo đất, đặc biệt là các vùng cát trắng ven biển. Lá già nhẵn bóng mọc thành lá kép, màu xanh lục, lá đơn hình lưỡi liềm dài 11-12cm, rộng 1-4cm, thường xanh. Hoa màu vàng nhạt gần giống hoa keo lá tràm. Có thể trồng cây keo lưỡi liềm ở độ cao từ 200 - 700 m so với mặt biển.

Cây keo lưỡi liềm có chu kỳ sinh trưởng từ 6 - 9 năm, song chăm sóc tốt và trồng đúng quy trình kỹ thuật chỉ mất 5 năm có thể cho khai thác lấy gỗ. Gỗ keo lưỡi liềm

khá nặng, gỗ lớn dùng đóng đồ mộc, xây dựng, làm ván ghép thanh; gỗ nhỏ dùng làm nguyên liệu giấy, dăm, ván ép, cọc trụ mỏ...

Ngoài ra, cây keo lưỡi liềm chịu được độ mặn và khả năng chịu lửa tốt nên có thể trồng thành hàng rào để chống xói mòn, làm băng cản lửa, chắn gió, bảo vệ đất. Đối với vùng cát di động nên trồng với mật độ 6.700 cây/ha, vùng bán di động khoảng 5.000 cây/ha hoặc 3.300 cây/ha.

## PHÁT TRIỂN CÂY KEO LƯỠI LIỀM TRÊN VÙNG CÁT VEN BIỂN

Từ năm 2014, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư đã triển khai mô hình trồng thử nghiệm cây keo lưỡi liềm trên địa bàn huyện Triệu Phong. Kết quả bước đầu cho thấy, tình hình sinh trưởng của cây keo lưỡi liềm trồng trên vùng cát trắng đạt tỷ lệ cây sống cao từ 90 - 97%, cây phát triển nhanh về chiều cao và đường kính thân cây. Sản lượng gỗ keo lưỡi liềm ước tính 80 tấn/ha và thu được 80 triệu đồng/ha từ sản phẩm gỗ trong chu kỳ 6 năm. Đến nay, cây keo lưỡi liềm đã được trồng đại trà tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, hình thành các vạt rừng phòng hộ chắn cát, với tổng diện tích rừng đạt hơn 16 nghìn ha. Việc trồng rừng keo lưỡi liềm đã phủ xanh đất trống, cải tạo đất bạc màu, góp phần cải thiện đời sống của người dân vùng cát ven biển.

Năm 2016, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư





của tỉnh kết hợp với Viện Nghiên cứu giống và công nghệ sinh học lâm nghiệp đã xây dựng vườn giống thế hệ 1 keo lười liềm. Đồng thời, Trung tâm cũng triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh rừng trồng, tiến hành khảo nghiệm các giống cây mới để làm phong phú thêm tập đoàn cây lâm nghiệp trên địa bàn và nâng cao giá trị canh tác rừng keo lười liềm.

Trong thời gian tới, để tăng cường diện tích rừng trồng keo lười liềm trên địa bàn tỉnh, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư đã đề ra một số giải pháp cần thực hiện:

*Tăng cường đội ngũ cán bộ khuyến lâm cho các xã trên địa bàn tỉnh.* Đào tạo hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây keo lười liềm cho lực lượng lao động nông thôn. Có cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, các thành phần kinh tế tham gia trồng cây keo lười liềm.

*Xây dựng dự án nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp,* trong đó có giống cây keo lười liềm; Thiết lập hệ thống quản lý, kiểm nghiệm, bảo quản giống cây keo lười liềm; Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng cây keo lười liềm.

*Đẩy mạnh áp dụng công nghệ sinh học trong trồng cây giống* đáp ứng nhu cầu của người dân. Nghiên cứu các công nghệ chế biến mới để nâng cao năng lực chế biến và hiệu quả sử dụng gỗ rừng trồng, trong đó có gỗ keo lười liềm; đẩy mạnh việc tinh chế sản phẩm và sản xuất đồ gỗ chất lượng cao.

*Tuyên truyền phổ biến kiến thức rộng rãi* để mọi người dân tích cực tham gia trồng rừng. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho các dự án trồng cây keo lười liềm...■

## Bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu, Yên Bái

LÊ MAI

Sở NN&PTNT Yên Bái



▲ Cán bộ Hạt Kiểm lâm huyện Văn Yên (Yên Bái) và tổ bảo vệ rừng thôn 3 tuần tra bảo vệ rừng Nà Hẩu

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Nà Hẩu được UBND tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 512/QĐ-UB ngày 9/10/2006, với tổng diện tích tự nhiên là 16.950 ha, trong đó, khu bảo vệ nghiêm ngặt là 7.250 ha, phân khu phục hồi sinh thái là 9.700 ha. Nằm trên địa bàn 4 xã Nà Hẩu, Đại Sơn, Mở Vàng và Phong Dụ Thượng (huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái), KBTTN Nà Hẩu có hệ sinh thái rừng tự nhiên phong phú, đa

dạng mang tính điển hình của vùng núi phía Bắc Việt Nam với nhiều loài động, thực vật quý hiếm.

### CÁC TÁC ĐỘNG TỚI KBTTN NÀ HẦU

KBTTN Nà Hẩu như một lòng chảo được tạo nên từ thung lũng hẹp, xung quanh được bao bọc bởi những dãy núi cao. Địa hình nơi đây bị chia cắt mạnh tạo thành nhiều khe suối và các đồi, núi thấp có độ cao trung bình từ 600 - 700 m so với mặt



nước biển. Theo thống kê, hệ thực vật rừng của KBTTN có 396 loài, trong đó có 27 loài thực vật quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam. Rừng nơi đây chủ yếu là rừng nguyên sinh, rậm rạp với nhiều tầng cây, tán lá. Tầng cao nhất là hệ sinh thái rừng lá rộng thường xanh, với nhiều loài gỗ quý như chò nâu, giổi, trám, pơ mu, lát hoa...; tầng giữa là tầng cây thường xanh lá kim như loài de, giẻ...; tầng dưới phân thành nhiều lớp cây cao thấp khác nhau, chủ yếu là các cây gỗ nhỏ ưa bóng; tầng thảm tươi chủ yếu là cây bụi, dương xỉ, cau rừng...

Về động vật rừng, KBTTN có khoảng 72 loài thú, 240 loài chim, 48 loài bò sát..., trong đó có nhiều loài có giá trị có tên trong Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ thế giới như sơn dương, gấu, vượn đen tuyền, voọc xám, rùa đầu to, kỳ đà hoa. Ngoài ra, trong vùng lõi của KBTTN còn là nơi sinh sống của một số loài chim có vùng phân bố hẹp, trong đó có một số loài chim bị đe dọa toàn cầu như hồng hoàng, gà lôi...

Hiện nay, công tác bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) trong KBTTN Nà Hấu đang chịu nhiều sức ép do dân số sống trong vùng đệm ngày càng tăng. Người dân thường vào rừng khai thác tài nguyên trái phép, làm mất cân bằng hệ sinh thái động, thực vật rừng. Theo báo cáo của Ban quản lý (BQL) KBTTN, trong 5 năm (2010-2015) đã phát hiện 98 vụ với 61 đối tượng vi phạm về khai thác trái phép lâm sản rừng, thu giữ 74,79 m<sup>3</sup> gỗ pơ mu; 7,71 m<sup>3</sup> gỗ đinh trặc; 52,44 m<sup>3</sup> gỗ rừng khác; xử phạt vi phạm hành chính 604 triệu đồng; Khởi tố hình sự 2 vụ về tội hủy hoại rừng gây thiệt hại 5,1 ha rừng phòng hộ và 4,55 ha rừng sản xuất.

Cùng với đó, với nhu cầu sử dụng động vật hoang dã làm thực phẩm, thuốc chữa bệnh, trưng bày... có xu hướng gia tăng nên tình trạng săn bắt, buôn bán và tiêu thụ bất hợp pháp động vật hoang dã ngày càng diễn biến phức tạp. Đáng lo ngại là việc người dân sử dụng súng săn, súng tự chế, đặt bẫy để tàn sát thú rừng. Riêng năm 2015, Hạt Kiểm lâm huyện Văn Yên đã phối hợp với BQL KBTTN Nà Hấu xử lý 32 vụ (với 33 đối tượng) vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, trong đó, khởi tố hình sự 1 vụ, xử phạt vi phạm hành chính 31 vụ, với tổng số tiền là 155 triệu đồng.

Thêm vào đó, các hoạt động lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy, đường giao thông và chăn thả gia súc tự do trong rừng đặc dụng đã làm mất các sinh cảnh quan trọng của thú tại khu



▲ Loài voọc xám đang có nguy cơ tuyệt chủng ở KBTTN Nà Hấu

vực bảo tồn. Các quần thể sống trong điều kiện sinh cảnh bị chia cắt và thu hẹp sẽ dẫn tới tình trạng giao phối nội dòng, suy thoái thể hệ.

### TĂNG CƯỜNG CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trước thực trạng trên, BQL KBTTN Nà Hấu đã phối hợp với UBND các xã, đặc biệt là xã vùng lõi để triển khai các biện pháp bảo vệ hệ sinh thái của KBTTN. Một tổ kiểm lâm gồm 3 - 4 người được thành lập và duy trì tại xã Nà Hấu với nhiệm vụ tham mưu về các giải pháp bảo vệ rừng; giao khoán bảo vệ rừng cho các nhóm hộ. Ngoài các chốt trực của lực lượng kiểm lâm trên địa bàn, huyện Văn Yên còn huy động lực lượng dân quân, người có uy tín của đồng bào bản địa cùng tham gia bảo vệ rừng.

Để tăng cường công tác bảo tồn ĐDSH, BQL KBTTN đã đề ra một số giải pháp như: Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thực thi pháp luật của KBTTN; Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác quản lý,

xây dựng phòng thí nghiệm để nghiên cứu, giám sát ĐDSH, lưu giữ, nhân giống và bảo quản các mẫu vật di truyền hoang dã; thiết lập cơ sở dữ liệu, chế độ báo cáo và cơ chế chia sẻ thông tin về ĐDSH với các khu bảo tồn quốc gia; Áp dụng và thực hiện các giải pháp khoa học công nghệ trong bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH.

Mặt khác, điều tra cơ bản về tài nguyên sinh vật, trong đó chú trọng đến đặc điểm sinh học, sinh thái của các loài sinh vật đặc hữu, quý, hiếm và các hệ sinh thái đặc thù, nhạy cảm, từ đó lập kế hoạch bảo tồn, bảo vệ các loài quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao; Bảo tồn, lưu giữ, trưng bày các nguồn gen, hiện vật, tiêu bản các loài đặc hữu, quý, hiếm phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, và phát triển du lịch sinh thái; Áp dụng các mô hình gây nuôi và tái thả các loài hoang dã vào tự nhiên, sử dụng bền vững loài, nguồn gen; sử dụng các biện pháp khai thác bền vững về tài nguyên thiên nhiên và ĐDSH; Khuyến khích, huy động sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ rừng và ĐDSH...■



# Phát triển vật liệu xây dựng không nung ở Lạng Sơn

**G**ạch không nung được sản xuất theo một dây chuyền cơ giới hóa, sử dụng các nguồn nguyên vật liệu chính trong tự nhiên như: đá, cát, xi măng... Quá trình sản xuất gạch không nung không sinh ra chất gây ô nhiễm, không tạo ra chất phế thải hoặc chất thải độc hại. Năng lượng tiêu thụ trong quá trình sản xuất gạch không nung chiếm một phần nhỏ so với quá trình sản xuất các vật liệu khác, đặc biệt, người lao động không phải tiếp xúc trực tiếp với nhiệt độ cao. Hơn nữa, một trong những ưu điểm lớn của gạch không nung là làm giảm khả năng tác động của nhiệt độ bên ngoài và làm tăng hiệu quả sử dụng năng lượng bên trong của tòa nhà... Do đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020.

Thực hiện Quyết định số 567/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Lạng Sơn và các huyện, TP đã ban hành 20 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện. Trong đó, năm 2012, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 5/9/2012 về thực hiện Chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020 và lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công, lò thủ công cải tiến, lò đứng liên tục. Mục tiêu đến năm 2020, phát triển sản xuất và sử dụng loại vật liệu xây không nung thay thế gạch đất sét nung đạt tỷ lệ 30- 40 %; Sử dụng phế thải công nghiệp (tro xỉ nhiệt điện, xỉ lò cao) để sản xuất vật liệu không nung; Tiết kiệm đất nông nghiệp, đất sử dụng làm bãi chứa chất thải; Tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công.

Kế hoạch cũng đề ra các giải pháp như tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến đến các cấp, ngành, huyện và TP, các doanh nghiệp, mọi người dân những ưu điểm, lợi thế trong việc sản xuất, sử dụng vật liệu gạch không nung, đồng thời thấy được những tác động tiêu cực của việc sản xuất và sử dụng gạch đất sét nung không theo quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường; Rà soát và bổ sung quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng và các quy hoạch ngành liên quan giai đoạn đến năm 2020; Khuyến khích thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế xây dựng phát triển các cơ sở sản xuất gạch không nung với quy mô công suất hợp lý, công nghệ tiên tiến, đa dạng hóa về kích thước sản phẩm phù hợp với thực tế thi công các công trình xây dựng với đáp ứng yêu cầu về chất lượng; Thực hiện nghiêm túc lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công, quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất nông nghiệp để sản xuất gạch ngói.



▲ Sản xuất gạch không nung tại Công ty Cổ phần tập đoàn Phú Lộc, Lạng Sơn

Đồng thời, phối hợp các cấp, các ngành xây dựng cơ chế chính sách của tỉnh khuyến khích sản xuất vật liệu không nung, hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung; Thống nhất trong các hoạt động xúc tiến đầu tư, thẩm định dự án, cấp phép xây dựng, kiểm tra giám sát việc ưu tiên sử dụng vật liệu xây không nung vào thiết kế, xây dựng các công trình xây dựng và BVMT; Đề xuất xây dựng các chính sách thu hút đầu tư, ưu đãi về thuế: thuế khai thác tài nguyên, xuất nhập khẩu, thu nhập doanh nghiệp, chính sách hỗ trợ chuyển đổi công nghệ...

Theo số liệu thống kê của Sở Xây dựng, đến hết tháng 11/2016, có 211 cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng không nung, với 170 triệu viên/năm (chủ yếu là gạch bê tông xi măng cốt liệu bột đá), trong đó có 7 doanh nghiệp đã thực hiện công bố sản phẩm phù hợp với các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn Việt Nam 16: 2014/BXD. Toàn tỉnh đã có 146 công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước dùng vật liệu xây không nung hợp quy, với số lượng gạch xây không nung đã sử dụng đạt gần 12 triệu viên. Đối với các công trình nhà dân, hiện chưa có số liệu thống kê đầy đủ, chính xác, nhưng thực tế cho

thấy, số công trình người dân sử dụng gạch xây không nung tại khu vực nông thôn chiếm tới trên 60%.

Ngoài đẩy mạnh sản xuất gạch xây không nung bằng chất liệu bê tông xi măng cốt liệu bột đá, một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nghiên cứu lập dự án tận dụng tro, xỉ của nhà máy nhiệt điện Na Dương để sản xuất vật liệu xây không nung. Hiện đã lấy mẫu tro, xỉ của Nhà máy để sản xuất thử nghiệm. Nếu các kết quả được công bố đủ tiêu chuẩn chất lượng và đưa vào sản xuất, thì hàng năm, gần 400.000 tấn tro xỉ tại Nhà máy nhiệt điện Na Dương sẽ được tận dụng triệt để làm vật liệu xây không nung, góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường.

Như vậy, qua 6 năm thực hiện Chương trình phát triển vật liệu xây không nung, nhận thức của các cấp chính quyền và cộng đồng về mục đích, ý nghĩa của chương trình được nâng lên rõ rệt. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng đã chủ động xây dựng các phương án đầu tư, tìm kiếm công nghệ tiên tiến vào sản xuất, cung cấp cho thị trường sản phẩm đạt chất lượng và từng bước đa dạng hóa sản phẩm vật liệu xây không nung ■

LÊ THƯƠNG



CÔNG TY VẬN CHUYỂN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ:

## Tăng cường tính kỷ luật, đảm bảo an toàn lao động

**Nhằm tăng cường tính kỷ luật, đảm bảo an toàn lao động, Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ (KĐN) đã triển khai chương trình kiểm tra và xử lý vi phạm về nồng độ cồn đối với tất cả người lao động làm việc trên các công trình khí của Công ty.**

Theo đó, Phòng An toàn - Môi trường của Công ty KĐN đã đầu tư 2 máy chuyên dụng và ống thổi kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở. Một máy được phục vụ công tác an toàn của Công ty và một máy được cấp cho Phân xưởng Vận hành để chủ động kiểm tra ngay tại cơ sở sản xuất. Cách thức kiểm tra tương tự cách thức đang được cảnh sát giao thông thực hiện đối với người tham gia giao thông: Người được kiểm tra sẽ thổi trực tiếp vào máy qua ống thổi, sau đó kết quả sẽ được hiển thị trên màn hình máy. Giới hạn vi phạm là khi nồng độ cồn trong khí thở từ 0,4mg/lít khí thở trở lên. Khi vượt quá ngưỡng giới hạn này, người sử dụng rượu bia sẽ dễ bị kích động, hưng phấn, khó kiểm soát và tự chủ hành vi của mình, dễ dẫn đến việc điều khiển máy móc, thiết bị không chính xác, có nguy cơ gây mất an toàn cao; đồng thời, tạo hình ảnh xấu về tác phong làm việc trên công trình có độ an toàn hầu như tuyệt đối.

Công ty KĐN đã công bố rộng rãi về hình thức xử lý khi vi phạm là lập biên bản vi phạm, không cho phép vào khu vực làm việc và xử lý kỷ luật theo quy định của công ty như: cảnh cáo, đánh giá lao động... đến việc cho nghỉ việc. Ngay khi Chương trình được triển khai, KĐN đã thành lập đoàn kiểm tra gồm đại diện: Công đoàn, phòng An toàn Môi trường, Tổ chức Hành chính, Ban Quản đốc Phân xưởng Vận hành.

Tại Dự án Hệ thống khí Hàm Rồng - Thái Bình, thành phần đoàn kiểm tra gồm Ban Quản đốc, Công đoàn đơn vị, các cán bộ an toàn và hành chính. Việc kiểm tra được KĐN duy trì liên tục dưới cả 2 hình thức: đột xuất và định kỳ tại văn phòng công ty và các trạm khí, trạm van thuộc KĐN. Trong dịp Tết Đỉnh Dậu



▲ Đo nồng độ cồn với người lao động của KĐN

▲ Máy đo nồng độ cồn được trang bị tại KĐN

2017, KĐN đã kiểm tra đột xuất tại tất cả các trạm van, trạm khí và không phát hiện thấy trường hợp nào vi phạm.

Để đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo sức khỏe và an toàn tài sản công trình khí, KĐN cũng đã kêu gọi toàn thể cán bộ công nhân viên (CBCNV) trong Công ty, các nhà thầu tại các công trình khí của KĐN, lực lượng bảo vệ, lái xe và các lực lượng liên quan khác nghiêm chỉnh thực hiện và tuân thủ các quy định an toàn lao động, chứ không chỉ có ý nghĩa đối phó tạm thời với đoàn kiểm tra.

Thực hiện mục đích đa dạng loại hình kiểm tra; quản lý nội quy, kỷ luật lao động nghiêm ngặt, KĐN luôn hướng tới những hình thức và chương trình thiết thực, hiệu

quả, có tính thuyết phục cao. Vì vậy, chương trình kiểm tra nồng độ cồn cũng như những chương trình an toàn trước đây của KĐN đã được hưởng ứng tích cực trong toàn Công ty, hỗ trợ kiểm soát và ngăn chặn kịp thời nhiều nguy cơ mất an toàn, tạo ý thức cho người lao động hàng ngày, hàng giờ.

Được biết, việc kiểm tra nồng độ cồn với người lao động làm việc trên các công trình khí đã được triển khai thời gian dài tại Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS), tiên phong là ở Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn, tiếp theo là ở Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu, Công ty Khí Cà Mau và đến nay là Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ ■

TRẦN GẮM



CÔNG TY TNHH SỐ 10 LAI CHÂU:

## Nỗ lực đầu tư phát triển bền vững

**Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển ở địa bàn tỉnh đặc biệt khó khăn, cùng với những biến động của nền kinh tế, nhưng Công ty TNHH Số 10 Lai Châu vươn lên nhờ sự đầu tư bài bản, quan tâm đến công tác an sinh xã hội... nên đã khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp của tỉnh Lai Châu.**

Là doanh nghiệp có uy tín, nhiều năm qua, Công ty TNHH Số 10 Lai Châu luôn được lựa chọn tham gia thi công các dự án trọng điểm của tỉnh. Theo lãnh đạo Công ty, đầu tư ở địa bàn đặc thù như Lai Châu, doanh nghiệp đã phải xác định nỗ lực vượt khó khăn trong khi lĩnh vực xây dựng giao thông, cầu cống lại phụ thuộc địa hình đồi núi nên rất hạn chế việc đưa máy móc thi công, cơ giới hóa... Tuy nhiên, vượt qua khó khăn, Công ty Số 10 Lai Châu đã tính toán để lựa chọn phương án thiết kế tối ưu, lựa chọn vật liệu, thiết bị, lựa chọn nhà cung cấp... để nâng cao hiệu quả, giảm chi phí. Cùng đó, Công ty còn chủ động kiểm soát kỹ thuật và thi công phần xây lắp, điều này cùng góp phần đẩy nhanh tiến độ và tăng tính chủ động cho doanh nghiệp. Do đó, nhiều công trình trọng điểm của tỉnh được Công ty triển khai hiệu quả, cụ thể: Dự án tuyến đường Liên Vùng 107 (km11- km14) Khau Riêng - Pá Liêng( huyện Tân Uyên), đường Nậm Lăn - Tá Pạ (huyện Mường Tè), cơ sở hạ tầng Trường

Cao đẳng Cộng đồng (TP. Lai Châu), Thủy lợi Phai Cát (huyện Phong Thổ), tràn xả lũ hồ Hoàng Hồ (huyện Sìn Hồ)... Cùng với đó là các dự án giao thông lớn khác và các công trình xây dựng kè chống sạt lở. Làm được điều này, Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc đồng thuận, tạo dựng sự gắn kết giữa lãnh đạo và nhân viên; tiến hành phân công công việc một cách nhịp nhàng, tạo mối quan hệ khăng khít, phát huy tối đa năng lực của mỗi cá nhân.

Nhằm chủ động nguồn nguyên liệu sản xuất, năm 2015, Công ty đã được UBND tỉnh Lai Châu cấp Giấy phép khai thác khoáng sản chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, nhà điều hành sản xuất, bãi chứa sản phẩm, đường nội bộ tại mỏ đá Sùng Chô 1, xã Nậm Loỏng, TP. Lai Châu và xã Lán Nhi Thàng, huyện Phong Thổ, với diện tích khu vực khai thác 2,8 ha, công suất khai thác: 15.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, tương đương với 19.500 m<sup>3</sup> đá thành phẩm, thời hạn 5 năm. Theo đó, Công ty đã thực hiện

đầy đủ các quy định pháp luật về BVMT đối với hoạt động khai thác khoáng sản như: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành; các nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt; ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định... Mặt khác, Công ty còn áp dụng các phương pháp khai thác mới, với quy trình kỹ thuật cao, bảo đảm an toàn công trình mỏ, vật liệu nổ và có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động cũng như các quy định khác có liên quan. Theo ông Chu Anh Miên - cán bộ phụ trách An toàn và môi trường Công ty cho biết: Ngoài việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT, Công ty luôn quan tâm đến đời sống cho các thành viên; tạo điều kiện để cán bộ, nhân viên phát huy năng lực và hưởng thu nhập theo đúng năng lực. Hàng năm, Công ty còn trích một phần lợi nhuận để cử cán bộ đi đào tạo, hoàn thiện, nâng cao chứng chỉ chuyên môn, tập huấn về an toàn lao động, bồi dưỡng chế độ độc hại... để họ yên tâm gắn bó lâu dài với đơn vị.

Có thể nói, cùng với sự quan tâm tạo điều kiện của các cấp lãnh đạo tỉnh Lai Châu, Công ty TNHH Số 10 Lai Châu đã và đang góp phần to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội, ổn định lòng dân nơi vùng cao biên giới của Tổ quốc. ■

**TẠ DUYỆT**



▲ Hoạt động khai thác đá xây dựng của Công ty



# Vietsovpetro thực hiện hiệu quả công tác an toàn, sức khỏe và môi trường

**Ngày 16/2/2017 tại TP. Vũng Tàu, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro tổ chức Hội nghị Tổng kết về công tác An toàn - sức khỏe - môi trường (ATSKMT) năm 2016 và triển khai công tác năm 2017.**

Hội nghị tập trung vào các báo cáo, tham luận: Tổng kết ATSKMT của Vietsovpetro trong năm 2016 và phương hướng công tác năm 2017; Những khó khăn trong công tác BVMT trên các công trình sản xuất của Vietsovpetro và các giải pháp khắc phục; Những bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý ATSKMT trên các công trình sản xuất tại Xí nghiệp Khoan và Sửa giếng.

Theo Báo cáo tổng kết tại Hội nghị, trong năm 2016 Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro đã vượt qua các cột mốc từ 5 - 9 triệu giờ công lao động an toàn liên tục không để xảy ra tai nạn lao động. Việc đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh đã góp phần to lớn vào thành tích chung của Vietsovpetro, giúp hoạt động sản xuất diễn ra liên tục, không để xảy ra sự cố lớn nào. Đồng thời, các báo cáo đã tập làm rõ những tồn tại cần khắc phục hệ thống quản lý ATSKMT trong năm 2016, nêu những đề xuất, kiến nghị, giải pháp năm 2017 và những năm tiếp theo.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, đồng chí Lê Hồng Thái - Trưởng ban ATSKMT Tập đoàn biểu dương và đánh giá cao công tác ATSKMT của Vietsovpetro, vì trong tình hình khó khăn



▲ Đồng chí Lê Hồng Thái - Trưởng ban ATSKMT Tập đoàn phát biểu chỉ đạo Hội nghị

đã cố gắng giảm mọi chi phí hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các chỉ số về tần suất tai nạn lao động và tần suất sự cố năm 2016 của Vietsovpetro thấp hơn mức bình quân của toàn Tập đoàn. dịp này, đồng chí đưa ra một số đề xuất, gợi ý để Vietsovpetro làm tốt hơn nữa công tác ATSKMT trong năm 2017 cũng như các năm tiếp theo.

Đồng chí Krupenko E.V. - Phó Chánh kỹ sư Vietsovpetro yêu cầu những người làm công tác ATSKMT, Lãnh đạo

các đơn vị cơ sở cần tiếp tục thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Trưởng ban ATSKMT Tập đoàn, đồng thời tiếp tục cải tiến Hệ thống quản lý ATSKMT cho phù hợp với tình hình sản xuất hiện nay của Vietsovpetro.

Tại Hội nghị, đại diện Lãnh đạo Vietsovpetro đã trao Bằng khen cho 2 tập thể (Xí nghiệp Khoan và Sửa giếng, Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan) cùng 79 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác ATSKMT năm 2016.

ANH TUẤN



▲ Đại diện Lãnh đạo Vietsovpetro trao Bằng khen cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác ATSKMT năm 2016



# Hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích phát triển năng lượng mặt trời tại Việt Nam

NGUYỄN THANH GIANG

Tổng cục Năng lượng, Bộ Công Thương

**Bên cạnh các nguồn năng lượng điện như nhiệt điện, thủy điện..., việc phát triển các dự án năng lượng mặt trời (NLMT) có ý nghĩa quan trọng, nhằm đóng góp sản lượng vào hệ thống điện quốc gia và thúc đẩy phát triển các dạng năng lượng, góp phần giảm phát thải khí nhà kính, BVMT.**

## TIỀM NĂNG VÀ THÁCH THỨC

Theo nghiên cứu của Viện Năng lượng (Bộ Công Thương), Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển NLMT, với tổng bức xạ trung bình từ 4,3- 5,7 triệu kWh/m<sup>2</sup>. Các tỉnh ở phía Bắc (từ Thừa Thiên - Huế trở ra) bình quân trong năm có khoảng 1.800 - 2.100 giờ nắng. Các tỉnh ở phía Nam (từ Đà Nẵng trở vào), bình quân có khoảng 2.000 - 2.600 giờ nắng, lượng bức xạ mặt trời tăng 20% so với các tỉnh phía Bắc. Ở vùng này, mặt trời chiếu gần như quanh năm, kể cả vào mùa mưa, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển NLMT.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc khai thác NLMT chưa tương xứng với tiềm năng, hầu hết các dự án NLMT tại Việt Nam đều có quy mô nhỏ, chủ yếu là ứng dụng cho hộ gia đình và các trung tâm dịch vụ.

Ngày 25/11/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2068/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó nêu rõ định hướng phát triển NLMT từ nay đến năm 2050 sẽ chú trọng phát triển điện mặt trời (ĐMT) để cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia và khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa chưa thể cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia. Đồng thời, đưa tỷ lệ điện năng sản xuất từ nguồn NLMT trong tổng sản lượng điện sản xuất từ mức không đáng kể hiện nay lên khoảng 0,5% vào năm 2020, 6% vào năm 2030 và 20% vào năm 2050. Trong Quy hoạch điện VII (điều chỉnh) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cũng yêu cầu đẩy nhanh tiến độ của các dự án ĐMT, bao gồm nguồn tập trung lắp đặt trên mặt đất và các nguồn riêng lẻ lắp đặt trên nóc nhà, đưa công suất nguồn ĐMT lên khoảng 850 MW vào năm 2020, đến năm 2025 là 4.000 MW và năm 2030 là 12.000 MW. Theo lộ trình, từ nay đến năm 2020, mỗi năm, Việt Nam cần xây dựng các dự án ĐMT với công suất 200 MW; từ năm 2020 - 2025, mỗi

năm phải lắp đặt hơn 600 MW và 5 năm tiếp theo, phải lắp đặt 1.600 MW mới đạt kế hoạch đề ra.

Hiện tại, đã có khoảng 30 dự án ĐMT được các doanh nghiệp trong và ngoài nước triển khai, chủ yếu tại các tỉnh miền Trung như: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, đáng chú ý là 2 dự án của Công ty Đầu tư và Xây dựng Thiên Tân (tại Quảng Ngãi, Ninh Thuận) và dự án Tuy Phong của Công ty TNHH DooSung Vina (Hàn Quốc) đầu tư ở Bình Thuận. Ngoài ra, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cũng có kế hoạch triển khai 2 dự án ĐMT tại Đồng Nai và Bình Thuận.

Tuy nhiên, thách thức lớn nhất đối với phát triển ĐMT là vấn đề chi phí đầu tư để khai thác, sử dụng NLMT rất cao do công nghệ, thiết bị sản xuất đều nhập từ nước ngoài (chủ yếu từ Trung Quốc). Phần lớn, những dự án ĐMT lớn đều sử dụng nguồn vốn tài trợ, hoặc vốn vay nước ngoài. Ngoài ra,



▲ Hệ thống NLMT ở đảo Trường Sa



các dự án ĐMT thường được lắp đặt tại các vị trí xa trung tâm phụ tải, gây khó khăn cho việc đấu nối vào lưới điện quốc gia, đồng thời làm gia tăng chi phí đấu nối.

## ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NLMT

Tháng 8/2016, tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án ĐMT, Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất với đề xuất của Bộ Công Thương về việc xem xét ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án ĐMT tại Việt Nam. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Công Thương bổ sung quy định cụ thể về quy hoạch đối với ĐMT (phát triển các dự án theo bản đồ bức xạ mặt trời, bổ sung các dự án điện sử dụng NLMT vào quy hoạch phát triển điện lực...); Cập nhật giá thiết bị ĐMT để đưa ra mức giá mua bán điện phù hợp; Nghiên cứu, bổ sung quy định để thực hiện đấu thầu các dự án ĐMT theo hướng công khai, minh bạch.

Để phát triển các dự án ĐMT, Chính phủ nên quy định giá mua bán điện NLMT hợp lý, hài hòa với lợi ích của chủ đầu tư, đáp ứng mục tiêu phát triển nguồn điện xanh. Bên cạnh đó, nghiên cứu, bổ sung các quy định về việc mua bán chứng chỉ giảm phát thải hiệu ứng nhà kính (CERs) đối với dự án ĐMT; ban hành cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất thiết bị ĐMT, cơ chế hòa lưới điện quốc gia cho các doanh nghiệp, hộ dân sản xuất và sử dụng NLMT; xây dựng bộ tiêu chuẩn cho các thiết bị và thử nghiệm chất lượng, hiệu suất các sản phẩm nhập khẩu, kinh doanh trong nước; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về hiệu quả sử dụng NLMT...

Có thể nói, việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển NLMT là rất cần thiết, để tạo ra làn sóng đầu tư vào lĩnh vực ĐMT, góp phần thực hiện Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững tại Việt Nam. ■

## ● Hướng tới xây dựng mối quan hệ hợp tác vì các mục tiêu toàn cầu xanh



▲ Hội nghị TTX toàn cầu (3GF) năm 2016 được tổ chức tại Copenhagen, Đan Mạch

Vừa qua, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà đã có buổi làm việc với Đại sứ Đan Mạch tại Việt Nam Charlotte Laursen về việc tổ chức Hội nghị bàn tròn về Diễn đàn Tăng trưởng xanh (TTX) toàn cầu (3GF) năm 2017 với chủ đề "Vì các mục tiêu toàn cầu xanh, hướng tới xây dựng mối quan hệ 'Hợp tác vì các mục tiêu toàn cầu xanh'".

Tại buổi làm việc, Đại sứ Đan Mạch tại Việt Nam Charlotte Laursen nhận định, mô hình hợp tác 3GF cần phải tái định hướng để phù hợp với thay đổi về hợp tác, hướng tới TTX trên toàn thế giới. Đại sứ mong muốn Việt Nam sẽ đồng chủ trì tổ chức Hội nghị bàn

tròn để xây dựng và thực hiện sáng kiến chuyển đổi 3GF toàn diện, hiệu quả.

Đại sứ cho biết, mục tiêu của Hội nghị nhằm tìm kiếm đối tác và các bên quan tâm tham gia vào sáng kiến, đồng thời là cơ hội để các bên học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm hợp tác, xây dựng đề xuất hợp tác mới trong khuôn khổ 3GF để phù hợp với những thay đổi về hợp tác, hướng tới TTX trên toàn thế giới.

Bộ trưởng Trần Hồng Hà đã thống nhất với Đại sứ Đan Mạch về việc phối hợp tổ chức và đồng chủ trì Hội nghị bàn tròn Diễn đàn 3GF, nhằm xây dựng mối quan hệ "Hợp tác vì các mục tiêu toàn cầu xanh", đồng thời góp phần thực hiện sáng kiến chuyển đổi 3GF toàn diện và hiệu quả. Theo Bộ trưởng, để tổ chức thành công Hội nghị, Việt Nam sẽ mời thêm các Bộ: Ngoại giao, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng tham dự.

Cũng tại buổi làm việc, Bộ trưởng đề xuất Đan Mạch xem xét, hỗ trợ Việt Nam tăng cường năng lực, kết nối với các đối tác tiềm năng trong 3GF để huy động nguồn lực thực hiện hiệu quả các dự án về TTX, tất cả vì các mục tiêu toàn cầu xanh.

**CHÍ VIỆN**

## ● Thành phố Hồ Chí Minh sẽ có Nhà máy đốt rác 520 triệu USD

Vừa qua, UBND TP. Hồ Chí Minh đã chấp thuận chủ trương xây dựng Nhà máy khí hóa chất thải bằng công nghệ plasma của Công ty Trisun Green Energy Corporation (Ôt-x-trây-li-a) với diện tích khoảng 13 ha tại Khu liên hợp xử lý chất thải Phước Hiệp (huyện Củ Chi). Theo đó, Nhà máy dùng hệ thống đèn đốt plasma, đưa nhiệt độ lên cao từ 3.000 - 7.000°C trong điều kiện thiếu ôxy để tạo năng lượng sét nhằm tiêu hủy các loại chất thải.

Về đơn giá xử lý rác, đối với chất thải rắn sinh hoạt là 20,628 USD/tấn do TP chi trả; đối với chất thải công nghiệp, nguy hại, y tế do nhà đầu tư trực tiếp đàm phán ký hợp đồng với các chủ nguồn thải theo quy định. Ngoài xử lý rác, Nhà máy sẽ chuyển hóa nhiệt năng thành điện năng và tái sử dụng vận hành, phần nhiệt dư sẽ được bán cho Tập đoàn Điện lực (EVN) với giá 10,05 cent/Kwh. Dự kiến thời gian hoàn thành Nhà máy trong vòng 33 tháng và thời gian vận hành là 50 năm.

**NGUYỄN HẰNG**





# Một số mô hình kinh tế xanh ở các quốc đảo trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam

LÊ XUÂN SINH

Viện Tài nguyên và Môi trường biển

Cộng đồng dân cư sống trên các đảo do tách biệt với đất liền, nên thường gặp nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế, y tế, giáo dục và các lợi ích xã hội khác. Ở nhiều đảo, các hoạt động kinh tế mang tính tự cấp, tự phát và thiếu các mô hình bền vững. Do vậy, cư dân trên nhiều đảo có mức sống, chất lượng cuộc sống thấp, hay gặp các rủi ro trong cuộc sống do thiên tai và bệnh tật. Đó là một trong những lý do quan trọng dẫn tới tình trạng cuộc sống không ổn định và di cư vào đất liền, hoặc nhiều đảo không thu hút được dân cư đến sinh sống.

Trong điều kiện như vậy, việc xây dựng mô hình kinh tế xanh (KTX) có ý nghĩa hết sức to lớn, đảm bảo phát triển bền vững dân cư và dân sinh - kinh tế trên các đảo, để cho mỗi đảo có dân là một pháo đài bảo vệ tổ quốc trên biển. Sau đây là một số mô hình KTX trên thế giới.

## MÔ HÌNH KTX Ở QUỐC ĐẢO BARBADOS

Sự phát triển KTX ở các đảo dành được sự quan tâm đặc biệt từ các Chính phủ, đặc biệt là các đảo quốc đang phát triển có diện tích nhỏ. Là một quốc đảo nhỏ nằm ở khu vực Caribbea, Barbados có một nền kinh tế khá phát triển với nền tảng là dịch vụ du lịch, nông nghiệp và ngư nghiệp. Mặc dù sở hữu hệ sinh thái (HST) biển với mức độ đa dạng sinh học (ĐDSH) cao, HST trên cạn của Barbados lại tương đối nghèo nàn. Đứng trước hàng loạt các mối đe dọa về môi trường, Barbados đã phát triển mô hình KTX phù hợp với điều kiện của đảo. Theo Chính phủ Barbados “KTX là sự đồng bộ hóa quá trình sản xuất, phân phối, tiêu thụ cho đến hệ thống xử lý chất thải... Xác định trọng tâm phản ánh tính dễ tổn thương của HST đảo nhỏ, làm cơ sở cho việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; hỗ trợ về chính sách, lựa chọn kinh doanh và đầu tư phù hợp; hướng tới phát triển con người và tạo thuận lợi cho Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu”. Định nghĩa này được coi là kim chỉ nam cho sự phát triển KTX ở Barbados. Các hoạt động nông, ngư nghiệp, du lịch, xây dựng... đều phát triển



▲ Barbados là một trong những nước thành công khi triển khai mô hình KTX

theo Chiến lược chung, được quy định chặt chẽ để hướng tới việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

## MỘT SỐ MÔ HÌNH KINH TẾ ĐƯỢC XÂY DỰNG THÀNH CÔNG Ở BARBADOS

Nông nghiệp được chuyển đổi từ mô hình canh tác truyền thống sang mô hình canh tác nông nghiệp hữu cơ. Nhà nước có những ưu đãi để hỗ trợ quá trình chuyển đổi từ đất hoang hóa thành đất trồng bông, sử dụng hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước, tiến hành cải tạo đất. Đồng thời, bảo lãnh phát hành chứng chỉ cho các trang trại đạt chuẩn canh tác nông nghiệp hữu cơ cũng như các chi phí khác như đầu tư làm nhà kính... Đặc biệt, trong ngành công nghiệp mía đường, để xanh hóa lĩnh vực này, Chính phủ đã tái cơ cấu lại ngành, cho phép sự cả khu vực nhà nước

và tư doanh cùng xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo, nghiên cứu, phát triển thị trường.

Bên cạnh đó, giải pháp tiết kiệm nước trong xử lý và chế biến hải sản được Chính phủ triển khai lắp đặt thiết bị theo dõi sử dụng nước tại các chợ cá khắp trên đảo. Đây là biện pháp quan trọng để thúc đẩy hiệu quả kinh tế bằng cách giảm chi phí đầu vào là phí sử dụng nước. Để phát triển công nghệ sạch trong lĩnh vực chế biến hải sản, một số phế phẩm của cá được sử dụng làm da và các sản phẩm có giá trị gia tăng khác như là phân bón và thức ăn chăn nuôi.

Đối với lĩnh vực xây dựng, Chính phủ có nhiều đề án ưu đãi tài chính để hỗ trợ các hộ gia đình lắp đặt hệ thống bình nóng lạnh bằng năng lượng mặt trời. Năm 2002, Quốc đảo này đã lắp đặt được 35.000 hệ thống bình nóng lạnh năng lượng mặt trời, tiết kiệm được



100 triệu USD và khoảng 15.000 tấn nhiên liệu hóa thạch. Chính phủ cũng triển khai một số dự án quang điện ở đảo. Hiện Quốc đảo đã có 250 kW điện từ năng lượng mặt trời và là một trong những nước vùng biển Caribbean sử dụng công nghệ điện mặt trời hiệu quả nhất.

Đối với du lịch xanh, đây được đánh giá là một trong những giải pháp then chốt đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia. Khai thác hiệu quả các điểm du lịch và sản phẩm thủ công, mỹ nghệ; phát triển các tuyến du lịch di sản mới như tuyến đường mòn mía đường, các di tích cách mạng, cảnh quan đường bờ biển đẹp và các khu bảo tồn biển mới được thiết lập. Hiện du lịch là ngành kinh tế quan trọng và đầy tiềm năng cho khu vực; một số nước như Palau và Cook Islands, du lịch chiếm 50% tổng sản phẩm nội địa (GDP).

### MÔ HÌNH KTX TẠI QUỐC ĐẢO KHU VỰC THÁI BÌNH DƯƠNG

Các quốc gia khu vực Thái Bình Dương là các đảo nhỏ nằm rải rác trên diện tích biển rộng lớn, tương ứng với khoảng 1/3 diện tích Trái đất, với dân số hơn 10 triệu người. Ở đây đã triển khai một số chính sách KTX trong các lĩnh vực then chốt như năng lượng, nông nghiệp, thủy sản và bảo tồn biển. Một số nước đã có bước đi ban đầu để tạo ra môi trường thích hợp cho phát triển KTX thông qua việc sử dụng cơ chế chính sách tài chính và cơ chế mới để kích thích quá trình chuyển đổi.

Một trong những giải pháp để xanh hóa ngành nông nghiệp, đó là cải thiện sản xuất, thông qua biện pháp sử dụng hiệu quả các nguồn đầu vào (nước tưới tiêu, năng lượng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) và phát triển các thiết bị bảo quản thực phẩm. Các biện pháp này góp phần giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm ô nhiễm môi trường. Để chuyển dịch sang nền nông nghiệp xanh, Chính phủ phải đổi mới

chính sách và đầu tư theo hướng khuyến khích thuế và tăng cường đầu tư cho hoạt động canh tác xanh. Điển hình như Hiệp hội Ca cao ở Vanuatu áp dụng phương thức canh tác hữu cơ vào trồng ca cao và sản phẩm này đã được xuất khẩu sang Pháp với giá thành cao gấp nhiều lần so với sản phẩm cùng loại canh tác bằng phương pháp thông thường.

Với thế mạnh, khai thác hải sản, nguồn cung cấp thực phẩm và sinh kế của nhiều cư dân sống trên các đảo, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có nhiều biện pháp để bảo vệ vốn tự nhiên này. Theo Ngân hàng thế giới, chi phí hàng năm cho khai thác quá mức hải sản tại 5 quốc đảo khu vực Thái Bình Dương vào khoảng 67 triệu USD (chi phí nhập khẩu protein ngang bằng với khai thác hiện nay). Giải pháp khả thi để xanh hóa ngành thủy sản là thiết lập các vùng hạn chế khai thác theo mùa hoặc theo hạn định. Chính phủ có cơ chế chính sách để khuyến khích các tổ chức, cá nhân liên quan sử dụng các thiết bị đánh bắt cá thân thiện với môi trường. Một số mô hình quản lý khai thác "xanh" ở cấp độ cộng đồng khuyến khích như các Hiệp hội Thủy sản. Hiệp hội tư vấn kinh

nghiệm, hỗ trợ công nghệ... để các hội viên tham gia vào quá trình vận động chính sách vùng cùng quản lý nguồn lợi cá ngừ. Bên cạnh đó, một số quốc gia khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản có quy hoạch để thúc đẩy an ninh lương thực và làm giảm sức ép vào khai thác nguồn lợi.

Mặt khác, các quốc gia Thái Bình Dương đưa ra các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng và phát triển các nguồn năng lượng mới, giảm phụ thuộc vào nguồn năng lượng hóa thạch nhập khẩu. Hơn nữa, việc mở rộng nguồn năng lượng tái tạo là cơ hội tạo thêm công ăn việc làm và ổn định nền kinh tế cho các nước. Nhiều hộ gia đình ở các quốc gia này sở hữu thiết bị làm nóng bằng năng lượng mặt trời. Chính phủ nhiều nước đưa ra chính sách mới khuyến khích phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo.

Là các quốc gia trên đảo, do vậy du lịch là ngành kinh tế quan trọng và đầy tiềm năng cho khu vực. Du lịch có tiềm năng lớn tạo ra lợi nhuận, công ăn việc làm và tạo cơ hội cho các ngành kinh tế khác phát triển. Tuy nhiên, du lịch phát triển cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên, môi trường và văn hóa bản



▲ Chính phủ quốc đảo Barbados dành nhiều ưu đãi tài chính hỗ trợ các hộ gia đình lắp đặt bình nóng lạnh bằng năng lượng mặt trời



địa. Do đó, mô hình sinh thái và du lịch dựa vào cộng đồng là giải pháp bền vững. Các mô hình này sử dụng sản phẩm địa phương, ưu tiên sử dụng năng lượng sạch và quản lý hiệu quả chất thải. Chính phủ các nước có thể khuyến khích loại hình du lịch này bằng một số công cụ chính sách và đầu tư, ưu đãi thuế, tín dụng cho các doanh nghiệp tư nhân đầu tư sản xuất hoặc mua sắm công nghệ sử dụng hiệu quả năng lượng và giảm chất thải ô nhiễm...

Từ những kinh nghiệm nêu trên cho thấy, một mô hình KTX phải đảm bảo sinh kế bền vững: tăng thu nhập, thu hút người lao động trong lục địa, khai thác tài nguyên hợp lý, ít ảnh hưởng đến môi trường, xây dựng phát triển được cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan... Hiện Việt Nam đã ban hành Chiến lược Quốc gia về TTX từ năm 2012 và Kế hoạch hành động quốc gia về Tăng trưởng xanh (TTX) giai đoạn 2014 - 2020, đây là căn cứ để các Bộ ngành triển khai kế hoạch hành động của mình. Trong định hướng “phát triển xanh lam” ở biển và đại dương có một số hướng mang tính chủ đạo được quốc tế khuyến cáo như: bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển, phát triển thị trường các bon, tăng cường quản lý đáy biển, thay đổi phương thức quản lý nghề cá và nuôi trồng hải sản ở các cấp trong khu vực và quốc gia; đồng thời bình đẳng, không bao cấp và khai thác bền vững, thích ứng với quá trình dâng cao mực nước biển và biến đổi khí hậu. Phát triển mô hình KTX ở các đảo là mô hình kinh tế hiện đại, được tổ chức trong một không gian thống nhất. Mục tiêu chung của quản lý không gian đảo và các xã đảo là tối ưu hóa lợi ích kinh tế - xã hội và chủ quyền thu được từ các đảo và quần đảo ■

## ● Xây dựng Nhà máy điện năng lượng mặt trời đầu tiên tại Thanh Hóa

Mới đây, UBND tỉnh Thanh Hóa đã chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện năng lượng mặt trời của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Hoàng Sơn tại xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc và yêu cầu Công ty Hoàng Sơn sớm hoàn thành hồ sơ, thủ tục đầu tư, xây dựng, BVMT theo đúng quy định.

Với vốn đầu tư khoảng 2.681 tỷ đồng, Nhà máy có công suất thiết kế là 90 MW, trên diện tích khoảng 1,5 triệu m<sup>2</sup>, bao gồm nhà điều hành, nhà xưởng kết hợp kho và các công trình kỹ thuật, phụ trợ khác. Nhà máy được xây dựng nhằm mục đích cung cấp điện năng, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện của doanh nghiệp, người dân trong tỉnh và các địa phương khác. Đồng thời, mang lại hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp, góp phần phát triển năng lượng sạch, giảm phát thải khí nhà kính để BVMT và chống biến đổi khí hậu. Dự kiến công trình được khởi công vào quý 1/2017, hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý 4/2019. AN VY

## ● Triển khai Dự án sản xuất lúa bền vững và giảm phát thải khí nhà kính

Vừa qua, tại Thái Bình, Bộ NN&PTNT đã phối hợp với UBND tỉnh Thái Bình, Tổ chức Phát triển Hà Lan tổ chức Hội thảo công bố Dự án sản xuất lúa bền vững và giảm phát thải khí nhà kính (KNK) Agresults tại Việt Nam, đồng thời phát động cuộc thi tìm kiếm ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào việc thâm canh lúa đạt hiệu quả cao, giảm tác động môi trường.

Mục tiêu của Dự án Agresults là thử nghiệm và nhân rộng các công nghệ, hoặc phương pháp

sáng tạo, nhằm giảm phát thải KNK trong quá trình canh tác và sản xuất lúa gạo, góp phần nâng cao sinh kế cho người dân. Cụ thể, Dự án sẽ hỗ trợ phát triển sinh kế cho khoảng 75.000 hộ nông dân tại Thái Bình và giảm 375.000 tấn CO<sub>2</sub>. Dự án có ý nghĩa quan trọng, nhất là trong quá trình tái cơ cấu ngành Nông nghiệp mục tiêu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đồng thời mở ra hướng đi mới phù hợp với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Thái Bình, nhằm tăng năng suất và bảo đảm phát triển bền vững.

THANH TUẤN

## ● Tăng cường hợp tác phát triển công nghệ năng lượng sạch Việt Nam - Hàn Quốc

Tại Hội thảo Giới thiệu công nghệ, sản phẩm ngành năng lượng Việt - Hàn 2017, các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tiếp cận tìm hiểu, hợp tác và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực năng lượng sạch với các doanh nghiệp Hàn Quốc, bao gồm máy phát điện năng lượng gió, thiết bị truyền tải sức gió, thiết bị biến tốc điều khiển thủy lực, hệ thống phát điện năng lượng mặt trời, bộ biến tần năng lượng mặt trời...

Trong giai đoạn 2010 - 2020, Chính phủ Việt Nam xác định, công nghệ sạch là chìa khóa để giảm phát thải khí nhà kính từ 8 - 10%, hướng tới mục tiêu đến năm 2050 sẽ tiếp tục giảm thêm 1,5 - 2%. Để đạt được mục tiêu đến năm 2020, 50% doanh nghiệp Việt Nam ứng dụng các công nghệ xanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo ước tính của Chương trình Công nghệ thích ứng với BĐKH (Ngân hàng Thế giới), từ nay đến năm 2025, thị trường công nghệ sạch của Việt Nam sẽ cần tổng vốn đầu tư lên tới 19 tỷ USD. CHÂU LOAN



# Tiềm năng và triển vọng du lịch sinh thái tại Việt Nam

PGS.TS. PHẠM TRUNG LƯƠNG

*Viện Môi trường và Phát triển bền vững*

**Một trong những loại hình du lịch đang ngày càng phát triển mạnh mẽ và thu hút du khách quốc tế và du khách trong nước - đó là loại hình du lịch sinh thái (DLST). DLST được xem như một giải pháp hữu hiệu để BVMT sinh thái hướng tới sự phát triển bền vững thông qua quá trình làm giảm sức ép khai thác nguồn lợi tự nhiên, phục vụ nhu cầu của du khách và người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động DLST.**



▲ Khu DLST Tràng An - Ninh Bình

## HƯỚNG TIẾP CẬN DLST

Thời gian qua, DLST ngày càng thu hút được sự quan tâm của khách du lịch, bởi đó là loại hình du lịch thiên nhiên có trách nhiệm, hỗ trợ cho các mục tiêu bảo tồn môi trường tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa, phát triển cộng đồng. Đồng thời, đem lại những nguồn lợi kinh tế to lớn, góp phần tích cực vào sự phát triển du lịch nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) nói chung.

Nhận thức được tầm quan trọng có tính toàn cầu của DLST đối với nỗ lực bảo tồn môi trường tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái (HST), đa dạng sinh học (ĐDSH), các giá trị văn hóa bản địa và đối với phát triển KT-XH trong bối cảnh môi trường tự nhiên, ĐDSH đã và đang chịu tác động của chính con người thông qua các hoạt động phát triển kinh tế và tác động ngày một khốc liệt của biến đổi khí hậu (BĐKH), Liên hợp quốc đã quyết định lấy năm 2002 là năm quốc tế về DLST.

Tại Việt Nam, DLST mới được nghiên cứu phát triển với tư cách là một loại hình du lịch từ giữa thập kỷ 90, song đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu về du lịch và môi trường cũng như các doanh nghiệp du lịch. Do trình độ nhận thức khác nhau, ở những góc nhìn khác nhau, tại thời điểm này, khái niệm về DLST cũng còn nhiều điểm chưa thống nhất.

Tuy nhiên, cùng với thời gian và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên thế giới (IUCN), nhận thức về DLST ở Việt Nam bước đầu đi đến thống nhất: “DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”. Du lịch là ngành kinh tế có định hướng tài nguyên một cách rõ rệt, nói cách khác, du lịch không thể phát triển nếu thiếu tài nguyên du lịch. Phát triển DLST cũng không phải là ngoại lệ.

Dựa trên khái niệm về DLST cũng như từ thực tiễn phát triển DLST ở nhiều nước trên thế giới và khu vực, tiềm năng tài nguyên chủ yếu cho phát triển DLST gồm các giá trị về cảnh quan sinh thái tiêu biểu, các giá trị ĐDSH, đặc biệt là các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm

được ghi trong Sách Đỏ thế giới và quốc gia; các giá trị văn hóa bản địa được hình thành và phát triển gắn liền với môi trường tự nhiên như tri thức bản địa về các phương thức canh tác, sản xuất, các lễ hội, sinh hoạt truyền thống gắn với các truyền thuyết tự nhiên... của cộng đồng địa phương. Ngoài ra, các HST nông nghiệp điển hình của hoạt động canh tác của người dân địa phương dựa trên tri thức bản địa như ruộng lúa nước bậc thang ở vùng núi, các miệt vườn cây ăn quả ở vùng sông nước... cũng thường được sử dụng để phát triển một số sản phẩm DLST.

Trong số các dạng tài nguyên DLST, ĐDSH có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mục đích chính của khách DLST là được trải nghiệm về sinh cảnh và các giá trị ĐDSH tại điểm đến. Sự phong phú, đa dạng của các loài sinh vật, đặc biệt là sự hiện diện của sinh vật quý



hiếm, đặc hữu có nguy cơ bị tuyệt chủng trong những sinh cảnh đặc thù sẽ tạo sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Điều này lý giải tại sao một số quốc gia ở châu Phi, Nam Mỹ như Kenya, Nam Phi, Côxta Rica, Braxin..., nơi còn bảo tồn được nhiều loài sinh vật trong các sinh cảnh HST nhiệt đới điển hình, luôn là điểm đến DLST hấp dẫn đối với du khách từ nhiều nơi trên thế giới.

## TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG DLST TẠI VIỆT NAM

Nằm trong miền khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, trải dài trên 15 vĩ độ với 3/4 diện tích là đồi núi, địa hình đa dạng, hơn 3.200 km đường bờ biển và vùng biển hơn 1 triệu km<sup>2</sup> nơi có tới gần 3.000 hòn đảo, Việt Nam có sự phong phú, đa dạng về các HST bao gồm 95 kiểu HST thuộc 7 dạng HST chính trên cạn; 39 kiểu HST đất ngập nước và 20 kiểu HST biển khác nhau. Sự phong phú, đa dạng của các HST chính là môi trường sống cho các loài sinh vật và để Việt Nam được biết đến như một trong 16 trung tâm ĐDSH lớn nhất thế giới, nơi có gần 14.000 loài thực vật, trong đó 12.000 loài thực vật bậc cao thuộc gần 3.000 chi và 398 họ; gần 19.000 loài động vật, trong đó có 275 loài thú, 828 loài chim, 180 loài bò sát, 80 loài ếch nhái; 2.470 loài cá; 400 loài san hô tạo rạn.

Hệ thực vật Việt Nam có mức độ đặc hữu cao với số loài đặc hữu chiếm khoảng 33% số loài thực vật ở miền Bắc và hơn 40% tổng số loài thực vật toàn quốc. Phần lớn số loài đặc hữu này tập trung ở bốn khu vực chính: vùng núi cao Hoàng Liên Sơn (phía Bắc), vùng núi cao Ngọc Linh (miền Trung), cao nguyên Lâm Viên (phía Nam) và vùng rừng mưa nhiệt đới (Bắc Trung bộ) với nhiều loài cây gỗ quý như gỗ đỏ, gụ mật, thông nước, hoàng đàn, bách xanh, pơmu... Năm 2014, các nhà thực vật học ghi dấu ấn với việc phát hiện loài thông năm lá rủ tại Sơn La.

Hệ động vật Việt Nam không những giàu về thành phần loài mà còn có nhiều nét độc đáo, đại diện cho vùng Đông Nam Á. Cũng như thực vật giới, động vật giới của Việt Nam có nhiều dạng đặc hữu, với hơn 100 loài và phân loài chim, 78 loài và phân loài thú là loài đặc hữu. Có rất nhiều loài động vật có giá trị thực tiễn cao và nhiều loài có ý nghĩa lớn về bảo vệ như: voi, tê giác Việt Nam, bò rừng,



▲ Đồng Tháp Mùa nước nổi

bò tót, trâu rừng, bò xám, nai cà tông... Riêng trong số 25 loài thú linh trưởng đã được ghi nhận ở Việt Nam có tới 16 loài đặc hữu, 3 phân loài chỉ phân bố ở Việt Nam và Lào, 2 phân loài chỉ có ở vùng rừng nhiệt đới ở Việt Nam - Campuchia. Sự giàu có về ĐDSH và tính độc đáo của Việt Nam thể hiện ở chỗ: 10% số loài thú, chim và cá của thế giới được tìm thấy ở đây, hơn 40% số loài thực vật thuộc loài đặc hữu không tìm thấy ở nơi khác (đặc hữu địa phương - loài bản địa).

Theo đánh giá của IUCN, khu hệ động vật Việt Nam giàu về thành phần loài và có mức độ đặc hữu cao so với các nước khác ở Đông Dương (có 15/21 loài linh trưởng, 7 loài và phân loài thú đặc hữu, 33/49 loài chim đặc hữu). Việt Nam còn là nơi có nhiều loài mới trên thế giới được phát hiện trong những năm gần đây như: sao la, mang lớn, mang Trường Sơn, bò sừng xoắn, mang Pù Hoạt, cây Tây Nguyên, cá lá giang...

Các giá trị về sinh thái nói chung, đặc biệt là ĐDSH tập trung chủ yếu ở hệ thống 9 Khu dự trữ sinh quyển đã được UNESCO công nhận,

34 Vườn quốc gia, 58 Khu dự trữ thiên nhiên, 14 Khu bảo tồn loài, sinh cảnh.

Cùng với sự đa dạng và đặc sắc của các HST, ĐDSH, các giá trị văn hóa bản địa tại những điểm đến có giá trị sinh thái cao cũng rất phong phú, đa dạng và đặc sắc như tri thức trồng lúa nước ruộng bậc thang với cách thức lấy nước từ dưới sông, suối lên ruộng bằng “cọn nước” ở địa hình núi cao phía Bắc; phương thức lên “líp” trồng cây ăn trái ở vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long...; các lễ hội dân gian của cộng đồng dân tộc thiểu số gắn với ước nguyện cầu mong mùa màng tươi tốt... Đây là tiềm năng tài nguyên to lớn, góp phần tạo lợi thế cạnh tranh để phát triển DLST ở Việt Nam.

Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của DLST, Chiến lược Phát triển Du lịch Việt Nam luôn xác định DLST là loại hình du lịch được ưu tiên phát triển. Định hướng này còn có ý nghĩa đặc biệt khi phát triển du lịch cũng đang hướng tới nền kinh tế xanh, góp phần tích cực vào phát triển bền vững và ứng phó với tác động của BĐKH ở Việt Nam ■



# Sinh thái nhân văn và phát triển bền vững

**PHAN THỊ ANH ĐÀO**

*Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và BDKH*

**LÊ TRỌNG CỨC, HOÀNG VĂN THẮNG**

*Viện TN&MT, Đại học Quốc gia Hà Nội*

**S**inh thái nhân văn là khoa học nghiên cứu quan hệ giữa con người với môi trường thiên nhiên ở mức độ hệ thống, bao gồm hệ xã hội và hệ tự nhiên (hệ sinh thái). Sinh thái nhân văn không chỉ mở rộng khái niệm sinh thái học mà trở thành giao điểm hội tụ tư tưởng của nhiều ngành khoa học khác nhau. Sự hội tụ đó thể hiện tính hệ thống toàn vẹn bằng nghiên cứu các mối tương tác giữa các thành phần của hệ thống xã hội và hệ tự nhiên, trang bị cho nó vũ khí để có thể đương đầu được với các vấn đề môi trường ngày càng gia tăng và các hệ thống tự nhiên - xã hội luôn luôn thay đổi.

Giá trị của sinh thái nhân văn là giúp cho con người thấy được những mối quan hệ không được thừa nhận trước kia giữa con người và môi trường; đồng thời cũng giúp cho con người nhận thức sâu sắc về vị trí của con người trong thế giới và suy nghĩ của con người về môi trường. Sinh thái nhân văn đã được áp dụng vào những nghiên cứu ở Việt Nam từ những năm 1989 trong nhiều lĩnh vực.

## **HỆ SINH THÁI NHÂN VĂN NÔNG NGHIỆP**

Hệ sinh thái nông nghiệp (HSTNN) là hệ sinh thái nhân văn điển hình. Các HSTNN không tự ổn định mà đòi hỏi sự hỗ trợ đầu vào của con người làm cho chúng khác với các hệ sinh thái tự nhiên là do con người tự thiết kế, trong đó có HSTNN truyền thống và HSTNN hiện đại. HSTNN truyền thống tương đồng với hệ sinh thái tự nhiên, xen canh rất nhiều loài cây trên cùng một cánh đồng, giống như hệ sinh thái tự nhiên. HSTNN hiện đại cần nhiều đầu vào như máy móc nông nghiệp, phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thủy lợi, giống cây trồng, vật nuôi cao sản, sản phẩm đầu ra lớn, bao gồm các chất thải. Hiện nay, nông nghiệp hiện đại đang có xu hướng tập trung vào nông nghiệp hữu cơ hay còn gọi là nông nghiệp bền vững. Nông nghiệp bền vững là không làm đất suy thoái nhanh hơn

quá trình hình thành của nó, người nông dân không làm giảm số lượng đất tốt, nước sạch và đa dạng các gen quý trong việc sản xuất lâu dài cây trồng và vật nuôi trong tương lai. Nông nghiệp bền vững là nền nông nghiệp đầu vào thấp, sử dụng ít hơn các thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học, hoóc môn sinh trưởng, nước, năng lượng hóa thạch so với nông nghiệp, công nghiệp hiện nay. Nông nghiệp hữu cơ đang lựa chọn các phương pháp canh tác truyền thống, sử dụng phân hữu cơ và các phương pháp kiểm tra sâu bệnh thân thiện với môi trường. HSTNN hữu cơ không phụ thuộc vào hóa chất đầu vào và hạn chế gây ô nhiễm các hệ sinh thái xung quanh.

## **TRI THỨC BẢN ĐỊA**

Tri thức bản địa hay còn gọi là tri thức địa phương là hệ thống tri thức của các cộng đồng cư dân bản địa ở quy mô, lãnh thổ khác nhau. Tri thức bản địa được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử với môi trường và xã hội, đã được định hình dưới nhiều dạng thức, được truyền từ đời này sang đời khác qua trí nhớ, thực tiễn sản xuất và thực hành xã hội. Nó hướng đến việc hướng dẫn và điều hòa các quan hệ xã hội, quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

Tri thức bản địa chứa đựng trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống xã hội như sản xuất lương thực, thực phẩm, chăn nuôi gia súc, gia cầm; thu hái và sử dụng cây thuốc; bảo vệ rừng và các

nguồn sông suối trong quản lý tài nguyên thiên nhiên... Tri thức bản địa là công cụ hữu hiệu điều chỉnh hành vi của con người đối với thiên nhiên, cụ thể như người Cơ Tu đã biểu hiện sự thích ứng cao trong việc sử dụng đất thể hiện qua việc tích lũy kinh nghiệm phân chia nhóm đất, bố trí hệ thống cơ cấu cây trồng cũng như việc quản lý theo luật tục. Văn hóa và tri thức bản địa đóng vai trò quan trọng trong việc xác định vấn đề, hạn chế các ảnh hưởng đến hệ sinh thái, là nguồn thông tin có giá trị lâu dài, góp phần vào thành công của các dự án phát triển, trên cơ sở dựa vào cộng đồng và đạt mục tiêu phát triển bền vững.

## **MỘT SỐ VẤN ĐỀ SINH THÁI NHÂN VĂN KHÁC**

Quá trình tiến hóa của xã hội loài người song hành với dân số ngày càng tăng là sự tổ chức, phân công lao động và tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Khoa học kỹ thuật là phương thức nòng cốt thể hiện về mặt chất lượng, quy mô sản xuất của con người và cũng là quy mô tác động của các hoạt động xã hội lên tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Một số vấn đề sinh thái nhân văn nổi bật ở Việt Nam đã được tiến hành nghiên cứu về các phương diện như dân số, ô nhiễm, đô thị hóa, quản lý tài nguyên, quản lý chất thải, khai thác quá mức và không hợp lý tài nguyên thiên nhiên cũng đã được một số nhà khoa học quan tâm xem xét.



▲ HSTNN là hệ sinh thái nhân văn điển hình

Hệ sinh thái nhân văn đô thị là hệ sinh thái nhân văn điển hình, hầu như do con người thiết kế toàn bộ, là trung tâm giáo dục, tôn giáo, thương mại, thông tin và chính trị với đại đa số dân số phi nông nghiệp. Các TP lớn cả ở các nước phát triển và đang phát triển đều có những thách thức như nhau đó là những nhu cầu đáp ứng lương thực, nước uống, nhà cửa, việc làm và các dịch vụ cơ bản khác; giao thông đô thị, ô nhiễm môi trường đô thị. Các vùng đô thị rõ ràng là vũ đài cơ bản về mối tác động qua lại giữa con người và thiên nhiên, TP là nơi tập trung dân cư và lực lượng sản xuất chủ yếu, là nguyên nhân ô nhiễm và phá hoại môi trường. Vì thế, vấn đề môi trường đóng vai trò vô cùng quan trọng, cần phải có những ứng xử hợp lý với môi trường, thiên nhiên.

**Bảo tồn và phát triển:** Đa dạng sinh học hỗ trợ kinh tế, xã hội và sự thịnh vượng của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, giá trị của vô số lợi ích này thường bị bỏ qua hay chưa hiểu một cách đúng mức. Chúng hiếm khi được cân nhắc qua kinh tế thị trường. Đa dạng sinh học là sản phẩm của một quá trình tiến hóa lâu dài, trong đó, mỗi loài đã tích lũy cho mình những gen chống chịu được bệnh tật, thích nghi được với các điều kiện sinh thái đặc thù. Mỗi loài có một vai trò nhất định trong hệ sinh thái, là một mắt xích khép kín trong chu trình vật chất của hệ. Mất đi một loài là làm giảm đi độ bền vững của hệ. Vì vậy, đa dạng sinh học cần được bảo tồn bằng một loạt các biện pháp nhằm đảm bảo sự an toàn cho các

loài, gen và hệ sinh thái. Bảo tồn đa dạng sinh học đòi hỏi sự hợp tác của nhiều quốc gia, nhà khoa học từ nhiều lĩnh vực khác nhau như các nhà hoạch định chính sách, kinh tế, quản lý tài nguyên, giáo dục, các cộng đồng dân tộc... để đề xuất và phát triển các mô hình thực tế bảo tồn đa dạng sinh học.

**Đa dạng sinh học nông nghiệp** là một bộ phận của đa dạng sinh học và là sản phẩm tương tác của cả hệ thống tự nhiên và hệ thống xã hội trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã và đang cung cấp trực tiếp và gián tiếp nguồn tài nguyên di truyền sinh vật, tri thức cho thế hệ hôm nay và mai sau của xã hội loài người. Mức độ đa dạng sinh học trong nông nghiệp đã có dấu hiệu bị suy giảm nghiêm trọng do các nguyên nhân kinh tế - xã hội, nguyên nhân sinh học và nguyên nhân về chính sách thể chế. Hàng loạt các vật nuôi cây trồng bản địa đã biến mất khỏi hệ thống canh tác truyền thống.

Các dân tộc thiểu số của Việt Nam sở hữu kinh nghiệm về cây thuốc và sử dụng gia truyền đối với nhiều cây thuốc. Trong phạm vi gia đình, các hộ dân miền núi hầu hết đều có thể sử dụng từ vài chục đến vài trăm loại cây thuốc sẵn có trong khu vực để chữa các bệnh thông thường như đau đầu, tiêu chảy, đứt chân tay, sốt... Trong phạm vi cộng đồng miền núi, có 3 - 5 người có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc phong phú, chữa được các bệnh khó hơn cho cộng đồng. Các cây thuốc thường được khai thác một cách bền vững, nguồn lợi thu được thuộc về cộng đồng. Cây thuốc còn có thể được trồng hoặc khai thác từ tự nhiên để bán như một hàng hóa. Do vậy, cần có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức, đặc biệt là cộng đồng để bảo tồn, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này.

**Biến đổi khí hậu (BĐKH)** đã và đang là những thách thức đối với sự tồn tại và phát triển ở Việt Nam. Hiện tượng BĐKH được biểu hiện



ở chiều hướng tăng của nhiệt độ, thay đổi chế độ mưa và lượng mưa, chế độ gió, lũ quét và trượt lở đất xảy ra cực mạnh ở nhiều nơi thuộc miền núi phía Bắc và miền Trung; hạn hán xảy ra hàng năm ở hầu khắp các khu vực miền núi (đặc biệt ở Tây Nguyên)... Thiên tai và cực đoan theo chiều hướng mạnh lên cùng với nguy cơ làm tăng các thảm họa thiên nhiên và tác động tiêu cực đến mọi lĩnh vực liên quan đến đời sống và sinh kế của đồng bào các dân tộc (sức khỏe, an ninh lương thực, công nghiệp, dịch vụ, du lịch...) cũng được nghiên cứu trong lĩnh vực sinh thái nhân văn. Thực tiễn cho thấy, sự gắn kết vấn đề BVMT với phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) nhất là xóa đói giảm nghèo ở vùng miền núi Việt Nam là cực kỳ quan trọng và cần phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ góp phần làm giảm nhẹ, phòng chống và thích ứng với BĐKH.

Phát triển bền vững là sự phát triển mà trong đó các giá trị kinh tế, xã hội và môi trường luôn luôn tương tác với nhau trong suốt quá trình quy hoạch, phân bổ lợi nhuận công bằng giữa các tầng lớp trong xã hội và khẳng định các cơ hội cho sự phát triển, duy trì một cách liên tục cho các thế hệ mai sau với những đặc điểm: Kinh tế trong phát triển bền vững là một nền kinh tế tăng trưởng liên tục không gây ra suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân tạo do biết vận dụng kỹ thuật và sự khôn khéo của con người, đồng thời không gây ra ô nhiễm môi trường; Sự công bằng trong phát triển bền vững được đặc trưng bởi sự phân phối quyền lợi và các cơ hội một cách công bằng giữa các tầng lớp xã hội, bình đẳng về giới, công bằng giữa các thế hệ; Môi trường trong phát triển bền vững đòi hỏi không chỉ cho xã hội loài người mà còn cho tất cả các hệ thống sinh vật trên Trái đất.

Quản lý tổng hợp các hệ thống sinh thái thừa nhận con người và nơi sống của con người như là thành phần trong mối tương tác của hệ thống sinh thái nhân văn. Quản lý hệ sinh thái nhân văn kết hợp các giá trị xã hội - con người vào các chính sách quản lý và chiến lược với truyền thống ưu thế bởi giá trị kinh tế

và giá trị môi trường. Để đạt được sự bền vững cần có các chính sách quản lý tài nguyên và thực hiện các chiến lược tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và BVMT qua các thế hệ. Quản lý hệ sinh thái nhân văn tổng hợp đòi hỏi phải đáp ứng các tiêu chí này. Về các nguyên tắc cơ bản, quản lý hệ sinh thái nhân văn bền vững bao gồm quy hoạch và quản lý không gian và thời gian của môi trường, con người, các vùng rừng đầu nguồn và các lưu vực sông, kết hợp giữa đất đai công cộng và tư nhân. Tính bền vững đòi hỏi quy hoạch mở rộng thông qua biểu thời gian giữa các thế hệ. Các khái niệm và phương pháp quy hoạch giữa các thế hệ bằng các biểu thời gian không phải là lựa chọn của các nhà sinh thái học mà thường các nhà kinh tế chú ý nhiều hơn. Mặt khác, đánh giá sinh thái về sự thay đổi cảnh quan thường kéo dài hàng thế kỷ.

Sinh thái nhân văn là khoa học kết hợp giữa con người và thiên nhiên. Nhiệm vụ của nghiên cứu sinh thái nhân văn là làm cho mọi người hiểu được rằng mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên mà nhiều nền văn hóa, tôn giáo trên thế giới đã nhận thức được. Đó là giá trị đạo đức và nghĩa vụ tôn trọng thiên nhiên, quan tâm đến người khác, biết chia sẻ công bằng phúc lợi và chi phí trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, BVMT giữa các cộng đồng, giữa người nghèo với người giàu, giữa thế hệ chúng ta với thế hệ mai sau.

Một trong những vấn đề liên quan đến phát triển bền vững là môi trường công nghiệp và BĐKH. Các khu công nghiệp đã cho thấy một hệ thống sinh thái nhân văn với những đặc điểm đặc trưng của sự chuyển dịch cường độ cao các dòng năng lượng vật chất, trong đó có chất ô nhiễm. Nhiều vụ việc xảy ra như ô nhiễm các khu công nghiệp, dòng sông, lưu vực, vùng bờ biển càng nêu lên nhu cầu cấp bách của việc nghiên cứu mang tính hệ thống của các hệ sinh thái nhân văn công nghiệp này, để có thể đưa ra những đề xuất, giải pháp cho phát triển bền vững. Bên cạnh đó, BĐKH, nước biển dâng đã và sẽ dẫn tới sự thay đổi thành phần, cấu trúc của hệ thống tự nhiên, từ đó dẫn đến sự thay đổi của dòng năng lượng vật chất thông tin giữa hệ tự nhiên và hệ thống xã hội. BĐKH, nước biển dâng và các tác động của chúng gây áp lực lên các mục tiêu phát triển bền vững. Do vậy, hệ sinh thái nhân văn cần có những thay đổi, thích nghi, ứng phó hợp lý với BĐKH và nước biển dâng.

Như vậy, sinh thái nhân văn ở Việt Nam đã được ứng dụng rộng rãi, trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu về hệ thống tự nhiên, môi trường và xã hội, đặc biệt đối với hệ sinh thái nhân văn nông nghiệp, hệ sinh thái nhân văn ở vùng đồng bằng, trung du, miền núi Việt Nam. Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh thêm hướng nghiên cứu liên quan tới hệ sinh thái nhân văn đô thị, hệ sinh thái nhân văn công nghiệp và các vấn đề liên quan đến BĐKH và nước biển dâng để đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững. ■





HỘI PHỤ NỮ QUẢNG BÌNH:

# Phát huy hiệu quả các phong trào bảo vệ môi trường

Tiếp nối truyền thống vẻ vang của các thế hệ phụ nữ trên quê hương “Hai giới”, trong những năm qua, Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Quảng Bình đã có nhiều đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và các phong trào BVMT nói riêng. Với nhiều mô hình, sáng kiến BVMT, Hội LHPN Quảng Bình đã góp phần làm cho quê hương ngày càng Xanh - Sạch - Đẹp.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của người phụ nữ trong mỗi gia đình cũng như đối với cộng đồng, xã hội, từ năm 2015, Hội LHPN tỉnh đã phát động phong trào “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, với các tiêu chí như không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ... Để triển khai thực hiện phong trào, Hội đã chủ động xây dựng kế hoạch, khảo sát thực trạng tại cơ sở và phát động cán bộ, hội viên phụ nữ đăng ký thực hiện. Hiện đã có gần 120.000 gia đình hội viên đăng ký tham gia phong trào.

Để giúp các hội viên thoát nghèo, Hội đã cho các hội viên vay vốn phát triển kinh tế và tổ chức những buổi tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, phổ biến những mô hình phát triển kinh tế thân thiện với môi trường như trồng hoa, rau sạch, cây dược liệu... Mặt khác, Hội tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các hội viên về tác động ô nhiễm từ môi trường đến cuộc sống con người; Đồng thời, khuyến khích các hội viên sử dụng phân bón vi sinh, sản phẩm thân thiện với môi trường, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và lên án những hành vi vi phạm pháp luật BVMT như xả rác, nước thải ra môi trường... Trong năm qua, toàn tỉnh đã xây dựng được 197 tổ thu gom rác thải ở các địa phương và nhân rộng 1.463 mô hình “Đoạn đường phụ nữ tự quản”.

Bên cạnh đó, Hội cũng vận động các hội viên tham gia mô hình “Hạn chế sử dụng túi ni lông, BVMT”. Mô hình được thực hiện thí điểm tại thôn Tây Phú, xã Quang Phú, TP. Đồng Hới, với 120 hội viên tham gia. Ban đầu, các thành viên trong Hội đã đi đến từng hộ gia đình để phổ biến những thông tin về tác hại của túi ni lông đến môi trường và sức khỏe con người. Đồng thời, Hội tổ chức quyên góp để mua các làn nhựa phát cho từng hộ gia đình. Hội



▲ Hội viên Hội LHPN Quảng Bình tham gia diễu hành, phát động “Tháng hành động vì môi trường” tại TP. Đồng Hới

cũng tổ chức thi đua giữa các chi hội, bình xét biểu dương, khen thưởng cuối năm cho những chi hội, hội viên tích cực. Đến nay, mô hình đã được nhân rộng ra 5 chi hội phụ nữ trên toàn tỉnh, với 655 hội viên tham gia. Từ những thay đổi nhỏ trong thói quen sinh hoạt hàng ngày, các hội viên phụ nữ tỉnh Quảng Bình đã và đang góp phần làm đẹp cảnh quan đô thị địa phương và có những đóng góp tích cực trong việc xây dựng và hình thành ý thức tự giác BVMT trên tinh thần hành động nhỏ nhưng ý nghĩa lớn.

Hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2016, Hội LHPN tỉnh đã phối hợp với Sở TN&MT tổ chức Hội thi “Tuyên truyền viên giỏi về BVMT”. Hội thi thu hút sự tham gia của 8 đội gồm 40 thí sinh đến từ Hội LHPN các huyện, thị xã, TP. Hội thi là diễn đàn để các tuyên truyền viên trong tỉnh giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm về kỹ năng, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

về BVMT tại cộng đồng; đồng thời, nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi của các tầng lớp nhân dân nói chung và cán bộ, hội viên phụ nữ nói riêng trong BVMT. Ngoài ra, Hội còn tổ chức các buổi ra quân vệ sinh môi trường trong các ngày kỷ niệm như: Tuần lễ quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường, Ngày Đa dạng sinh học, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn... Tham gia các phong trào này, đã có 1.250 hội viên phụ nữ tham gia vệ sinh môi trường, khơi thông các cống rãnh, mương thoát nước và trồng hàng nghìn cây xanh các loại.

Trong thời gian tới, Hội LHPN tỉnh Quảng Bình sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền giáo dục cho các hội viên thực hiện, chính sách pháp luật về BVMT, sử dụng hợp lý tài nguyên, thiên nhiên; Tăng cường vai trò của các cấp Hội và hội viên trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT; Khuyến khích khen thưởng các hội viên có sáng kiến BVMT...

**NGUYỄN THỊ THÚY**



# Trải nghiệm du lịch sinh thái tại quê hương xứ Dừa

LÊ ANH TÚ

Tổng cục Du lịch

**Bến Tre là một trong 13 tỉnh, thành thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), có diện tích khoảng 2.360 km<sup>2</sup> với hơn 1,3 triệu dân sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp, được biết đến như là quê hương xứ dừa, vương quốc hoa kiểng, trái cây. Bến Tre không chỉ có điều kiện để phát triển du lịch sinh thái mà còn thuận tiện cho du khách lưu lại và trải nghiệm với xứ sở sông nước miệt vườn cùng người dân mộc mạc, hiền hòa, hiếu khách.**



▲ Với cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, Bến Tre có điều kiện để phát triển du lịch sinh thái

Được sự bồi đắp của 4 nhánh sông: Tiền, Ba Lai, Hàm Luông và Cổ Chiên thuộc hệ thống sông Mê Công với kênh rạch chằng chịt đổ ra biển Đông (65 km bờ biển) hình thành 3 vùng sinh thái tự nhiên mặn, lợ và ngọt, tạo nên những cảnh quan đa dạng, độc đáo và hấp dẫn. Tiềm năng du lịch mang đậm nét văn hóa miệt vườn Nam Bộ với rừng dừa (63 nghìn ha cho hơn 5 triệu trái dừa/năm) bao phủ; vườn cây ăn trái xum xuê (hơn 33 nghìn ha), vườn hoa kiểng rực rỡ sắc màu, các loại cây giống nổi tiếng.

Những cù lao màu mỡ, cây trái xanh tươi quanh năm, khí hậu trong lành như cồn Phụng, cồn Ốc, cồn Quy, sân chim Vàm Hồ; hệ rừng ngập mặn có đước, mắm, chà là, bần ở các huyện ven biển như: Ba Tri, Thạnh Phú, Bình Đại... cũng là nét đẹp rất đặc trưng của tỉnh Bến Tre. Đặc biệt, với hơn 20 làng sản xuất cây giống, hoa kiểng tại Chợ Lách và Mỏ Cày Bắc; trên 30 làng nghề tiểu thủ công nghiệp đặc trưng như bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc, làng chế biến kẹo dừa, thạch dừa, thực phẩm, mỹ phẩm chế biến từ dừa, sản phẩm lưu niệm làm từ dừa... là những điểm đến phong phú, hấp dẫn du khách tham quan và mua sắm.

Ngoài khí hậu ôn hòa, cảnh quan thiên nhiên sông nước hoang sơ kết hợp ẩm thực xứ dừa độc đáo như cơm nấu trong trái dừa, tép rang nước cốt dừa, bí hầm dừa..., tạo nên ưu thế và sức hút cho du lịch xứ dừa. Có thể khẳng

định, Bến Tre là một trong số ít các tỉnh miền Tây Nam bộ có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái.

Hoạt động du lịch sinh thái Bến Tre ngày càng thu hút du khách trong và ngoài nước. Các khu, điểm du lịch, làng nghề, nhà hàng - khách sạn đã và đang tăng về số và chất lượng. Theo số liệu, năm 2010, Bến Tre có 45 điểm du lịch thì năm 2015 đã phát triển lên 65 điểm đón tiếp, đảm bảo phục vụ tốt cho du khách.

Trong thời gian qua, Bến Tre rất chú ý phát triển và BVMT du lịch bền vững, củng cố các điểm du lịch trải nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn (tát mương, bắt cá, làm nông dân xứ dừa, nghề nhân ghép cây giống và hoa kiểng, sơ chế trái dừa, trồng rau, làm ruộng...). Đồng thời, kết hợp trải nghiệm chèo xuồng hay du ngoạn bằng xe ngựa, đạp xe ngắm cảnh làng quê xứ dừa và tiếp xúc với người dân địa phương thân thiện, hiếu khách. Bên cạnh đó, tỉnh còn phối hợp, triển

khai không gian du lịch cụm duyên hải phía Đông ĐBSCL: Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh và Long An lấy hệ thống sông rạch làm nền tảng cho du lịch sông nước miệt vườn, tham quan làng nghề truyền thống, di tích lịch sử, văn hóa dân tộc kết hợp văn hóa Khmer và các khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn, dựa trên tài nguyên, điều kiện tiếp cận và tính độc đáo, riêng biệt của từng tỉnh.

Nhìn chung, du lịch sinh thái của tỉnh Bến Tre có sự tăng trưởng tốt và toàn diện từ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, cơ sở lưu trú, các điểm du lịch sinh thái đến số lượng du khách tham quan, nghỉ dưỡng. Với điều kiện tự nhiên và xã hội phong phú, giao thông thủy, bộ thuận lợi, những giá trị văn hóa nổi bật, Bến Tre sẽ phát triển du lịch sinh thái nhanh và bền vững, đưa du lịch xứ dừa trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp thiết thực vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. ■



# Điều kỳ diệu trên cao nguyên đá

TS. LÊ TRẦN CHẤN

*Trung tâm Đa dạng và An toàn sinh học*

Thài Phìn Tùng là xã nằm trên sườn và thung lũng cao nguyên đá vôi thuộc huyện biên giới cực bắc Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Thài Phìn Tùng tiếng Mông là “nhà trên hồ nước”. Vào mùa mưa, khi liên tiếp có những cơn mưa, nước mưa chảy tràn trên bề mặt, nhưng sau đấy nhanh chóng bị hút vào lòng đất (các hố kar - xtơ). Cư dân Thài Phìn Tùng hầu hết là người Mông. Do nước không được giữ lại nên vào mùa khô, Thài Phìn Tùng rơi vào tình trạng thiếu nước trầm trọng.

Đặt chân đến Thài Phìn Tùng, đập vào mắt tôi là bốn bề chỉ có đá và đá, tiếp đến là hình ảnh những cụ già (chủ yếu là phụ nữ) 60 - 70 tuổi và những thiếu niên khoảng 10 - 15 tuổi trên vai trĩu nặng gùi đựng can nước, có thể là 5 - 10 l, được lấy từ thị trấn Đồng Văn (xa hơn 10 km) để phục vụ sinh hoạt hàng ngày của gia đình.

Tôi đến Thài Phìn Tùng vào lúc cao điểm thiếu nước, nhà trường phải cho học sinh nghỉ học giúp gia đình đi lấy nước. Không chỉ thiếu nước mà Thài Phìn Tùng còn thiếu cả đất. Vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX, Thài Phìn Tùng là địa phương duy nhất trong cả nước không trồng được lúa. Người dân hầu như quanh năm ăn ngô xay.

Thài Phìn Tùng thiếu nước không chỉ do hiện tượng kar-xtơ, mà một nguyên nhân quan trọng, đó là ở đây có rất ít rừng. Diện tích tự nhiên toàn xã hơn 3.000 ha nhưng chỉ có 9 ha rừng, còn lại hầu hết là núi đá trọc hoặc trắng cây bụi, trắng cỏ. Theo nhiều người dân ở Thài Phìn Tùng, nơi đây đã từng có rừng với nhiều loài cây gỗ lớn, quý hiếm như nghiến, trai. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, đến năm 1999, Thài Phìn Tùng hầu như không còn rừng.

Mặc dù vậy, trong quá trình đi khảo sát, tôi đã phát hiện ở Thài Phìn Tùng có thông đỏ bắc mà vào thời điểm năm 1999, hầu như chỉ có ở Hang Kia - Pà Cò (thuộc huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình). Ngoài ra, còn phát hiện được dẻ tùng sọc nâu, là loài đặc hữu hẹp, lần đầu tiên phát hiện được ở Lũng Cú (huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang), Thài Phìn Tùng là địa điểm thứ hai phát hiện được loài này. Đặc biệt, còn phát hiện được hoàng đàn rù, là loài đã tuyệt chủng trong tự nhiên, hiện trồng ở một số gia đình.



▲ Cây đỉnh tùng ở Thài Phìn Tùng, loài thực vật quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam

Riêng thông tre lá ngắn thì có đến vài chục cá thể. Cả 4 loài này đều có trong Sách đỏ Việt Nam (1996).

Từ những phát hiện ban đầu, tôi luôn trăn trở, có thể ở Thài Phìn Tùng nhiều nguồn gen thực vật quý hiếm còn chưa được phát hiện. Nhưng làm thế nào để có thể quay lại Thài Phìn Tùng nếu như không có để tài, kinh phí. Vượt qua quãng đường hàng 1.000 km thật không hề đơn giản.

Nhưng sau đợt công tác ở Thài Phìn Tùng, Báo Quân đội nhân dân đã đăng bài “Thài Phìn Tùng - Những điều còn ít được biết đến”, trong đó nhấn mạnh, mặc dù cuộc sống của người dân Thài Phìn Tùng còn nhiều khó khăn, vì là xã nghèo nhất trong số 17 xã của huyện Đồng Văn, nhưng lại đang lưu giữ một số nguồn gen quý hiếm trên núi đá vôi. Do đó, Quỹ Môi trường toàn cầu - Chương trình tài trợ các dự án nhỏ (GEF SGP) đã hỗ trợ xã Thài Phìn Tùng thực hiện Dự án “Bảo tồn và phát triển nguồn gen quý hiếm, bảo vệ đa dạng sinh học ở xã Thài Phìn Tùng, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang”. Sau 3 năm thực hiện (2003 - 2006), Dự án đã phát hiện thêm 10 loài thực vật

quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định số 32 của Chính phủ, bao gồm: Thông 5 lá Pà Cò, thiết sam giả lá ngắn, thiết sam núi đá, du sam đá vôi, mã hồ, bầy lá một hoa, hà thủ ô đỏ, trai lý, bạch huệ núi, đỉnh tùng. Sau đó, GEF SGP tiếp tục tài trợ giai đoạn 2 để tiến hành xây dựng vườn ươm, tạo cây giống bằng phương pháp giâm cành, đem lại màu xanh trên vùng núi đá của xã Thài Phìn Tùng bằng chính nguồn gen quý hiếm của địa phương.

Sau 6 năm quay trở lại Thài Phìn Tùng, tôi đã hoàn toàn bất ngờ khi đứng trước những cây hoàng đàn rù, thông tre lá ngắn cao đến 4 m, đường kính 10 cm. Thông đỏ tuy mọc chậm nhưng cũng tràn đầy sức sống với cành lá xum xuê. Ngoài sự tăng trưởng nhanh, tỉ lệ sống cũng đạt tới 70%.

Nhớ lại hơn 10 năm về trước, khi giao cây từ vườn ươm cho các hộ đem đi trồng, tôi thực sự lo lắng không biết liệu những mầm xanh non nớt này có đủ sức chống chịu với thiên nhiên vô cùng khắc nghiệt. Như hiểu được nỗi lòng của các nhà khoa học, người dân, điều kỳ diệu trên cao nguyên đá không chỉ là mơ ước mà đã trở thành hiện thực. ■



# Bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ



▲ Du khách sẽ có thêm nhiều cơ hội trải nghiệm các loại hình du lịch sinh thái tại RNM Cần Giờ

Rừng ngập mặn (RNM) Cần Giờ là một quần thể gồm các loài động, thực vật rừng trên cạn và thủy sinh, được hình thành ở hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn nằm ở cửa ngõ Đông Nam TP. Hồ Chí Minh, có diện tích 75.740 ha, trong đó vùng lõi 4.721ha, vùng đệm 41.139 ha và vùng chuyển tiếp 29.880 ha. Với hệ động thực vật đa dạng, độc đáo, đặc trưng, RNM Cần Giờ đóng vai trò quan trọng trong phòng chống thiên tai, là lá phổi xanh điều hòa thời tiết và cũng là nơi cung cấp nhiều loài thủy hải sản quý giá của khu vực Tây Nam bộ, đồng thời được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển của thế giới.

Trước đây, RNM Cần Giờ rộng mênh mông, còn có tên là rừng Sác (do người Nam bộ gọi cây mắm là cây sác). Đây là loài cây ngập mặn sống cùng với các loại cây khác như: sú, vẹt, đước, ô rô, chà là tạo thành một tập đoàn cây ngập mặn. Tập đoàn cây tiên phong lấn biển này thích hợp với những vùng bùn lợng chưa ổn định ở các bãi bồi cửa sông ven biển. Cây mắm, cây đước đi trước. Khi đất bùn được cố định, nước nhạt dần, cây dừa nước phát triển sau cùng trong đoàn quân lấn biển.

Những năm 1962 - 1971, Mỹ tàn phá rừng Sác bằng cách rải chất diệt cỏ, cộng với nạn phá rừng bừa bãi nên các cánh rừng bị hủy diệt hoàn toàn biến nhiều vùng thành các bãi hoang, trắng trống, cây lùm bụi. Các loại động vật rừng ngập mặn như chim, tôm, cá cũng biến mất. Năm 1985, nhân dân Cần Giờ và bộ đội quyết tâm trồng lại rừng. Hàng chục ha rừng Sác hồi sinh. Có đến 60 loài thực vật xuất hiện trở lại, nhiều nhất là cây đước. Hàng chục loài chim nước bay về trú chân, trong đó có bồ nông, cò quắm, sếu, diệc, hồng hộc, le le.

Sau 30 năm khôi phục, rừng Sác giờ đây được gọi là RNM Cần Giờ đã phục hồi được trên 30.491ha rừng, khu đất hoang hóa trở lại năm xưa trở thành cánh rừng bạt ngàn xanh tốt, tạo nên cảnh

quan tươi đẹp và môi trường sống thuận lợi cho nhiều loài động vật phát triển. RNM Cần Giờ được các chuyên gia nước ngoài đánh giá cao về công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ở Việt Nam và trên thế giới. Các nhà khoa học lâm nghiệp khôi phục hệ sinh thái (HST) RNM Cần Giờ trở về trạng thái tự nhiên đã được trao Giải thưởng Hồ Chí Minh vào năm 2005.

RNM Cần Giờ có vị trí địa lý rất đặc biệt, với HST đất ngập nước ven biển, RNM vừa bị tác động của sông và biển. Hàng năm, RNM nhận một lượng lớn phù sa từ sông Đồng Nai cùng với ảnh hưởng của biển kế cận và các đợt thủy triều làm cho hệ động, thực vật nơi đây rất phong phú và đa dạng. Các loại cây trong rừng trở thành nguồn cung cấp thức ăn và là nơi trú ngụ của các loài thủy sinh, cá và các động vật có xương sống khác.

RNM Cần Giờ có 157 loài thực vật thuộc 76 họ, trong đó có 35 loài cây rừng ngập mặn thuộc 36 chi, 24 họ. Khu hệ động vật không xương sống, thủy sinh có 70 loài thuộc 44 họ (chủ yếu là các loài cua biển, tôm sú, tôm thẻ bạc, sò huyết...); khu hệ cá có 137 loài thuộc 39 họ (với các loài cá: ngát, bông lau, dưa...); khu hệ chim có 130 loài, 47 họ, 17 bộ (bồ nông chân xám, diệc xám, vạc, già đẫy, giang sen...); khu hệ thú có 19 loài, 13 họ, 7 bộ (mèo rừng, khỉ đuôi dài, cây vôi đốm, nhím...); khu hệ lưỡng thê, bò sát có



9 loài lưỡng thê, 31 loài bò sát (kỳ đà nước, hổ mang chúa, trăn gấm, cá sấu hoa cà...). Đặc biệt, 11 loài bò sát có tên trong sách đỏ Việt Nam như tắc kè, kỳ đà nước, trăn đất, trăn gấm, rắn cạp nong, rắn hổ mang, rắn hổ chúa, vích, cá sấu hoa cà.

Ngoài ra rừng có nhiều loại cây, chủ yếu là bần trắng, mắm trắng, các quần hợp đước đôi - bần trắng cùng xu ổi. Cây nước lợ có bần chua, ô rô, dừa lá, ráng. Cây nông nghiệp có lúa, khoai mỡ, các loại đậu, dừa, cây ăn quả. RNM Cần Giờ là một điểm du lịch sinh thái, giúp cho người dân địa phương có nguồn thu nhập đáng kể. RNM Cần Giờ còn là phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học về HST đặc biệt này. Hàng năm, đã có hàng trăm sinh viên của các trường đại học trong nước đến tham quan học tập, nghiên cứu làm đề tài tốt nghiệp và đón tiếp nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước đến tìm hiểu, nghiên cứu về động thực vật.

Hiện nay, việc quy hoạch sử dụng đất chưa hợp lý như các công trình lấn biển làm bãi tắm và du lịch, tình trạng khai thác quá mức nguồn nguyên thiên nhiên đang là

những nguy cơ đe dọa HST RNM Cần Giờ. Vì vậy, để giúp cộng đồng địa phương bảo vệ nguồn tài nguyên, giúp người dân có sinh kế bền vững, trước hết cần hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý và quy hoạch chi tiết các dạng tài nguyên đất đai, sông rạch, rừng ngập mặn, động thực vật, khu du lịch, giao thông... Khoanh định không gian - diện tích những khu vực lõi, đệm và chuyển tiếp với mục bảo tồn đa dạng sinh học và BVMT trên đất liền, sông, biển. Huy động sự tham gia và đóng góp của cộng đồng dân cư và các bên liên quan vào công tác quy hoạch, quản lý và khai thác sử dụng các loại tài nguyên, trong đó đặc biệt các khu dịch vụ du lịch.

Thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền, giáo dục về BVMT và ĐDSH, ứng phó với BĐKH và nước biển dâng. Nghiên cứu sinh kế cộng đồng cho cư dân quanh vùng đệm bằng việc khảo sát các đối tượng sống xung quanh; đào tạo kỹ năng làm việc cộng đồng, liên kết các trường dạy nghề đào tạo nghề du lịch và nấu ăn cùng với các công ty du lịch để triển khai dịch vụ du lịch sinh thái. Tổ chức lực lượng quần chúng bảo vệ rừng, thiết lập các chốt bảo vệ ở nơi xung yếu và tất cả các tiểu khu, làm tốt công tác khuyến lâm, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động qua trồng rừng ■

**DƯƠNG LIỄU -  
XUÂN THẮNG**



▲ RNM Cần Giờ là lá phổi xanh của TP. Hồ Chí Minh



# Áp dụng phương pháp dựa vào hệ sinh thái để giảm thiểu rủi ro thiên tai

**B**iến đổi khí hậu (BĐKH) ngày càng diễn biến phức tạp, khả năng tổn thương của hệ sinh thái trước các tác động tiêu cực của thiên tai, bão lũ ngày một gia tăng. Trước tình hình đó, một số tổ chức quốc tế đã hỗ trợ các quốc gia triển khai các dự án, chương trình áp dụng cách tiếp cận dựa vào hệ sinh thái (HST) để giảm thiểu rủi ro thiên tai và ứng phó với BĐKH.

Từ năm 2012 - 2016, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) đã phối hợp với Ủy ban châu Âu (EC) triển khai các dự án thúc đẩy cách tiếp cận dựa vào HST để giảm thiểu rủi ro thiên tai (Eco-DRR) tại các nước dễ bị tổn thương.

## CẢNG SALUT, HAITI

Haiti là một trong những quốc gia bị tác động nghiêm trọng bởi thiên tai. Cùng với nạn phá rừng, đánh bắt cạn kiệt thủy hải sản và các hoạt động phát triển kinh tế khác đã làm cho các hiện tượng lũ lụt, bão lốc, sạt lở đất ngày càng gia tăng. Với sự hỗ trợ của UNEP và EC, Haiti đã triển khai Dự án giảm thiểu rủi ro thiên tai thông qua quản lý vùng ven biển bền vững. Dự án nhằm tăng cường quản lý các khu bảo tồn biển, cải thiện sinh kế của người dân bản địa và giảm thiểu rủi ro thiên tai. Bước đầu, Haiti đã thực hiện Dự án thí điểm tại Cảng Salut, với các hoạt động như: Tăng cường năng lực cho chính quyền địa phương để quản lý và phát triển bền vững vùng ven biển; Thúc đẩy quan hệ hợp tác công tư giữa chính quyền TP và người dân; Xây dựng cơ sở dữ liệu về thực trạng môi trường ven biển để phục vụ công tác quản lý; Hỗ trợ người dân nuôi các loài hải sản có khả năng chống chịu với thiên tai; Tăng cường trồng rừng dọc bờ biển, ven sông và tái sinh thảm thực vật; Nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò của biển và HST biển; Giảm thiểu ô nhiễm biển và thiết lập hệ thống thu gom chất thải ven biển.

Đến nay, Dự án đã trồng được 36.300 cây ngập mặn nhằm chống bão lũ và giảm thiểu xói lở bờ biển. Dự án đã xây dựng một khu vườn ươm cho đến khi các cây phát triển khỏe mạnh thì sẽ đưa về trồng gần các khe núi, cửa sông và ven biển. Ngoài ra, Dự án còn hỗ trợ tài



▲ Áp dụng quản lý tổng hợp tài nguyên nước góp phần giảm thiểu rủi ro thiên tai tại LVS Lukaya (CHDC Congo)

chính để người dân sửa chữa tàu thuyền, tiếp tục ra khơi bám biển, khai thác, đánh bắt hải sản, góp phần hạn chế đánh bắt gần bờ và thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai (thiết lập hệ thống cảnh báo, trang bị các thiết bị ứng phó khẩn cấp, xây dựng nơi tạm trú an toàn...). Đặc biệt, thông qua Dự án, Khu bảo tồn biển Cảng Salut đã được xây dựng nhằm tăng cường khả năng chống chịu trước các thảm họa và hỗ trợ sinh kế bền vững cho người dân. Thời gian tới, Dự án sẽ trồng thêm 7 ha cỏ vetiver và triển khai nhiều giải pháp quản lý Khu bảo tồn biển.

## LƯU VỰC SÔNG LUKAYA, CỘNG HÒA DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Cộng hòa Dân chủ (CHDC) Congo là nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Tuy nhiên, trong những năm qua, Congo đã trải qua những trận lũ lụt và

xói mòn nghiêm trọng, gây thiệt hại nặng nề cho hàng triệu người dân. Theo Báo cáo xếp loại 193 quốc gia về mức độ tổn thương trước tác động của BĐKH do Công ty Tư vấn Rủi ro toàn cầu Maplecroft (Anh) thực hiện, Congo nằm trong số 30 quốc gia chịu ảnh hưởng "cực kỳ" lớn bởi sự thay đổi khí hậu.

Từ năm 2013, UNEP và EC đã trình diễn thí điểm dự án về giảm thiểu rủi ro thiên tai nhờ cách tiếp cận dựa vào HST tại CHDC Congo. Dự án nhằm hạn chế tác động từ thiên tai và hỗ trợ sinh kế cho người dân thông qua việc áp dụng quản lý tổng hợp tài nguyên nước ở lưu vực sông (LVS) Lukaya, một trong những con sông chính cung cấp nước sinh hoạt cho người dân Thủ đô Kinshasa. Dự án đưa ra các biện pháp thích ứng với BĐKH, thiên tai dựa vào HST như trồng rừng và cỏ vetiver.

Hiện tại, Dự án đã xây



dựng 4 vườn ươm, tạo ra 42.000 cây giống (cây lâm nghiệp, cây ăn quả) và 32.000 cây cỏ vetiver mỗi năm nhờ áp dụng công nghệ sinh học. Ngoài ra, Dự án còn thực hiện chương trình nông lâm kết hợp dựa vào cộng đồng quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng, nhằm hạn chế tình trạng phá rừng, bảo vệ đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, Dự án còn xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn cho lưu vực và những vùng có nguy cơ lũ lụt, lập bản đồ mạng lưới sông. Đặc biệt, Dự án còn tổ chức nhiều cuộc đối thoại giữa chính quyền, cơ quan quản lý và người dân để giải quyết các vấn đề liên quan đến nguồn nước, đảm bảo sự công bằng và hiệu quả. Thông qua các hoạt động đó, người dân đã biết ứng phó, ngăn chặn sự tàn phá của các thảm họa thiên tai; đồng thời bảo vệ rừng, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, cũng như phát triển sinh kế, đảm bảo cuộc sống.

Có thể thấy, HST có vai trò quan trọng đối với đời sống con người. Việc đầu tư, quản lý, bảo vệ, phục hồi HST tự nhiên để tạo vùng đệm vững chắc trước tác động của thiên tai là phương pháp hiệu quả trong bối cảnh BĐKH ngày càng diễn biến phức tạp. Nhờ áp dụng cách tiếp cận dựa vào HST đã giúp người dân thích ứng được với các tác động tiêu cực của thiên tai, nâng cao khả năng phục hồi, đồng thời mang lại nhiều lợi ích cho xã hội và môi trường.

**H. TRẦN** (Theo UNEP)

# Kenya duy trì chính sách bảo vệ động vật hoang dã để phát triển du lịch

**Kenya hiện nằm trong top 4 quốc gia phát triển nhanh nhất châu Phi và đang đặt mục tiêu năm 2030 trở thành nước có nền kinh tế phát triển như các "con hổ châu Á". Đến với Kenya du khách sẽ được trải nghiệm với thiên nhiên và thế giới động vật hoang dã (ĐVHD).**



▲ Khách tham quan Vườn quốc gia Samburu, Kenya

## BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ NGHIÊM NGẶT

Nhiều năm qua, Kenya đã duy trì chính sách bảo vệ ĐVHD rất nghiêm ngặt. Những người bắt giết ĐVHD sẽ bị phạt tù, thậm chí là tù chung thân nếu cố tình bắt, giết những loài động vật quý hiếm như voi, sư tử, tê giác, hươu cao cổ... Việc buôn bán các sản phẩm từ ĐVHD cũng bị phạt rất nặng. Đó là lý do những kẻ buôn lậu sản phẩm từ ĐVHD như ngà voi, sừng tê giác... mua ở các nước châu Phi khác đều tránh quá cảnh tại Kenya vì có thể bị bắt và phạt tù.

Ngoài áp dụng luật pháp nghiêm khắc, Kenya cũng giáo dục rất tốt ý thức bảo vệ ĐVHD cho người dân. Các thế hệ học sinh học được điều này một cách tự nhiên từ những hoạt động ngoại khóa như đi thăm trung tâm cứu hộ hươu cao cổ ở Nairobi. Người lớn trong các gia đình cũng làm gương và nhắc nhở con em họ về ý thức bảo vệ

động vật. Có lần, chiếc xe chở chúng tôi đang bon bon chạy trên con đường đất ở khu bảo tồn hồ Nakuru thì bất chợt phanh gấp lại, anh lái xe người bản địa mở cửa chạy xuống và cầm trên tay một con rùa con chỉ to bằng 3 ngón tay, nâng niu đặt chú rùa sang bên bãi cỏ ven đường và nói xin lỗi vì suýt nghiền chết chú rùa.

Đến Kenya, du khách còn được nhìn thấy ngay trước mắt mình những chú hươu, nai, ngựa vằn ngơ ngác gặm cỏ, gia đình voi quây quần, những chú tê giác to lớn, những chú sư tử kiêu hãnh hay những chú báo hoa nhanh nhẹn...

## CÁC KHU NGHỈ DƯỠNG HÀI HÒA VỚI THIÊN NHIÊN

Đa số các khách sạn, khu nghỉ dưỡng ở Kenya đều được thiết kế đẹp mắt và thân thiện với thiên nhiên. Ở Khách sạn The Ark nằm giữa rừng quốc gia Aberdare, với thiết kế hình



con thuyền Noah độc đáo với phòng nghỉ như những cabin. Từ cửa sổ các phòng ngủ hay ở khu sảnh khách sạn đều có thể dễ dàng quan sát thú hoang như voi, trâu rừng, hươu, nai, lợn rừng, chim... đến uống nước ở dòng suối ngay cạnh khách sạn.

Khu nghỉ dưỡng hồ Nakuru gây ấn tượng với du khách bởi những bungalow mô phỏng nhà thổ dân nhưng bên trong phòng thiết kế rất đẹp, rộng rãi và tiện nghi. Từ phòng khách sạn có thể phóng tầm mắt ngắm hồ Nakuru tuyệt đẹp dưới ánh hoàng hôn và từng đàn ngựa vằn hàng trăm con nối đuôi nhau rào bước.

Ở resort hồ Navaisha, du khách thỏa sức nhìn ngắm đàn hươu, nai, ngựa vằn hay hươu cao cổ gặm cỏ trên vạt rừng ngay trước cửa. Từ khách sạn chỉ vài bước chân là ra bến tàu, và du khách có thể du ngoạn tìm hiểu đời sống các loài chim nơi đây. Resort khu vực Masai Mara tạo sự khác biệt với đầm hà mã, và tất nhiên có cả chòi cho du khách ngắm và chụp ảnh loài động vật này. Đêm đến, những chú hà mã đổ sộ lên tận sân cỏ khu resort để ngủ, nơi chúng nằm chỉ cách phòng ngủ của du khách vài chục bước chân, thật kỳ diệu! Khách đi từ khu lễ tân về phòng khách sạn phải có nhân viên khách sạn soi đèn, cầm gậy đưa về. Khi soi đèn vào bãi cỏ, có thể thấy hàng chục chú hà mã to kềnh càng nằm la liệt cạnh nhau.

Những khu resort sang trọng tại các khu bảo tồn Kenya được thiết kế hài hòa với thiên nhiên khiến du khách cảm thấy rất thích thú và muốn dành thời gian ở lại nơi này lâu hơn. Cần nói thêm, người Kenya xây dựng các khu resort giữa thiên nhiên hoang dã nhưng không tàn phá cây cối, môi trường tự nhiên; tạo điều kiện cho du khách quan sát đời sống ĐVHD ở khoảng cách rất gần nhưng không làm ảnh hưởng đáng kể tới cuộc sống của chúng.

Vào mùa thú di cư (tháng 7 - tháng 10 hàng năm), tại đất nước châu Phi này diễn ra cảnh tượng rất ngoạn mục: hàng triệu con thú kéo nhau di cư tránh rét, đó cũng là khoảng thời gian lượng du khách đổ dồn tới Kenya tăng cao. Giá thuê phòng khách sạn ở các khu bảo tồn vào thời điểm này có thể cao hơn gấp đôi so với bình thường do cung không đủ cầu. Kenya cũng không muốn phát triển ồ ạt lượng khách, đặc biệt là khách bình dân vì có thể sẽ làm mất đi vẻ thanh bình của khung cảnh thiên nhiên hoang dã và ảnh hưởng đến đời sống của các loài ĐVHD tại đây.



▲ Những khu resort sang trọng tại các khu bảo tồn Kenya được thiết kế hài hòa với thiên nhiên

## BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC Ở ĐỊA PHƯƠNG

Kenya không chỉ có thiên nhiên hoang sơ và ĐVHD. Khi đến với khu bảo tồn Masai Mara, du khách sẽ được giao lưu cùng người bản địa Masai với nhiều phong tục kỳ lạ. Họ sống trong các ngôi nhà tranh, vách đất làm từ phân bò trộn vớt đất. Trong nhà không có điện, nước, nhà vệ sinh. Người ta lấy nước ở suối và tắm khi nào trời mưa. Các ngôi nhà đất được xây sát nhau tạo thành vòng tròn khép kín, lưng nhà quay ra ngoài để tránh thú dữ. Người Masai nuôi bò và cừu để lấy thức ăn chứ không sản bán ĐVHD. Họ không ăn ngũ cốc, rau củ mà chỉ ăn thịt và uống tiết bò, cừu trộn với sữa bò. Vì thế, bò và cừu (chứ không phải tiền) là thước đo cho sự giàu có của người Masai. Đàn ông có thể lấy nhiều vợ miễn là anh ta có nhiều bò để làm của hồi môn (mười con bò đủ để làm của hồi môn lấy một cô vợ). Họ đã sống cuộc sống như thế hàng ngàn năm qua và rất khỏe mạnh, hạnh phúc.

Đến thăm khu làng của người Masai, du khách được xem họ trình diễn kỹ năng tạo lửa từ thanh gỗ và thường thức những màn văn nghệ múa hát độc đáo của cả nam và nữ. Người Masai thích mặc những bộ đồ truyền thống nhiều màu sắc và đeo trên mình nhiều đồ trang sức. Du khách sẽ được chụp ảnh chung với những người Masai cao lớn dũng cảm, nếu thích có thể mua những sản phẩm lưu niệm xinh xắn làm từ gỗ, đá của dân làng. Với truyền thống văn hóa đặc sắc, làng của người Masai thu hút rất đông du khách và hoạt động du lịch đem đến thu nhập đáng kể cho cộng đồng người Masai.

Có lẽ, cảm giác thanh bình và hòa hợp với thiên nhiên là phần thưởng lớn nhất dành cho du khách khi đến Kenya. Đặc biệt, nhìn vào cách đất nước này bảo tồn nghiêm ngặt vẻ đẹp thiên nhiên và các loài ĐVHD để phát triển du lịch, mỗi chúng ta đều sẽ tìm thấy cho riêng mình những điều cần suy ngẫm...

**TRỊNH LÊ ANH - NHÂM HIỂN**





# Anh: Xử phạt nặng đối với hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của doanh nghiệp

**Những năm qua, nhiều quốc gia trên thế giới đã đưa ra các quy định nghiêm ngặt về xử phạt những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường. Tại Anh, các doanh nghiệp vi phạm quy định về môi trường sẽ phải nộp những khoản tiền phạt lớn theo đúng nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, đảm bảo sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật.**



▲ Cơ quan chức năng của Anh kiểm tra việc thực hiện quy định môi trường tại doanh nghiệp

Theo Cơ quan Môi trường Anh, tổng số tiền nộp phạt của các doanh nghiệp (DN) vi phạm Luật Môi trường trong thời gian qua khoảng hơn 1,5 triệu bảng Anh, sẽ được sử dụng để đầu tư vào các dự án bảo vệ động vật hoang dã và BVMT. Số tiền trên được thu từ tiền phạt của 26 công ty có tên trong danh sách các DN vi phạm quy định trong lĩnh vực môi trường. Theo đó, DN phải nộp từ 1.500 - 375.000 bảng Anh như một sự thay thế việc truy tố vì có hành vi vi phạm pháp luật về môi trường như xả thải gây ô nhiễm các dòng sông, hoặc vi phạm trong xử lý, tái chế chất thải. Cơ quan Môi trường Anh cho biết, số tiền trên sẽ được chuyển đến 30 tổ chức từ thiện và các dự án để làm sạch môi trường các dòng sông, phục hồi hệ sinh thái, hoặc hỗ trợ các nhóm cộng đồng để đầu tư vào các công viên công cộng.

Trong đó, Công ty Kinh doanh nước Northumbrian phải trả 375.000 bảng vì xả nước thải chưa qua xử lý ra sông Tyne; Công ty Dịch vụ nước Anglian phải trả 100.000 Bảng vì hai hành vi gây ô nhiễm nước và làm cá chết. Bên cạnh đó, các Công ty Heineken UK và Kerry Ingredients cũng phải trả một khoản tiền lớn do gây ra sự cố môi trường, 2 Công ty Filippo Berio và Sandoz phải trả hàng trăm nghìn bảng Anh cho hành vi không thu hồi, hoặc tái chế bao bì thải loại.

Ngoài các khoản tiền phải chi trả, tất cả các công ty vi phạm còn phải chứng minh được là đã thực hiện việc khắc phục các vấn đề môi trường để không tái diễn vi phạm trong tương lai.

## CÁC CÔNG TY PHẢI NỘP PHẠT NHIỀU NHẤT

Northumbrian Water: 375.000 bảng Anh  
 Filippo Berio: 253.906 bảng Anh  
 Anglian Water Services: 100.000 bảng Anh  
 Heineken: 160.000 bảng Anh  
 Kerry Ingredients: 127.975 bảng Anh  
 Sandoz: 120.932 bảng Anh

Theo Cơ quan Môi trường Anh, việc cưỡng chế, xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường đã bắt đầu thực hiện từ năm 2015 và đang được bổ sung nhiều mức độ, hành vi vi phạm khác. Trên cơ sở đó, các biện pháp xử phạt được sử dụng một cách phù hợp để giúp phục hồi môi trường một cách nhanh chóng, nâng cao năng suất cho chính DN và hạn chế các vụ án hình sự dây dưa, tốn đong. Tuy vậy, các vụ án nghiêm trọng vẫn đang tiếp tục được điều tra.

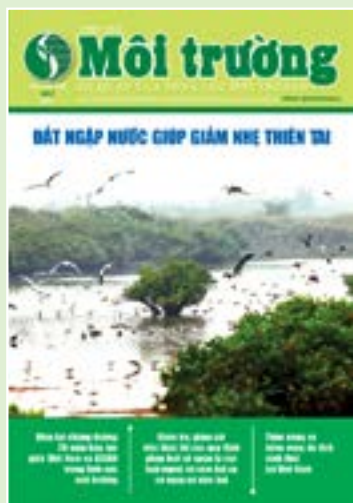
Giám đốc phụ trách pháp lý của Cơ quan Môi trường Anh Peter Kellett cho biết: “Chúng tôi xem sự cố ô nhiễm môi trường là rất nghiêm trọng và khoản tiền phạt 1,5 triệu bảng là kết quả của hành động thực thi cương quyết, nhưng

công bằng và đem lại lợi ích cho con người, môi trường”.

Việc thực thi quy định xử phạt hành chính sẽ làm cho những cá nhân, tổ chức, DN vi phạm có cơ hội để phục hồi môi trường và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa tái vi phạm. Ở khía cạnh nào đó, đây là giải pháp giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn so với việc khởi tố và buộc DN vi phạm phải chịu trách nhiệm cho hành động của mình, từ đó có những việc làm phù hợp theo đúng trách nhiệm với cộng đồng địa phương.

Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền cho những thiệt hại gây ra có ý nghĩa tích cực, nhằm tạo nguồn kinh phí hỗ trợ công tác cải thiện môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững.

**HOÀNG DƯƠNG (Tổng hợp)**



#### EDITORIAL COUNCIL

**Nguyễn Văn Tài**  
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Dr. **Mai Thanh Dung**

Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**

Prof. Dr. **Trần Thục**

Dr. **Hoàng Văn Thức**

Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Prof. Dr. **Lê Văn Trình**

Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyên**

#### EDITOR - IN - CHIEF

**Đỗ Thanh Thủy**

Tel: (04) 61281438

#### OFFICE

##### ● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,  
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (04) 66569135

Editorial board: (04) 61281446

Fax: (04) 39412053

Email: [tapchimoitruongcmt@vea.gov.vn](mailto:tapchimoitruongcmt@vea.gov.vn)

<http://www.tapchimoitruong.vn>

##### ● Ho Chi Minh City:

A 403, 4<sup>th</sup> floor - MONRE's office complex,  
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,  
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: 08.66814471; Fax: 08.62676875

Email: [tcmtphianam@gmail.com](mailto:tcmtphianam@gmail.com)

#### PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page: Xuân Thủy  
National Park - Ramsar site in Nam  
Định province

Photo by: TTXVN

*Processed & printed by:*

*Hải Anh Co., Ltd*

**Nº 2/2017**

**Price: 15.000VND**

# IN THIS ISSUE

## EVENTS - ACTIVITIES

- [4] • Tree planting festival in memory of Uncle Ho
- [5] • MONRE's new year reception with international partners
- [6] • Celebrating World Wetland Day 2017: Promoting development and implementation of wetland conservation and sustainable development
- [7] • MONRE and Ministry of Industry and Trade boost cooperation in natural resources management, environmental protection and climate change responses
- [8] • VEA Environment Administration' priority tasks in 2017

## LAW - POLICY

- [10] NGUYỄN HẰNG: Supervising compliance in invasive species and potential invasive species regulations
- [12] NGUYỄN THỊ THANH TRÂM - TRƯƠNG THỊ TUYẾT NHUNG:  
Overview of 20 years of environmental cooperation between Viet Nam and ASEAN
- [14] TRẦN ÁNH DƯƠNG: Increasing environmental protection in transport sector period 2016 - 2020
- [16] HOÀNG NHẤT THỐNG: Viet Nam's policy on managing natural resources and environment of seas and islands in the international integration period
- [18] LƯU TRỌNG QUANG: Thanh Hoa effectively addresses environmental hotspots in 2016
- [19] NGUYỄN THỊ TÂM: Hau Giang effort in meeting environmental criteria in new rural area development
- [20] ĐỖ BÌNH: Binh Duong enhances the implementation of environmental protection action plan 2016 - 2020

## VIEW EXCHANGE - FORUM

- [23] THẮNG TRUNG: Effective implementation of Forest payment for environmental services in Son La
- [24] NGUYỄN THỊ NGỌC ANH - NGUYỄN THỊ MINH HẢI: Environmental audit and ecological management: some opportunities and challenges in implementation for Vietnamese businesses
- [26] ĐÀO VĂN HIỂN: Cooperation among Viet Nam, Cambodia and Thailand in addressing oil spill incidents in the Gulf of Thailand
- [28] NGUYỄN THỊ NGỌC THÙY: Strengthening resource tax collection and management in mineral resource exploitation

## GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [30] ĐÌNH LÂN: Proposed measures for developing crescent acacia in sandy coastal zones in Quang Tri
- [31] LÊ MAI: Measures for sustainable development and conservation of Nature protected area of Na Hau, Yen Bai
- [33] LÊ THƯƠNG: Development of unbaked bricks in Lang Son

## ENVIRONMENT & BUSINESS

- [34] TRẦN GẮM: Southeast Zone Gas Transport Company enhances occupational safety and disciplines
- [35] TẠ DUYỆT: Lai Chau No.10 Company Ltd efforts in investment for sustainable development
- [36] ANH TUẤN: Vietsovpetro effectively implements environment and health safety

## GREEN GROWTH

- [37] NGUYỄN THANH GIANG: Improving enabling policies for solar energy in Viet Nam
- [39] LÊ ANH TÚ: Ecotourism experience in island nations and lessons for Viet Nam
- [42] PHẠM TRUNG LƯƠNG: Potentials and perspectives for ecotourism in Viet Nam

## ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [44] PHAN THỊ ANH ĐÀO - LÊ TRỌNG CỨC...: Human ecology and sustainable development
- [47] NGUYỄN THỊ THÙY: Quang Binh Women Union's effective environmental campaigns
- [48] LÊ ANH TÚ: Ecotourism experience in coconut villages
- [49] LÊ TRẦN CHẤN: Wonders in Karst plateau Geopark
- [50] DƯƠNG LIỄU - XUÂN THẮNG: Conservation and development of Can Gio mangrove forests

## AROUND THE WORLD

- [52] HƯƠNG TRẦN: Ecosystem based system approach for reducing disasters
- [53] TRỊNH LÊ ANH - NHÂM HIỂN: Kenya maintains policies of wildlife conservation for promoting ecotourism
- [55] HOÀNG DƯƠNG: UK's strict punishment for businesses' environmental violation



TẬP ĐOÀN **LỘC TRỜI**  
LỘC TRỜI GROUP

[hatngoctroi.vn](http://hatngoctroi.vn)  
[hatngoctroirice](https://www.facebook.com/hatngoctroirice)

0838 407 212  
0915 161 759

# HẠT NGỌC TRỜI

## GẠO AN TOÀN



### CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ



## CÔNG TY TNHH ĐO KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG MINH ĐỨC

Địa chỉ: Số 1, Tổ Dân Phố 9, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội.

TGD: Ông Hà Quang Phước

*Chúc mừng năm mới*

Happy new year

2017





*Chúc mừng năm mới 2017  
Chào Xuân Đinh Dậu*

**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DŨNG HOA**  
Địa chỉ: Tổ 1, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội

**CÔNG TY TNHH TÙNG CƯỜNG**  
Địa chỉ: Xóm Minh Tiên, Xã Châu Tiên,  
Huyện Quý Châu, Nghệ An



*Chúc mừng năm mới 2017  
Chào Xuân Đinh Dậu*

**CÔNG TY TNHH NGUYỄN BÁ LƯƠNG**  
Địa chỉ: Xã Giang Sơn Đông, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An



*Chúc mừng năm mới 2017  
Chào Xuân Đinh Dậu*

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ THƯƠNG MẠI VŨ TRƯỜNG GIANG**  
Địa chỉ: Xóm Đông Hồng, Xã Đông Hiếu,  
Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An



*Chúc mừng năm mới 2017  
Chào Xuân Đinh Dậu*

**CÔNG TY TNHH NGUYỄN BÁ LƯƠNG**  
Địa chỉ: Xã Giang Sơn Đông, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An

**huda**  
GOLD

# VINH DANH THÀNH TỰ VÀNG



**WORLD  
BEER  
AWARDS**  
VIETNAM  
**GOLD**



Cùng chúc mừng 2 niềm tự hào miền Trung  
đạt Huy Chương Vàng danh giá năm 2016: Hoàng Xuân Vinh  
tại Olympic Rio và Huda Gold tại Giải thưởng Bia Thế Giới (Anh)



Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất PISICO Thành lập theo giấy Đăng ký kinh doanh số 317310 ngày 17/7/2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp với ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm chế biến từ gỗ và gỗ kết hợp với các vật liệu khác để tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

Định hướng phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo là giữ mức tăng trưởng hàng năm 20% với sản phẩm đồ gỗ ngoài trời (Outdoor). Mở rộng quy mô sản phẩm gỗ có chất lượng cao. Từng bước tạo ra các sản phẩm nội thất đi sức cạnh tranh và xâm nhập vào thị trường có tiềm năng lớn.

- Thành tích đạt được những năm vừa qua:**
- Nhiều năm liên được UBND tỉnh Bình Định tặng Bằng khen,
  - Bộ Công Thương bình chọn tặng giải thưởng Thương hiệu vàng năm 2008,
  - Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam tặng bằng khen năm 2011, 2014, 2015



Công ty cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Cao Bằng là Công ty con của Tổng Công ty Khoáng sản - VENACOMIN. Nhiệm vụ chính của Công Ty là:

- Khảo sát thăm dò các loại Khoáng sản, khai thác, tuyển luyện, gia công, chế biến.
  - Kinh doanh và xuất khẩu: Thiếc thô, gang đúc, quặng sắt, Fero Silic, Fero Mangan, vãng...
  - Sản xuất thủy điện, xây lắp đường dây và trạm trung, hạ thế, chế tạo cơ khí, sửa chữa thiết bị cơ điện.
  - Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Cao Bằng chúng tôi luôn đáp ứng thoả mãn các mặt hàng về số lượng, chất lượng sản phẩm cho quý khách hàng đồng ý cầu.
- Những phần thưởng cao quý mà Công ty đã được trao tặng:
- 03 Huân chương độc lập Hàng Bạc;
  - 02 Huân chương lao động Hàng Nhắc;
  - 05 Huân chương lao động Hàng Hai;
  - 14 Huân chương lao động Hàng Ba;
  - 02 Huân chương Kháng Chiến Hàng Bạc;
  - Tổ Cơ khí Tời dây được phong tặng danh hiệu: Anh hùng Lao động.
  - 01 Huân chương Độc lập Hàng Nhì (Thời kỳ đầu mới tháng 12/2005).
  - 16 lần được nhận cờ thi đua xuất sắc của Chủ tịch Nước; Chính phủ; Bộ Cơ khí Luyện kim; Bộ Nội vụ; Tỉnh uỷ; UBND Tỉnh Cao Bằng và nhiều phần thưởng cao quý khác.
- Với một bề dày lịch sử và truyền thống của giai cấp công nhân vùng mỏ và tiềm năng sẵn có, cùng với sự quan tâm chỉ đạo của các cấp Lãnh đạo, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đang rất cần những bàn tay, khối óc, những người lao động phát huy truyền thống và vẻ vang của mình, xây dựng Công ty phát triển ổn định, bền vững./.

## CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN MINH PHÚC

Địa chỉ: Số 602 Lương Ngọc Quyến, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên



Năm  
Hết  
Hạnh  
Phúc  
Bình  
An  
Đền

Ngày  
Xuân  
Vinh  
Hoa  
Phá  
Phú  
Quý  
Vê

2017

*Chúc mừng năm mới*

*Chào mừng Kỷ niệm 42 năm  
Ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước  
(30/4/1975 - 30/4/2017)  
và Ngày quốc tế Lao động (1/5/2017)*



Địa chỉ: Số 52 - Phố Kim Đồng - Phường Hợp Giang  
Thành Phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng  
Điện thoại: 0263.505.505 | Fax: 0263.852.579 - Email: kolcaobang@yahoo.com.vn





TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BỈM SƠN

VICEM BỈM SƠN CEMENT JSC

Add: P. Ba Đình - TX. Bỉm Sơn - Thanh Hóa Tel: +84 37 3824 242 - Fax: + 84 37 3824 046 - Web: www.ximangbimson.com.vn



# XI MĂNG VICEM BỈM SƠN

Niềm tin cho người sử dụng,  
sự bền vững của những công trình



*Đến với Vicem Bỉm Sơn, Quý khách hàng sẽ được đáp ứng mọi nhu cầu về chủng loại và chất lượng sản phẩm với dịch vụ tốt nhất*



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM MỘC BÀI

Công ty Cổ phần Việt Nam Mộc Bài, tại huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh, thuộc tập đoàn Thaiwang Hàn Quốc, là Công ty chuyên sản xuất giấy thủ thạc cho khách hàng. Công ty luôn thực hiện đầy đủ các yêu cầu của pháp luật và khách hàng về bảo vệ môi trường. Đây là trang điện tử của tập đoàn, với những báo cáo về các hoạt động phát triển bền vững hàng năm, trong đó có môi trường <https://tkgroup.co.kr> và tập đoàn cũng đã cam kết 10 điều theo tiêu chuẩn của UNGC -Hiệp ước toàn cầu Liên hiệp quốc- về Nhân quyền, Lao động, Môi trường và Chống tham nhũng, truy cập theo trang web <https://www.unglobalcompact.org>







**CÔNG TY CỔ PHẦN ANOVA FEED**

*Chúc mừng năm mới*  
**2017**



**CHÂN THÀNH CẢM ƠN**

*Quý khách hàng, Quý đối tác và các Cơ quan ban ngành đã tin tưởng và đồng hành cùng Anova Feed trong suốt thời gian qua. Kính chúc Quý khách năm mới nhiều may mắn, thành công và hạnh phúc.*

 Điện thoại: (072) 372 6545

 Fax: (072) 372 6541

 Website: [www.anovafeed.vn](http://www.anovafeed.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ANOVA FEED**

Trụ sở chính: CCN Tập Đoàn Anova, Ấp 4, Long Cang, Cấn Đức, Long An.  
Anova Feed – Đồng Nai: Lô G8, Đường Đ6N, KCN Dầu Giây, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai.  
Anova Feed – Hưng Yên: Đường A2, KCN Phố Nối A, H. Văn Lâm, T. Hưng Yên.



# TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1 CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN DUYÊN HẢI



## I. TỔNG QUAN TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC DUYÊN HẢI

Trung tâm Điện lực Duyên Hải có tổng diện tích 876,91 ha, được xây dựng tại ấp Mù U, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, cách trung tâm TP. Trà Vinh khoảng 50km về hướng Đông Nam và cách TP. Hà Chí Minh 250km, với tổng vốn đầu tư hơn 1,7 tỷ USD gồm:

TT	Tên nhà máy	Công suất	Chủ đầu tư
1	Duyên Hải 1	2x622,5 (MW)	EVNGENCO1
2	Duyên Hải 2	2x622,5 (MW)	BOT
3	Duyên Hải 3	2x622,5 (MW)	EVNGENCO1
4	Duyên Hải 3 (Mở rộng)	1x688 (MW)	EVNGENCO1
5	Cảng biển	Tổng vốn đầu tư khoảng 22.000 tỷ đồng Vốn trung bình hàng năm khoảng 12 triệu USD/năm	EVNGENCO1

Đối với các dự án do EVNGENCO1 làm chủ đầu tư Ban quản lý dự án Nhiệt điện 3 được giao giám sát thi công các dự án Nhà máy Nhiệt Điện Duyên Hải (NMND Duyên Hải), Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải được giao quản lý, vận hành các Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1, Duyên Hải 3, Duyên Hải 3 mở rộng và Cảng biển Trung tâm Điện lực Duyên Hải.

### \* NMND Duyên Hải 1

NMND Duyên Hải 1 gồm 2 tổ máy có công suất thiết kế 622,5MW cho mỗi tổ máy sử dụng công nghệ ngưng hơi truyền thống cần tài liệu: Sử dụng than cần 6A Hòn Gai, Cẩm Phả-Quảng Ninh; Dầu nổi vào lưới quốc gia 220KV, hàng năm cung cấp trên 6 tỷ kWh.

NMND Duyên Hải 1 khởi công xây dựng vào ngày 19/09/2010, Chính thức vận hành phát điện thương mại 01/2016. Tính đến ngày 15/11/2016, NMND Duyên Hải 1 đã cung cấp trên 1,88 tỷ kWh đáp ứng nhu cầu điện năng của Quốc gia đặc biệt là khu kinh tế trọng điểm phía Nam.

### \* NMND Duyên Hải 3

NMND Duyên Hải 3 gồm 2 tổ máy có công suất thiết kế 622,5MW cho mỗi tổ máy sử dụng công nghệ ngưng hơi truyền thống cần tài liệu: sử dụng Than Bituminous và Sub-Bituminous nhập từ Indonesia; Dầu nổi vào lưới quốc gia 500KV, dự kiến hàng năm cung cấp trên 6 tỷ kWh.

Ngày 8/12/2012 khởi công xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3; Đặt vào đầu đầu tiên tháng 08/2016, dự kiến đưa vào vận hành phát điện thương mại đầu năm 2017.

### \* NMND Duyên Hải 3MR

NMND Duyên Hải 3 mở rộng gồm 1 tổ máy có công suất thiết kế 688MW sử dụng công nghệ ngưng hơi truyền thống cần tài liệu: sử dụng Than Bituminous và Sub-Bituminous nhập từ Indonesia; Dầu nổi vào lưới quốc gia 500KV, dự kiến hàng năm cung cấp khoảng 4 tỷ kWh.

Ngày 15/12/2014 khởi công xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng; Dự kiến tháng 06/2018 đưa vào vận hành phát điện thương mại.

### \* Cảng biển TTDL DH

Ngày 21/04/2011 khởi công xây dựng Cảng biển Trung tâm điện lực Duyên Hải bao gồm ba bến cảng nhập than, một bến cảng nhập dầu cho tàu 1.000 tấn, chiều dài cầu dẫn 900m được bao bọc bờ đá bắc và đá Nam; Đá bắc dài 3,0km do EVN làm chủ đầu tư; đá Nam dài 2,4km do Bộ GTVT làm chủ đầu tư và đã hoàn thành tháng 12/2015.

## II. THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tất cả các dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải do EVNGENCO1 làm chủ đầu tư đều đã thực hiện đúng giá tác động môi trường (ĐTM) và được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt trước khi khởi công xây dựng.

Đối với các dự án đang triển khai xây dựng đã tiến hành quản lý môi trường ĐTM. Đối với dự án đã vận hành thường mai đã tiến hành quan trắc 04 lần/năm đúng theo cam kết trong nội dung ĐTM. Tất cả các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong ngưỡng cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

Tất cả các dự án NMND Duyên Hải đều được lắp đặt các hệ thống xử lý môi trường có công nghệ tiên tiến và được áp dụng phổ biến cho các NMND đặc thù trên thế giới, được giám sát chặt chẽ trong quá trình xây dựng và đưa vào vận hành, cụ thể:

**Hệ thống xử lý khí thải:** ban trong quá trình vận hành NMND đốt than, bụi và khí thải như NOx, SO2 là các thành phần cần xử lý để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường. NMND Duyên Hải 1 đã đầu tư hệ thống xử lý NOx (SCR), hệ thống lọc bụi tĩnh điện (ESP), hệ thống xử lý SO2 (FGD) ứng khác cao 210m, khi thải sau khi xử lý đáp ứng QCVN 22:2009/ĐTNMT.

Đầu năm 2016, Công ty đã chủ động lập dựng ngưỡng phát thải đối với khu vực đô thị có yêu cầu khắt khe hơn về thông số phát thải để điều chỉnh địa giới hành chính của Huyện Duyên Hải thành lập Thị xã Duyên Hải.

Công ty đã nghiên cứu, cải tiến địa hệ thống lọc bụi tĩnh điện (ESP) các tổ máy 51, 52 của Duyên Hải vận hành ngày từ thời điểm đầu tiên để đáp ứng quy chuẩn QCVN 22:2009/ĐTNMT ở mọi mức tải. Chuyển đổi nhiên liệu khởi động là từ dầu FO sang dầu DO đối với lò hơi phụ.

**Hệ thống xử lý nước thải:** nước thải công nghiệp, nước thải nhiễm than, nước thải nhiễm dầu sau khi xử lý đáp ứng QCVN46:2011/ĐTNMT, Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đáp ứng QCVN

14:2008/ĐTNMT, Nước mưa chảy tràn tại các khu vực kho than và cảng nhập than được thu gom theo đúng nội dung cam kết đánh giá tác động môi trường.

Đối với nước biển sử dụng làm mát, trước khi xả ra biển được giám sát, theo dõi qua hệ thống quan trắc tự động các thông số pH, DO, Nhiệt độ.

Công ty đã chủ động liên hệ và xin phép UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai lắp đặt hệ thống giám sát trực tuyến đối với các chỉ số môi trường của trung tâm để báo cáo về UBND tỉnh Trà Vinh, Sở Tài nguyên môi trường Trà Vinh.

**Bãi xỉ, kho than:** Đối với các khu vực có nguy cơ cao về việc phát tán bụi và ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thì chủ đầu tư tiến hành lắp đặt các hệ thống phun tưới đập bụi tự động và hệ thống camera giám sát từ xa.

Tro, xỉ NMND Duyên Hải 1 đã được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 (Quatest 2) xác định là chất thải thông thường và được Tổng Cục Môi trường chấp nhận làm vật liệu san lấp khu công nghiệp Ông Kẹo; Công ty đã ký hợp đồng tiêu thụ tro, xỉ với 3 đối tác tiêu thụ tro xỉ khoảng 1,2 triệu tấn/năm.

Công ty đã trồng thêm 5.400 cây xanh để phủ xanh khu vực Nhà máy, góp phần bảo vệ môi trường, đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng.

Chủ đầu tư cam kết tuân thủ chặt chẽ theo các quy định pháp luật BVMT hiện hành và nỗ lực cao nhất để hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực môi trường.

## III. CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI VÀ ĐÓNG GÓP PHONG TRÀO ĐỊA PHƯƠNG

Toàn bộ CBCNV tại TTEL là khoảng 1.200, tính đến thời điểm tháng 11/2016 là 873 người, trong đó CBCNV là người địa phương chiếm hơn 40%.

Thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Tính đến tháng 11/2016, Công ty đã đóng góp ngân sách tỉnh Trà Vinh khoảng 350 tỷ.

Bên cạnh việc đảm bảo phúc lợi góp phần phát triển kinh tế xã hội, Tổng Công ty phát điện 1, Công ty Nhiệt điện Duyên Hải, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3 đặc biệt chú trọng đến công tác an sinh xã hội của địa phương cụ thể: Đã đóng góp 30 tỷ đồng để nâng cấp và cải tạo hương lộ 83 thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; đóng góp 2,2 tỷ đồng cho hoạt động xây nhà tình nghĩa, don tết vì người nghèo, trao học bổng cho sinh viên nghèo, ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, thăm và tặng quà cho gia đình chính sách...

Dự kiến, từ năm 2019 trở đi các nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải do Công ty Nhiệt điện Duyên Hải quản lý sẽ đóng góp vào ngân sách khoảng 1.000 tỷ/năm.

Thực hiện chủ trương công khai minh bạch giám sát môi trường, Công ty đã và đang tổ chức cho người dân sống cạnh Nhà máy, các đoàn thể tham gia giám sát công tác bảo vệ môi trường tại Trung tâm điện lực Duyên Hải; Công ty Nhiệt điện Duyên Hải đã hướng dẫn để cán bộ chính quyền và người dân địa phương tham quan các hạng mục của Nhà máy để hiểu rõ hơn quy trình vận hành và quản lý của một Nhà máy điện có công suất lớn với các thiết bị công nghệ hiện đại về quy trình vận hành nhà máy, bãi xỉ, công tác vận hành hệ thống tiếp nhận than, công tác kiểm soát và xử lý tro bay, khói thải, nước thải.





# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẮC GIANG

Địa chỉ: Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: (0240) 3636.775 - Fax: (0240) 3636.707

Website: [ximangbacgiang.com.vn](http://ximangbacgiang.com.vn) - Email: [ximangbg@gmail.com](mailto:ximangbg@gmail.com)

Ông Nguyễn Văn Thanh - Tổng Giám đốc



## ▲ Trụ sở Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng Bắc Giang có dây chuyền sản xuất với công suất thiết kế 1.200 tấn/ngày. Chuyên sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm:

- \* Xi măng Poóc-lăng hỗn hợp PCB30, PCB40 theo tiêu chuẩn TCVN 6260-2009.
- \* Xi măng xây trát MC25.
- \* Clanh-ke Cpc 50.




## ▲ Dây chuyền sản xuất lò quay



## ▲ Dây chuyền sản xuất



 **TRUNG NGUYEN**  
THE NO.1 COFFEE!



HÃY DÙNG CÀ PHÊ KHÁC BIỆT, ĐẶC BIỆT  
- CÀ PHÊ TRUNG NGUYEN

*Cà phê Năng lượng - Cà phê Đổi đời*

Let's enjoy the unique and special coffee of Trung Nguyen  
THE ENERGY COFFEE - THE LIFE CHANGING COFFEE!



“Muốn giàu có và thành công, hãy đọc và ứng dụng bộ sách quý đổi đời được lựa chọn từ những tấm gương thành công nhất của nhân loại và trao tặng tới bạn bằng tấm lòng thiện lành của CHỦ TỊCH Tập Đoàn Trung Nguyên **ĐẶNG LÊ NGUYỄN VŨ**”



TRUNG NGUYEN COFFEE IS ON SHELVES IN: NEW YORK | LONDON | PARIS | BERLIN |  
MOSCOW | TOKYO | SEOUL | SHANGHAI | HONGKONG | DUBAI | SINGAPORE  
Website: [www.trungnguyen.com.vn](http://www.trungnguyen.com.vn) - Hotline: 1900.6011  
Product is available at: [www.cafelife.vn](http://www.cafelife.vn)

